



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

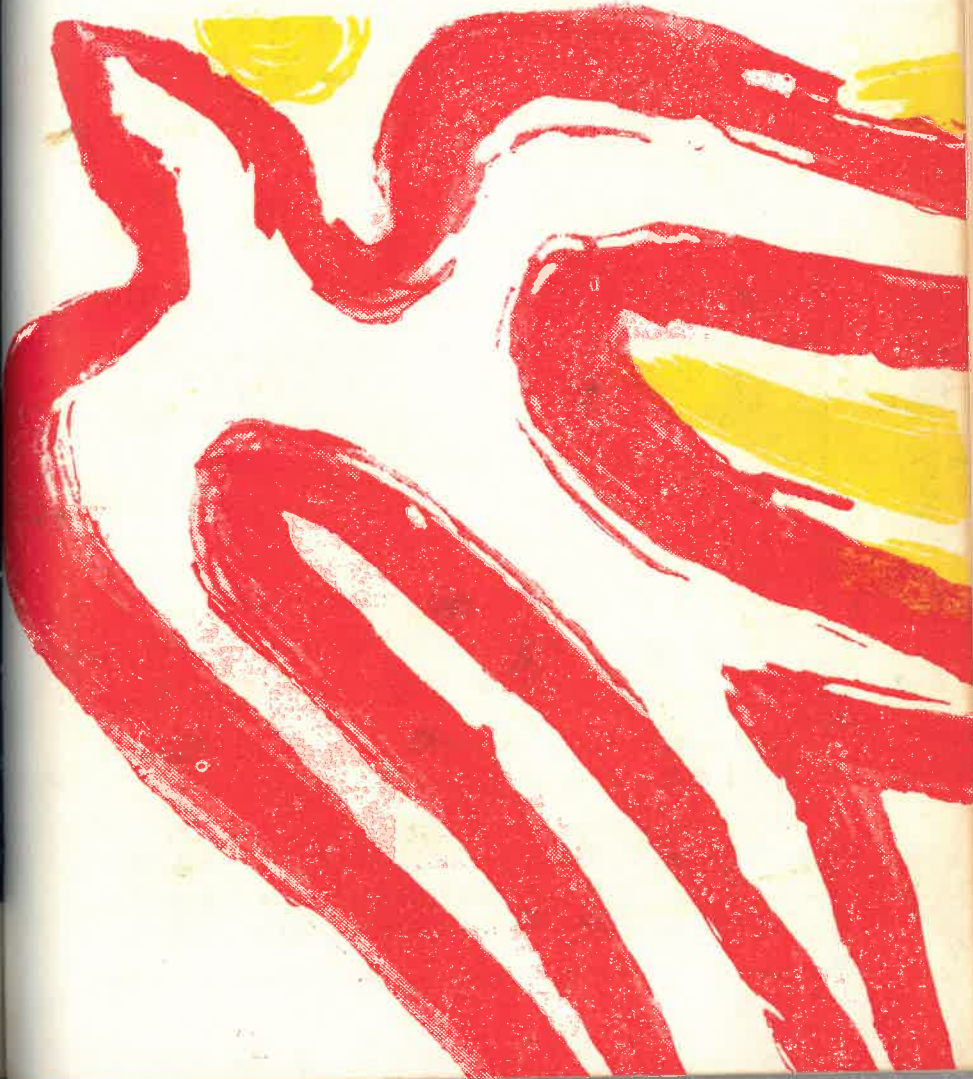
- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LÍC

PHỔ THÔNG

15-3-1969

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc: NGUYỄN . VỸ



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn · 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XI số 219 — 15-3-1969

1 — Ôi chim Hòa Bình	N.V.	3 — 9
2 — Thơ lên ruột	D.H.	10 — 11
3 — Nguyễn Trãi	Khánh-Xuyên	12 — 18
4 — Nên chọn sách nào	Ng-Đồng-Di	19 — 26
5 — Rêu phong (thơ)	Nhật-Huyền-Thanh	— 27
6 — Minh ơi !	Diệu-Huyền	28 — 36
7 — Đọc lại truyện Tam Quốc	Ng-Tử-Quang	37 — 46
8 — Không lực Hoa Kỳ	Ng-Quang-Hiền	47 — 60

9 — Họ nhà Cua	Tín-Khanh	61 — 65
10 — Tiếng nói thể hệ	1) Mạch-Quế-Hương 2) Ngọc-Tuyên	66 — 74
11 — Ngổ tối (thơ)	Ngân-Linh	— 75
12 — Một mùa Xuân (Đoãn văn)	Lan	76 — 82
13 — Trưng Nữ Vương	Diệu-Huyền	83 — 93
14 — Raspoutine	Thi-Vân	94 — 99
15 — Cô gái chẵn cừu	Võ-Danh-Thị	100 — 110
16 — Hồ Xuân Hương	N.V.	111 — 115
17 — Cái Điều	Lê-Minh-Khuê	116 — 130



Ôi chim Hòa-Bình, ta thương hại mi!

Mi là con chim đáng yêu nhất, đáng quý nhất trên địa cầu này. Ta ghét chim Diều-hâu, chim Ó bao nhiêu, ta ghét tôm chim Cú, ta khinh bỉ chim Vẹt bao nhiêu, ta yêu mi bấy nhiêu, hỏi chim Bồ-câu trắng!

Trong thời bình, mi là Tượng - trưng của Tình yêu. Trong thời chiến, mi là sứ-giã của hoà bình. Từ xưa từ xưa, không có máy móc, loài người còn văn minh, đã có biết bao nhiêu Thi-nhân, anh-hùng, mỹ-nữ, yêu chuộng mi. Nữ-thần Diane nâng-niu mi. Nhà thơ Hy Lạp Homère ca ngợi mi, và nhà-thơ La-mã Virgile, và Suadi, nhà thơ đa tình bay bướm của Á-rập, Nhà thơ Nhật TSurayuki đã khen tặng mi và Osada Tsunco, và nhà thơ Pháp Victor Hugo Erik Maria Remark đã đề mi đứng trên miệng súng đại bác, hát nhạc điệu cuối cùng trước khi súng đồng im tiếng, Picasso đã vẽ mi, với nét hồn nhiên khả ái, tặng mi là Chim Hoà-Bình..

Ô Colombe de la Paix!

Ta đã làm bao nhiêu câu thơ ... Débris d'ailes... Débris d'Elle...! Ta yêu mi bao nhiêu, hỏi chim bồ câu trắng, hỏi chim hiền diệu của ái tình!

Đời nay, tình yêu chân chính còn tinh khiết như lông trắng của mi. Tình yêu nhân-loại đã nhuộm hoen máu người.

Mi không còn ngậm cành lá olive nữa như thời Moïse, như thời các vua César.

Cửa địa ngục đã mở. Những loài quỷ đỏ nanh nhọn đã bắn những mũi tên sâu vào cánh mi, vào đuôi mi, Máu hoen ố từ các vết thương trên thân thể của mi, nhỏ xuống mặt đất thành những vũng thơ máu, Và chúng khiêu-vũ chung quanh những đồng xương tàn, chúng cười ghê rợn như những sợi lửa phụt ra từ các hỏa-diệm-sơn. Say sưa, chúng uống máu no-nê trong những sọ dừa, và cười, cười, cười ngả nghiêng trong đêm đỏ, Rồi đồng thanh chúng hát:

Chim Hòa - Bình !

Chim Hòa - Bình !

Mi khát không ?

Xuống đây uống với tụi tao!

Máu thơm lắm !

Máu ngọt ngào !

Chim Bồ-câu

Chim Hòa-Bình !

Xuống đây !

Uống cho say !

Máu nuôi máu

Rồi bay qua Tây,

Rồi bay qua Nam

Rồi bay qua Đông

Đem Hòa-bình máu

Cho chúng nó uống

Cho chúng nó say

Chúng đang khao khát Hòa

bình

Chim Bồ-câu !

Sứ-giã Hòa.bình !

Xuống đây !

Dự tiệc máu

Trong sọ dừa

Với tụi tao !

Máu thơm lắm

Máu ngọt ngào,

Chim Bồ-câu,

Chim Hòa-bình,

Xuống đây.

Xuống đây mau ! »

Nhưng mi không xuống dự cuộc khiêu vũ của Satan. Và mi không uống trong những sự dĩa tràn ngập máu. Ta biết và ta khen mi.

Mi là chim Hòa-bình của Thượng-đế. Mi là chim Hòa-bình của những người Tự do, của những người hành diên với Tự-do. Của những người con của Thượng-đế. Mi đâu phải chim Hòa-bình của Satan, của địa ngục.

Mi là sứ giả của Tình-yêu, của Tình thương muốn thuở muôn loài.

Mi là con chim của Hòa bình an lạc, Hòa bình dịu lành, Hòa bình bác-ái, Hòa bình hơn đạo.

Ta yêu mi như ta đã luôn luôn yêu mi, chim Bò-câu trắng của Tình-yêu, của Hòa-bình hơn loại.

Nhưng ta cũng thương hại mi vì những vết thương mi đã mang trên mình. Mi đã đứt cái đuôi, đã bị chặt hai đầu cánh, mi làm sao bay được nữa ?

Tội nghiệp Chim Hòa bình đau đớn !

Ta xót-xa thương hại mi, thời đại này mi không còn hát được nữa khúc ca Tình thương, mi không còn ngậm được nữa cành lá olive mà ta đã thấy ủa trên đầu các tượng Nữ-thần.

Hòa-bình hôm nay chỉ còn là Hòa bình bất ực, Hòa bình thương phế, Hòa bình tật nguyện.

Người ta khao-khát Hòa-bình, kêu gọi Hòa-bình nhưng tiếng gọi vang dội trong khói lửa mịt mù, mi không còn đáp lại được nữa bằng nhạc khúc êm dịu của tình thương

Gloria in Excelsis Deo et in Terra PAX Homi-
bus Bonae Voluntatis.

Chúa đầy vinh-quang trên Trời, nhưng Hòa bình đâu đến với những người có thiện tâm trên quả Đất ?

Chỉ thấy Hòa bình trong viễn ảnh xa mờ. Chim Bò-câu thần thoại hiện ra như đôi cánh thiên thần bị vết thương chấp chờn tuyệt vọng.

Ôi, chim Hòa bình ! Ta thương hại mi !



We look forward to the time when the power of love will replace the love of power. Then will our world know the blessings of peace.

William E. Gladstone, English statesman.

Chúng ta mong mỏi đến lúc mà uy quyền của tình thương sẽ thay thế cho tình ham chuộng uy-quyền. Chẳng đó Thế giới của chúng ta mới biết được những ân-huê của Hòa bình.



★ DIỆU-HUYỀN

Con Rắn, con Cua

Tôi kể chuyện ngắn :
 Con Rắn,
 Con Cua.
 Có một con Rắn
 Muốn cắn
 Con Cua.
 Con Cua
 Con Cua
 Ăn chơi, nó đùa,
 Nghênh ngang bốn mùa
 Sợ gì con Rắn.
 Con Rắn
 Thoăn thoắt
 Núp trong bụi vắng
 Xoắn tới con Cua.
 Con Cua sẵn sàng

Dương ra cặp cang
 Hăm he con Rắn,
 Con Rắn
 Uốn nắn
 Âm thầm đêm vắng.
 Nhất định không thua,
 Bò tới hang Cua,
 Rình dâm nọc Rắn.
 Cương quyết đuổi xua,
 Cua nhất định thắng.
 Cua kẹp mình Rắn,
 Rắn nhất định thua.
 Nào ngờ chú Rắn
 Miệng lưỡi liếng thoắt
 Hòa đàm uốn nắn

HƠ LÊN RUỘT

Xí gạt con Cua :
 — «Sống chung đừng dẫn
 «Liên hiệp thắng thắn,
 «Hòa Bình chắc chắn
 «Không ai hơn thua.»

Khờ khạo, chú Cua
 Ký kết, phân bua,
 Hòa Bình sốt sắng.
 Đếch cần lo lắng
 Ai được ai thua.
 Thế là con Cua
 Hoan hỉ se sua
 Liên hiệp với Rắn.
 Thế là con Rắn
 Bò vô mau mắn
 Sống chung với Cua.
 Gặp ngày giỗ Tổ
 Cua lớn, Cua nhỏ.
 Cua chú, Cua cha,
 Trong hang, trong ổ,
 Liên hoan hùng hổ
 Nhảy cha-cha-cha !
 Rồi một đêm mưa,
 Con ngủ say sưa,

Con Rắn,
 Mau mắn,
 Bò xoắn,
 Tờn cần
 Con Cua.
 Bầy Cua khù khờ
 Bị phản bất ngờ,
 Ú ờ
 Lớ quờ,
 Hết kêu secours.
 Kết cuộc : con Rắn
 Nó thắng,
 Con Cua
 Nó thua !
 Tôi kể hết chuyện
 Con Rắn,
 Con Cua.
 Coi chừng con Rắn
 Nó cắn
 Con Cua.

Tư-tướng chính-trị
qua THI-VĂN

Nguyễn-Trãi

● KHÁNH-XUYÊN

Nói đến Nguyễn Trãi phải nói đến tài ba chính trị lỗi lạc, ngoại giao khôn khéo, đồng thời cũng là một nhà nghiên cứu sử địa am tường. Trong phạm vi này, tôi muốn giới thiệu với độc giả Phổ Thông một vài khía cạnh tư tưởng chính trị của ông.

Kiểm điểm tác phẩm của Nguyễn Trãi hiện nay còn lại với chúng ta, gồm có :

Văn :

- Quân Trung từ mệnh tập
- Bình Ngô đại cáo
- Văn bia Vĩnh Lăng
- Phú núi chí Linh
- Chuyện cũ của cụ Bạng Hồ

Thơ :

- Ước trai thi tập (chữ Hán)
- Ước trai quốc âm thi tập (nôm)

Sử địa :

- Ước trai địa dư chí

Khi chúng ta tìm hiểu thơ văn của Nguyễn Trãi, đầu tiên nhận thấy ngay chân-dung của ông là một chiến-sĩ can trường' không phải ông dùng vũ-khí để hạ sát giặc hay là một vị tướng lãnh để điều động quân lính. Vũ khí chính yếu của ông là ngọn bút, kế hoạch của ông là chiến-tranh chính-trị, bằng những lời lẽ

NGUYỄN TRÃI

hùng hồn, bừng bừng chính khí ông đã uy hiếp tinh thần quân xâm lược bị lung lay tận cùng gốc rễ.

Nhìn lại lịch sử nước nhà, kiểm điểm lại những anh hùng dân tộc, rất nhiều vị tài ba. Nhưng ở Nguyễn Trãi, chúng ta thấy tư tưởng chính trị thật sáng suốt, chưa có một tác phẩm nào mà tư tưởng đó lại đóng một vai trò lãnh đạo rất tinh vi trong, thơ văn của ông.

Chúng tôi muốn đề cập đến tư tưởng hiếu hòa của ông.

Thật vậy, khi nói đến hòa bình và nhân nghĩa hay tư tưởng cốt cán này nằm trong nho học. Nhưng đối với Nguyễn Trãi đã biến thành màu sắc đặc biệt của dân tộc Việt Nam. Bao gồm tinh nghĩa thấm thía, người với người, thương yêu thật sự rất bình dân và dễ hiểu, nhà của tôi thì tôi ở, nước của tôi thì tôi sống. Khi bị chiếm đoạt tôi phải lấy lại cho bằng được, bằng bất cứ giá nào.

Nhìn thấy dân chúng điêu đứng lầm than phải « yêu dân » và muốn được thế trước hết phải lo trừ bạo. Đó là những điều mà Nguyễn Trãi đã nêu ra phần đầu của bài « Bình Ngô Đại Cáo »

«Xưa kia ta (1) gặp thời loạn lạc, dựng nghiệp khó khăn hơn hai chục năm mới nên việc lớn. Tinh dân đau khổ đều được tỏ tường, đường lối gian nan cũng đã từng trải. Thế mà lúc trị dân tình ngay đối còn có điều khó bỏ, việc nghi nan còn có chỗ chưa phân : đạo làm vua há chẳng khó lắm sao ?

Hoặc ;

«Hòa thuận tôn thân, nhớ giữ một lòng hữu ái, thương dân chúng hãy làm những việc nhọa nhân. Đừng thường bậy vi tư ân, đừng phạt bừa vi tư hộ. Đừng thích của tiền mà buông tuồng xa xỉ, đừng gần thanh sắc mà suồng sã hoang dâm ! cho đến những việc dùng nhân tài,

(1) : Lê Lợi tự xưng

nghe can gián; ra một chính sách, một mệnh lệnh, phát một lời nói, một việc làm, đều được sự đồng ý của trời, dưới có nghĩa là thoả mãn nguyện vọng của dân thì quốc gia mới được bền vững lâu dài»

Ông đã từng chứng kiến sự loạn lạc nhà Hậu Trần và nhà Hồ, đồng thời cũng tham gia lĩnh đạo cam khổ với anh em nghĩa quân chống giặc cứu nước. Hơn ai hết, Nguyễn Trái hiểu rõ lực lượng của dân chúng như thế nào đối với một cơ nghiệp nhà vua. Ông nói:

«Mến người có nhân là dân; mà như con sông chở thuyền và lật đổ thuyền cũng lại là dân. Giúp người có đức là trời, nhưng khó tin và rất hay thay đổi cũng là trời, cho nên xưa kia Thuấn, Vũ, Thang, Văn là bậc thánh mà sửa nước trị dân còn nau náu, nơm nớp, tiết kiệm, siêng năng, run sợ, lo âu, gìn giữ, cung cần, những việc kính trời chấn dân đâu hề dám kính suất một chút nào, huống

hồi là người còn kém bậc ấy ư?

Trong «*Hậu tự thuật*»

Lúc bấy giờ cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược vừa chấm dứt, thắng lợi rõ ràng về phần ta, Nguyễn Trái giúp vua Lê Thái Tổ dựng nghiệp, kiến thiết đất nước. Đặc biệt lại là chính lúc này tư tưởng hòa bình hưởng lạc nảy ra một số lớn đại thần. Họ sinh ra lười biếng tham ô, kèn cựa, gây bè phái để chen ép lẫn nhau. Chính Nguyễn Trái vào khoảng năm 1430 cũng bị gièm pha, nghi ngờ ông đã bị Lê Lợi bắt giam và snýt bị chết.

Thách thức hềm nguy, hy sinh mạng sống để đứng vững trên cơ sở nhân nghĩa mà ông đã vạch sẵn. Nguyễn Trái mượn cơ phê bình xã hội thối nát nhà Trần, đề gián tiếp lên án những người có trách nhiệm lãnh đạo nhà Lê.

«Trước kia họ Trần cậy mình giàu mạnh, mặc dân khổ, chỉ ham vui chơi, đắm đuối; từ

đặc. Những việc vô ích bày ra hàng ngày: nào là đầu cơ, đánh bạc, chọi gà, thả chim; nào là chim rừng nhốt lồng, cá vàng nuôi chậu; khoe tốt tài năng nhỏ mọn, dành lấy hơn thua; quên hẳn thiên hạ lớn lao, chẳng hề đoái nghĩ. Kẻ oan uổng chỉ khổ chốn ngục giam hai ba năm mới được xét hỏi; người thân sơ trong hoàng tộc phải khuất ở tay nội giám hai ba tháng làm việc chưa xong, Khanh trưởng thì lập đảng riêng: triều đình thì thiếu người can gián. Cho đến nỗi con cháu vua chúa bị hại bởi kẻ gian thần, quyền lớn việc to đều lọt vào tay siểm nịnh. Nhân dân oán ghét mà chẳng biết, lòng trời khiến trách mà chẳng kinh. v.v... Ở phần đầu, chúng tôi đã nêu ra học thuyết nhân nghĩa dân tộc của ông. Nổi bậc hơn hết những lời chính khí sau đây đã cảnh cáo những kẻ đang cầm quyền binh nhà Lê. ông nói:

«Chỉ vụ ích kỷ phi gia; không nghĩ khổ dân hại nước. Kẻ thân yên được vinh hiển, người xu

nịnh được tin dùng! Gặp mừng mà phải khen bừa bãi; nhân giận mà phạt giết lung tung. Người hiền lương phải ngậm oan, kẻ trung trực đành khóa miệng...

«Cho nên phạm răn bảo các người, ta đều thành khẩn đĩnh ninh, nói đi nói lại, không chỉ nghìn lời, muôn lời, chín dụ, mười dụ. Thế mà các người coi làm hư văn, không đổi lỗi trước, chẳng theo lời răn, thường làm trái phép, nhờn với người trên trái cùng kẻ dưới (...) Nay đã cấm răn như thế, nếu ai còn không nghe không sửa, ấy là tự hủy diệt mình, không phải lỗi tại ta đâu! Nay từ các đại thần, tổng quản cho đến đội trưởng cùng các quan Viện, Sảnh, Cục, phạm người có chức vụ coi quân trị dân, đều phải dùng phép công bằng, làm việc cần mẫn, thờ vua hết ngay, đối dân hết hoà, bỏ thói tham ô, trừ lệ lười biếng, bè đảng riêng tây phải bỏ; thái độ cố phạm phải chừa coi công việc của nhà nước như việc chính mình, lấy điều

lo của dân chúng làm điều lo của bản thân (...) Ôi! cảm sắc không hoà, phải đổi đi điệu thay giây tim tiếng đung; xe trước đã đổ, phải bỏ chiều tránh vết theo đường ngay. v.v...

(Trích «Chiếu cảm các quan Đại Thần»)

Vào cuối năm 1426. Đại Đội binh mã của Vương Thông ủa tôi đã bị quân ta dẹp ngay từ phút đầu tại Tốt Động. Vương Thông thua chạy vào Đông Quan cố thủ. Quân ta càng ngày càng vây xiết, Vương Thông một mặt xin hàng, một mặt tìm kế hoãn binh, nhưng mặt khác vẫn phòng thủ ráo riết. Nguyễn Trãi thấy thế, thay lời Lê Lợi, Viết thư trách.

«Tôi nghe: lấy thành thực đãi người thì người cũng lấy thành thực đáp lại. Đạo chí thành còn có thể động đến trời đất, cảm được quỷ thần, hưởng chí là người. Nay người vâng lịch ra ngoài cửa khỏ, lẽ ra phải lấy thành thực đối đãi với người thì ngài lại đem lòng dối trá lừa người, tự cho là cao

muu ... Trước ngài đã có công văn cho thu binh mã ở các Vệ, sở ... Đến nay quân các thành Diên châu, Nghệ An, đã lục đục kéo về đây thì lời hứa cũ của ngài đã trở thành bóng giốc hão huyền! Thế là ngài không những lừa dối một mình tôi, mà còn lừa dối hơn 7000 con người ở Vệ, Sở các thành. Tôi lấy lòng tôn kính triều đình thương cho tính mệnh bảy nghìn người, nên đã nghiêm cấm quân sĩ không được phạm chút tơ hào đến họ... Nay kẻ ngài đã hồng. Máy nghìn quân các Vệ Sở cầm hờn oán giận ngài sâu tận cốt tủy, ai cũng nghiến răng, nắm tay thề không trông thấy ngài nữa. Họ đều xin tôi quyết một phen tử chiến. Nếu quả ngài chịu lời xưa, theo ước cũ thì hãy lập tức rút quân về để trọn điều tử tế trước đây. Tôi sẽ đem quân sĩ của ngài ở các thành, cùng binh mã lâu nay, bắt được, trả về đủ số. Nếu không như thế, thì đành đem những quân đang ngậm oán chứa giận các thành cùng với

ba chục vạn quân của tôi xin thừa tiếp ngài ở dưới thành để tùy ngài xử dụng.

(Thư gửi Vương Thông)

Cứ như thế ông cứ thay đổi: chiến thuật chiến lược luôn lúc phần nọ đánh toi bởi lúc thì hiền hòa gửi thư nói chuyện khiến cho Vương Thông Sơn thọ, Trần Trí, Đả Trung Phương Chính v.v... không tin ra kế hoạch đề đối phó với NGUYỄN TRÃI.

Cuối cùng, một ván cờ chót là làm thế nào chấm dứt chiến tranh, cho nhân dân ta bớt phần đóng góp khổ sở, quân lính ta bớt đổ máu xương. Đồng thời cũng tiết kiệm mạng sống của hàng ngàn binh - sĩ dưới quyền Vương Thông. Sau hết một giải pháp chính trị thật tinh vi, Nguyễn Trãi chủ trương giữa Trung Hoa và Việt Nam không có thù hằn dân tộc, không còn uất hận cái sĩ diện nước lớn bị thua nước bé. Ông muốn tình hòa hảo của hai nước được lâu dài.

Nguyễn Trãi đạt được ước

nguyện đó, rất nhiều thành, Vệ, Trấn lần lượt ra qui hàng. Vương Thông rút quân về. Nhà Minh và ta gầy tình giao hảo.

Trong thơ văn ông, Nguyễn Trãi cố nhấn mạnh nhiều lần về « lòng nhân » về cái ông gọi là « lòng hiếu sinh của trời » (Thượng đế hiếu sinh chi tâm) Bài thơ phú núi Chí linh có đoạn.

«Thần Vũ oai lớn không muốn chém ai, giết ai. Đại đức ơn to chỉ mong mỗi người được sống. Nghĩ đến kẻ lâu dài của quốc gia, tha chết cho hàng binh mười vạn. Sửa sang tình hòa hảo hai nước, dập tắt họa chiến tranh muôn đời.

Bảo toàn lấy nước là trên hết. Đem bảo cho dân mình an ninh v.v...»

Tóm lại tư tưởng chính trị của NGUYỄN TRÃI thật là một bài học quý giá cho chúng ta, không những ngay thời đó, mà rất còn giá trị cho những bậc lãnh đạo Quốc Gia ngày nay.



NÊN

chọn sách nào làm

GIÁO-KHOA-THƯ

khi ngành Đông Y Dược Học

được công khai giảng huấn

★ của : Đông Y-sĩ HÀ-DOẢN-TRUNG

★ dịch : Đông Y-sĩ NGUYỄN-ĐỒNG-DI



NÊN CHỌN SÁCH NÀO

Thông lệ xưa nay, đối với việc đào tạo nhân tài, truyền thụ nghề nghiệp Đông-Y-Dược-Học, thì không ai dám rời bỏ sách Thần Nông Bản Thảo, sách Hoàng Đế Nội Kinh, và sách Trọng Cảnh Thương Hàn Luận.. dĩ chí, những học thuyết trứ danh của tứ đại gia đời Kim và đời Nguyên « Lư Hà Gian, Trương Tử Hòa, Lý Đông Viên, và Châu Đơn Khê» mà người sau xem là tài liệu Giáo Khoa điển hình của giới Đông Y Dược Học. Những người ái mộ Đông Y, phụng sự Đông Y, cậy có các loại điển tịch quý báu này, mà vẫn tự trọng Đạo Nghiệp mình.

Những loại điển tịch trên đây là kho tàng của Đông Y Dược Học : Bao Nhiêu Tinh Hoa Đều Tôn trữ Trong Ấy, Bao Nhiêu Chân Lý Đều Hàm Súc Trong Ấy. Chúng ta đâu dám xem thường !

Nhưng mà, những sách vở quý báu của các hàng Tiên Triết lưu lại, vì thời đại quá ư xa xưa, vẫn từ quá ư cổ áo... khiến cho

người đọc khó nổi liền giải. Hơn nữa, người đời sao phụ hội khá nhiều thành kiến, nguy luôn, tìm cho ngọc đá xô bồ, vàng thau lẫn lộn, không dễ gì phân biệt. Nếu chúng ta không chịu khó ra công sàng sảy chọn lọc cẩn thận, cỡ thơ thế nào, đề y thế nấy, mang ra làm Sách Giáo Khoa, thì dẫu cho các vị Giáo Sư có cố gắng hết sức minh e cũng không thể giải thích được một cách trôi chảy. Còn kẻ học thì như định không tài nào lĩnh hội tinh nghĩa cách rất ráo.— Dối vậy, có lắm người theo học Đông-Y. Mặc dầu theo thầy tu nghiệp nhiều năm, nhưng vì cái nạn « vẫn từ cổ áo, tinh nghĩa lò mò» mà kết cuộc, có người thì hiểu biết phần nào, còn có người không hiểu biết gì ráo. Những bậc trung tài trở xuống, vì đam mê theo thuyết Huyền học « Tư thiên, tại tuyền, thăng giảng, phủ trâm»... trọn cả đời mà không khỏi cái vòng lần quần.

Còn những bực trung tài trở lên cũng tất phải chờ sau khi Tắt Nghiệp, trải qua nhiều năm lâm sàng chẩn trị, đồng thời tự tìm tòi học hỏi thêm, lần hồi mới có thể trở thành một Y gia cao thủ.

Có phải chăng, đây chính là nguyên-nhân làm cho kẻ học hao phí sức óc, tốn kém ngày giờ, cách rất oan-uổng?! Ra công cấy bừa nhiều, mà thu gặt lấy rất ít. Chúng ta phụ-trách nhiệm vụ truyền-tho Đông-Y-Dược-Học, mà vẫn câu chấp bất thông, khư-khư cố giữ thành-pháp tự ngàn xưa, ôm nguyên những bộ sách cổ-điển ra làm tài-liệu Giáo-khoa, bắt kẻ học phải ăn tươi nuốt sống, thì nhất định không tài nào tiêu hoá nổi.

Nhưng khổ nổi, câu chuyện san-định Cổ-Điển trên đây, một khi lọt vào tai mấy Ông Đông-Y cố-chấp theo lẽ lối thủ cựu, thì thế nào họ cũng sanh lòng nghi hoặc, cho chúng ta là bọn: « hủ thành bàng hiên, ly kinh phẩu đạo ». Chúng ta có cách nào để

phá tan điều nghi lự của mấy ông ấy?

Muốn giải quyết điều thắc mắt trên, tốt hơn hết chúng ta nên tập hợp một nhóm đồng-nghiệp trong giới Đông-Y-Dược-học, cùng nhau hợp tác. Đem những loại Cổ-Điển của các hàng Tiên Triết để lại ra, gia công chỉnh lý: Lựa chỗ nào hay thì dùng, không hay thì bỏ, sàng xẩy, chọn lọc, bổ sung những nơi ý nghĩa còn mù mờ, giải thích những chỗ luận lý còn khiêng cưỡng... rồi phân công biên soạn lại cho có hệ thống, biến nó trở thành một bộ sách Đông-Y-Dược-Học Giảng-Nghĩa toàn thiện, toàn mỹ! Đồng thời, cũng có thể đem những vấn-đề nan giải ra mổ xẻ, đề cho mọi người đều nhận thấy: Đây là một việc làm rất thích-hợp với lý tưởng. Nếu những hàng mình đặt trong giới Đông-Y-Dược-Học nước nhà, cùng nhau đồng tâm hiệp lực, đứng ra phụ trách, thì lo gì công việc chỉnh lý không thành.

Song tập trung một nhóm nhưn tại, để làm cái việc tu

định những loại sách Y-Học Cổ-Truyền, mà người xưa gọi là « Tinh Mạng Chi Học » thì nhất định không nên làm việc cách hốt lượch lấy rồi. Tất phải trải qua nhiều phen nghiên cứu, thảo luận, và tham đình rất công phu, mới có thể hình thành một bộ sách Giáo Khoa-Thư có giá trị đáng hoàng.

Nhưng bất luận, xưa nay, trong nước, hay ngoài nước, Các học giả phần đông đều có cái thông bệnh tự đắc, cho chỗ thấy biết của mình là cao siêu hơn hết, mà ít ai đủ sáng suốt nhìn thấu điều thành kiến què quặt của bản ngã. Cho nên khi tụ hội nhau lại, thì thường xảy ra việc tranh luận thị phi. Khiến cho đềm càng khuya, thì mộng mỵ càng lằng xằng « dạ trường mộng đa » mà việc hoàn thành một bộ sách không tài nào xúc-tiến theo ý muốn được.

Như trên đã nói: Muốn hoàn thành một bộ sách Đông Y Giáo Khoa Thư cho thích ứng với nhu cầu thực tại, thật là quá ư gian khổ! Phải tốn kém quá nhiều

công-phu, cũng như ngày giờ. Song có lý nào, vì thấy khó khăn, mà quí vị Tiên Tán thuở giờ có chí bồi dưỡng nhưn tài, mở đường khai lối cho Đạo-Nghiệp, lại sanh lòng chán ngán, rồi nở òm bầu máu nóng bấy lâu nung nấu, tài học bấy lâu huần-súc kia, âm thầm cất kín vào tủ lạnh hay sao?

Vạn sự khởi đầu nan (mọi việc lúc khởi đầu đều khó) Đầu việc tâm thường, mà lúc khởi thủy còn cảm thấy khó thay. Huống chi là việc chỉnh - lý cổ-điển, tu bồi học - thuật! Chúng ta không nên thối chí ngã lòng, Vả lại, văn học là món ăn của trí óc. Nếu ngay bây giờ, chúng ta chưa đủ phương - tiện chế tạo đồ - cụn ứng - kịp thời thì nên dùng thức ăn nấu sẵn của người khác. Nhưng phải lựa aah đầu bếp có danh tiếng hẳn hoi, điều tề đủ thứ gia - hào, mỹ - thiện. Nếu cần thận hơn, trước khi ăn - nếm thử vào - miệng mà cảm thấy ngọt, ngon, béo, bổ... chừng ấy, chúng ta sẽ quyết

NÊN CHỌN SÁCH NÀO

Định dùng làm món ăn chính thức.

Hồi nhớ lại, cuối đời Thanh, năm đầu DẦN - QUỐC, một nhóm ĐÔNG - Y SĨ TRUNG - HOA, bắt tay vào việc thành lập nhà trường Đông - Y Dược Chuyên - Môn Học Hiệu. Căn cứ theo chương - trình giảng dạy của năm đầu rút tĩa kinh - nghiệm cho thấy : Ôn nguyên những bộ sách cổ - điển ra làm tài liệu Giáo Khoa, thì hoàn toàn không thích hợp chút nào. Vì vậy, họ mới hội nhau lại, lới những loại điển - tích cổ áo kia ra, phân công nhau cố gắng biên soạn chính - lý lại. Người thì lấy học thuyết của sách Hoàng - Hán Y Học - làm giám - Bồn, kẻ thì lấy học thuyết Tây - Phương của chú gia, để giúp thêm tài liệu tham khảo cho việc chính - lý.

Đại khái của việc chính - lý là :

— Đào thải những gì không Thích - hợp với - Khoa - Học ; Bảo tồn những gì gọi là tinh - thần nguyên hữu và

toàn - thể đại dụng của cơ thể, làm tôn - chỉ.

Lúc khởi đầu việc Chính - Lý, thì manh ai nấy viết, mỗi người lý luận một thể rất lộn xộn, không thành chương đệ. Mãi đến Dân - Quốc năm thứ mười (1921) trải qua 10 năm giáo-thọ, thân thập kinh -nghiệm ở nhà trường, mấy ông mới lần hồi nhận thức được .- Lúc ấy, họ mới tổng hợp các luận - thuyết của mấy ông trước kia lại, chia thành chương thứ, và phân môn biệt loại, dùng thời chỉnh lý lại một lần nữa, mới hoàn thành được một Bộ Sách Đông Y Dược Học Giáo Khoa có hệ thống hẳn hoi, và thích ứng với sự nhu cầu thực tại.

Trong nhóm Chính Lý Cơ Điền, người mà biên soạn nghiêm chỉnh, ưu đích thích nghi, được xem là hoàn toàn hơn hết là ông Thời Vật Nhơn. Ông rút kinh nghiệm trong hai chục năm xem mạch chữa bệnh gần gũi bệnh nhơn, và ngồi ở

NÊN CHỌN SÁCH NÀO

chiếu Giảng Tích nhà trường. Đơn thân độc mã, quần vai gánh nặng, đi trên con đường xa xam rất cố khổ. Áp dụng phương pháp Khoa Học vào việc chỉnh lý cách triệt để, không câu nệ những gì gọi là trần tích của cổ nhân, miễn sao phù hợp với Khoa Học hóa (đừng gọi nhận Khoa Học Hóa) là (Tây Y Hóa) là được. Chẳng quản gian lao, tạo thành một bộ Sách Y Học Tùng Thư cho giới Đông Y Dược Học rất thích hợp cho sự nhu cầu hiện tại. (đây chính là món ăn nấu sẵn mà chúng tôi đề nghị tạm dùng ở đoạn trước.)

Theo sự tra cứu được biết, những sách của ông Thời Vật Nhơn bắt đầu biên soạn và cho xuất bản từ năm thứ 20 Dân Quốc (1931). Những sách Y Học Tùng Thư của ông xuất bản kể có các loại như sau :

- 1) ... Thời Lĩnh Bình Học
- 1) ... Truyền Nhiệm Bình Học
- 3) ... Nội Kinh Học
- 4) ... Dược Vật Học

- 5) ... Xứ Phương Học
- 6) ... Chẩn Đoán Học
- 7) ... Bình Lý Học
- 8) ... Nhi Khoa Học
- 9) ... Phụ Khoa Học

Nếu xét thấy còn thiếu, thì chúng ta có thể lựa thêm sách của mấy ông khác điền vào.

Những sách của Thời Vật Nhơn xuất bản trên đây, tuy chưa dám quả quyết là tận thiện tận mỹ. Song có thể phê bình một câu : Dầu chưa thuần cũng đáng quý. Huống chi, nếu chúng ta thấy có chỗ sơ sót, thì khi lên giảng đàn, kẻ chấp giáo (Giáo Sư) càng có thể, đem chỗ Bình Sinh Sở Học, và kinh nghiệm sở đắc của mình ra bổ sung vào, gọi là : Và vùi những chỗ hở hang, sửa sang các nơi thiếu vẹo (đi phùng ký khuyết nhi khuông cứu kỳ thiên) Đó cũng là việc, gián tiếp khuyến khích chúng ta cố gắng hơn lên tìm hiểu cao lên, phần nào vậy.

Chúng tôi, sau khi duyệt đọc nghiên ngâm những tác phẩm

NÊN CHỌN SÁCH NÀO

của Thời Vật Nhon, cảm thấy ông đối vấn đề Đông Y Dược Học thật là tận tâm kiệt lực. Thấy biết thế nào, thì tác thuật thế ấy, một một, hai hai, cách rất rành rẽ công khai, đem hết trí óc cống hiến cho Quốc Gia Dân Tộc với một tinh thần dạy người không mồi, rất vĩ đại. Riêng chúng tôi rất thích mượn những tác phẩm của ông, để làm tài liệu cung ứng cho việc nghiên cứu.

Thế mà, có một thiểu số người không hiểu nổi Đông Y là gì lại gán cho Thời Vật Nhon là phản Khoa Học nọ, kia... Đủ th ý, sự hiểu biết tối đa của họ: Bất quá là học lõm nghề Y theo lối Gia Truyền Mật Kỳ mà thôi. Không khác nào câu chuyện ông Tô Đông Pha nói: « Có một người nọ, vừa lọt lòng mẹ thì mang tật mù hai

mắt, từ nhỏ tới lớn không thấy biết Mặt Trời ra sao» Có kẻ bảo rằng: « Mặt Trời như cái Mâm Thao» Anh ta gỡ cái Mâm Thao in trí là Mặt Trời. Một hôm nọ nghe tiếng chuông lại nhận là Mặt Trời vậy. Thế thì đủ thấy một số ít người chưa từng cứu cánh được học thuyết Đông Y Dược ra sao mà vội bươn bả phê bình nọ, kia... Thi có chi là câu chuyện anh chàng nghe tiếng chuông mà nhận là Mặt Trời.» Đều là những hạng người định vẹo nói Mù? chúng ta không cần phải dài giòng biện minh.

Hiện giờ, việc khẩn yếu duy nhất, mà chúng ta cần phải quyết định là: tự tay chế tạo «thức ăn» hay tạm dùng «thức ăn» của người khác bào-chế sẵn? như đoạn trước đã nói. Để cung ứng kịp-hời, một khi ngành Đông-Y-Dược-Học được chánh

NÊN CHỌN SÁCH NÀO



thức khai giảng. Có chuẩn bị trước thì khi gặp việc mới tránh được sự vội-vàng, sơ-suất Học thống Hiền, Kỳ được phát huy, công đức-tế thế hoạt nhon» được thấm nhuần sâu rộng, chỉ trông cậy vào lớp người «Kể vãng khai lai» vậy.

Kỳ vọng ở một tương lai gần đây, chúng ta sẽ chen vai sát cánh với hai người bạn đồng-

ngiệp láng-diềng là Trung Hoa và Nhật - Bản đề-huê cùng tiến, ngõ hầu sáng tạo một nền Y-Học Văn-Hóa, cống hiến cho Quốc-Gia Dân-Tộc và nhon loại Được như vậy, mới xứng đáng là người biết ái-mộ nhon-thuật, của một dân-tộc có bốn ngàn năm văn-hiến.



Dũngmidol Bị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BNT/BDSC

Rêu phong...

Một mình lên đến chốn kim-long
Nắng mới xôn-xao phủ ngập lòng.
Ai đứng u-luẩn trông bóng 1 u-ớc
Một mình sao đến chốn kim-long ?

Tim-tim bâng-khuáng nở đôi hàng
Đường nào trông như đường cái-quan
Ngẩn-ngơ nghe tiếng chuông chùa vọng,
Hoa tím bâng-khuáng nở mấy hàng ?

Cành trúc rũ lá dằng nghiêng nghiêng
Có lắng nghe không nhạc rặng hiên.
Gió Huế mon-man tà áo trắng
Cơn làn nước biếc gọi non tiên.

Nón lá ai đi bờ bên tề
Núi-non né giỡn đuổi nhau về
Hương-giang cũng lặng-lờ trôi mãi
Sao chỉ riêng mình nghe tái-tê

Rặng chỉ riêng mình nghe xót-xe
Giữa trời hồng nắng ngát hương-hoa
Hương đưa thoang-thoảng chờ hương đưa
Mà lạnh lùng rồi ta với ta.

Bờ đá rêu phong viết mấy lời
Viết rằng nhớ một buổi lên chơi
Nghe chuông Linh-Mụ ngấm thánh-thót
Và gió bay cao xóa cả rồi.

NHẬT-HUYỀN-THANH.

minh 24...

Tại sao

Nhật-Bồn

ngày nay

Tiến-Bộ

mau quá

vậy ?

Nguyễn Huệ

ĐI một vòng Chợ Tết qua các đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi, và quanh chợ Bến thành, lúc trở về Bà Tú bán khăn hỏi :

— Mình ơi, sao dạo này hàng hóa Nhật bôn tràn ngập thị trường Sài Gòn thế nhỉ ?

— Sao em biết ? Ông Tú lo đang hỏi.

— Chớ đi xem chợ Tết mình không thấy sao ?

— Không.

— Thiệt hả mình ? Bao nhiêu hàng hóa mới lạ và đẹp ơi là đẹp, bày bán chật cả các phố, hồng lã mình hồng thấy sao ?

— Ờ nhỉ, anh chả đề ý đến cái gì cả.

— Mình không thấy những máy chụp hình *Canon*, *Nikon* ? Đẹp lắm cơ.

— Anh biết.

— Những loại xe gắn máy và xe hơi đủ kiểu, như *Honda*, *Suzuki*, *Yamaha*, nhất là

Yamaha của phụ nữ, đẹp và hấp dẫn ác, xe hơi *Matsuda*, *Datsun*, *Corona*, *Toyota*... không thua gì xe Mỹ, xe Pháp, mình ơi !

— Anh biết.

— Đồng hồ *Seiko*.. và các máy Radio, Tivi *Sony*, *National*, đủ các loại máy điện tử, máy ghi âm, máy thu thanh *Sony*, v.v..

— Em thấy nhiều thứ nhỉ.

— Với lại em thấy những máy ướp lạnh, máy giặt, máy làm massage, máy nấu cơm tự động, đồng hồ báo thức bằng điện..

— Ai sản xuất mấy món đó, em biết không ?

— Em đâu biết. Nhưng em thấy bày bán tùm lùm,

— Của *Konosuke Matsushita*.

— Là ai thế, hả mình ?

— *Konosuke Matsushita* là một trong những nhà đại kỹ nghệ Nhật có danh tiếng nhất hiện nay. Ông ta đã 73 tuổi và

nổi tiếng là ông Vua các dụng cụ về nội trợ. Sau chiến tranh, ông bị sạt nghiệp vì bao nhiêu xưởng kỹ nghệ của ông bị tàn phá sạch trơn, thế mà ngày nay ông đã dựng lên 50 công ty *Matsushita*, sản xuất trên 10000 món đồ nhật dụng cần thiết trong gia đình, trong việc nấu nướng, trong học đường, trong các sở làm...

— Còn *Honda* ?

— *Honda* nguyên là một anh thợ sửa xe máy. Hiện nay hãng xe gắn máy và xe hơi *Honda* của anh dùng đến 2 200 thợ mà 6600 là sinh viên tốt nghiệp các trường Đại học. Hãng xe gắn máy *Honda* sản xuất theo nhịp độ cứ 10 giây đồng hồ xong một chiếc xe. Anh ta tuyên bố rằng trong một tương lai gần đây, xe hơi *Honda* của anh cũng sẽ sản xuất nhịp độ 10 giây đồng hồ một chiếc. 10 giây đồng hồ một chiếc xe *Honda*, em nghe không ?

— Còn *Sony* là tên cái máy

Radio, hay tên người sản xuất, hả mình ?

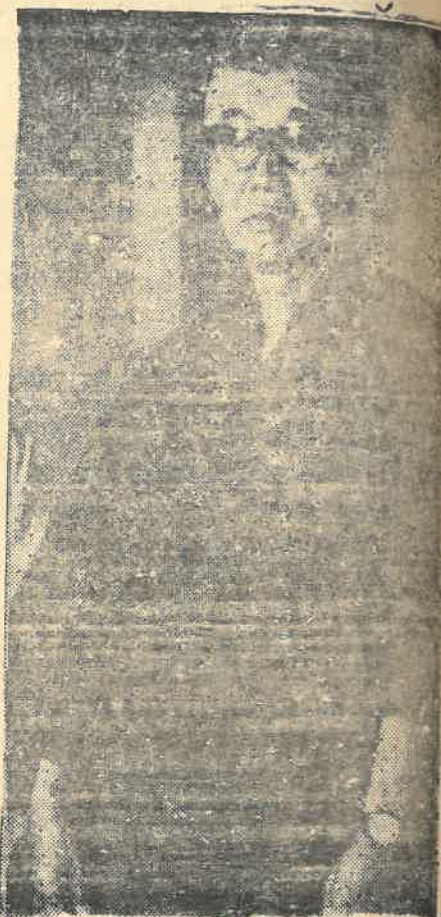
— Sau khi Nhật bản bại trận nhục nhã, và đầu hàng Mỹ vô điều kiện hồi tháng 8 năm 1945, quân đội Nhật Hoàng được giải ngũ. Trong số đó, có một kỹ sư Hải quân tên là *Masaru Ibuka*, thất nghiệp, được một người lính Mỹ biểu cho một cái máy «tourne - disque», một loại gramophone tân kỳ của Quân đội Mỹ *Ibuka* tháo máy ra xem xét tìm các bộ phận, rồi bắt chước y hệt cái máy Mỹ, ông làm ra cái máy Nhật. Dem trình bày ra thị trường, ông lấy tiếng Mỹ *soniferous* đổi ra thành tiếng Nhật *Sony*, và tiếp tục làm nhà máy sản xuất. Bốn năm đầu, ông bán được trên 30.000 chiếc *Sony* Nhật «cốp-pi» đúng hệt theo kiểu máy của Mỹ. Nhưng bắt đầu năm 1949, nhờ «ban nghiên cứu chế tạo», ông sáng chế ra một hệ thống băng magnetic mới, rồi phát minh những máy *stereophony*, *transistor*, *mini-micro*, toàn lấy hiệu *Sony*. Năm 1967, ông

phát minh đồng hồ báo thức điện. Năm 1968, ông chế ra máy mini—television màu với màn ảnh 34cm. Năm 1969, ông đang chế ra máy Ti vi nhỏ xíu (mini — ti vi) màu, xách tay được, với màn ảnh 19 cm, có thể để trên bàn ngủ. Năm 1945, vốn liếng của Masaru Ibuka chỉ có 500 mỹ kim, và xưởng máy Sony đầu tiên là một cái chái bằng gỗ. Hiện nay ông có 3 xưởng máy Sony đồ sộ ở Tokyo, mỗi xưởng dùng 7.700 nhân công, và sản xuất theo mức độ 10 giây đồng hồ 1 máy Tivi, hoặc 1 transistor, hay 1 Radio...

— Người Nhật chịu chơi quá, mình há!

— Ở Chợ Tết Saigon, chắc em chưa thấy những món hàng kỳ dị và mới nhất của Nhật, như xe đạp nhẹ ngoại lệ, và tháo ra rất mau, có thể xếp lại gọn gàng để bỏ trong một cái xách tay, khi nào muốn đạp thì mở xách lấy ra lắp lại trong 1 phút đồng hồ, không cần đến

MASARU IBUKA
(thường gọi là ông Sony)



búa, kềm, hay tourne-vis gì cả. Radio thì có loại nhỏ xíu bằng bao diêm hay hộp quẹt lửa, Stylo không có nắp mà cụu Tổng Tổng Mỹ Johnson và các phi hành gia Mỹ rất ưa dùng vì nhẹ, tiện lợi, ít tốn mực và viết được lâu. Hiện giờ, Nhật bản là một nước kỹ nghệ tân tiến và hùng cường đứng vào bậc thứ ba trên thế giới, chỉ thua Mỹ và Nga. Thủ tướng Sato của Nhật vừa tuyên bố rằng trong mười lăm năm nữa, Nhật sẽ đứng hàng thứ nhì, chỉ còn thua Mỹ mà thôi, vì luôn luôn Nhật chạy theo sau cái đà của Mỹ.

— Như vậy chắc là đời sống của dân chúng Nhật ngày nay đầy đủ tiện nghi lắm, mình nhỉ.

— Em nên biết rằng trong lúc người Việt Nam mình đồ xô nhau mà mua sắm đồ Nhật, nào là các loại xe Honda, Suzuki, Yamaha, đồng hồ Seiko, Radio National, Tivi Sony, cho đến đồ trong các xóm lao động, những người không giàu có gì cho lắm cũng tranh đua sắm tú lạng

Nhật. Tivi Nhật, mô tô Nhật, Radio Nhật, với một giá đắt, thì ở bên nước Nhật các hãng kỹ nghệ tối tân của họ sản xuất một số lượng tối đa để bán cho dân chúng Nhật với một giá rẻ rẻ, nhờ đó mà 97% gia đình đều có Ti vi, 84% có tủ lạnh, 75% có máy giặt, trong thời gian 4 năm nay. Còn thừa, họ mới bán ra ngoài.

Năm 1968, họ sản xuất 59.798.000 máy Radio, Ti Vi, magnetophone, Stereo, mà xuất cảng ra ngoại quốc 44.800.000. Còn để lại 15.000.000 bán rẻ cho dân chúng xài.

Người Việt mình không lo mở mang kỹ nghệ, không lo sản xuất, chỉ chuyên môn xài tiền (tiền lương ít thì ăn hối lộ, tham nhũng, ăn cắp hàng ngoại quốc, v.v...) để... mua đồ Nhật,

Thậm chí có rất nhiều gia đình trung lưu, hoặc nghèo, không lo sắm đầy đủ quần áo cho con, sách vở học hành của con, sức khỏe của con, ăn uống

thì hà tiện, nhà cửa thì lụp xụp, đồ bẩn, mà cũng kiếm tiền mua cái máy ti vi, cái tủ lạnh, để «lấy le» với hàng xóm !

— Vậy mới bị «nhược tiêu» hoài, không đời nào gốc đầu nổi với Thế giới văn minh. Thấy mà chán cho dân ta !.. Nhưng, mình ở, tại sao, nhờ những điều kiện gì, mà Nhật bốn ngày nay, tiến bộ và hùng cường nhanh chóng quá vậy ?

— Sự phồn thịnh phi thường của kỹ nghệ Nhật bốn có nhiều nguyên nhân. Thứ nhất là *ý chí tranh thủ với các cường quốc* về mọi phương diện.

Mặc dầu bị đại bại và bị què kiết năm 1945 sau chiến tranh Thái bình Dương, dân tộc Nhật bốn vẫn cố gắng học hỏi theo các cường quốc khoa học và kỹ nghệ tân tiến, nhất là Mỹ, Anh, và Đức. Họ nhẫn nại, hy sinh,

thay vì xài phí tiền bạc, thời giờ và sức khỏe vào các cuộc ăn chơi, nhậu nhẹt, thay vì ỷ lại vào người Mỹ viện trợ tiền bạc và dụng cụ, họ tiết kiệm từ đồng xu viện trợ, từ giờ phút, để ra công học hỏi nơi người tài giỏi hơn, tìm tòi, phân tích, khám phá phát minh, sáng tác, chế tạo, theo kỹ thuật và khoa học tối tân của Tây phương.

Nguyên nhân thứ hai, là nhà nước Nhật bốn đóng thuế rất nhẹ các hàng hóa sản xuất trong nước, và còn khuyến khích sự sản xuất ấy bằng nhiều biện pháp thích nghi để cho các chi phí sản xuất được nhẹ chùng nào hay chùng đó.

Nguyên nhân thứ ba, là các nhà doanh nghiệp Nhật say mê bỏ vốn ra, hoặc hùn vốn, để mở mang các xưởng chế tạo,

và phát triển kỹ nghệ, cải thiện kỹ thuật, chú trọng đến phẩm rồi mới tăng số lượng.

Các chương trình kỹ nghệ vĩ đại của Nhật từ mấy năm nay, đều nhắm vào mục tiêu «Ba C». Theo tiếng Anh, Ba C là *Color* (màu sắc), *Cars* (các loại xe) và *Conditioned* (có máy lạnh), tức là Ti vi màu, — 1.600.000 chiếc tiêu thụ trong năm 1968, — tất cả các cơ sở công tư đều có máy lạnh, — tất cả nhân dân đều có xe gắn máy, xe hơi.

Đó là 3 đích tối cao mà các nhà kỹ nghệ Nhật đã tự vạch ra để phát triển kinh tế quốc gia của họ, và họ đã tự cam kết sẽ đạt được trước năm 1972.

Ai cũng thấy rằng năm 1969 họ đã gần đến đích rồi.

Còn chương trình mới của

họ, ấn định thực hiện đến năm 1984, thật là vĩ đại phi thường, chúng ta sẽ nói đến sau.

— Nội ngần ấy, — như mình vừa phác họa sơ qua, đã làm em chóng mặt rồi. Nhật bốn là một dân tộc Đông Á, trước đây 50 năm, cũng là một giống dân nhược tiêu, sao nay họ tiến bộ mau thế, hùng cường ghê thế, còn Việt Nam mình thì...

— Anh có một tin tưởng duy nhất và vững chắc là chỉ có chủ thuyết tư bản Rồng Vàng, — chống Cộng sản bạo tàn phân chia giai cấp, và chống tư bản tham nhũng mục nát bất công, để thực hiện Quốc gia Quật khởi trên mọi lĩnh vực thì Dân tộc Việt Nam — trong vài chục năm, chắc chắn sẽ vượt đến mức tiến bộ hùng cường như Nhật bốn, và oanh liệt với các cường quốc trong Thế giới loài người.

Bảng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐĐC

Bảng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐĐC

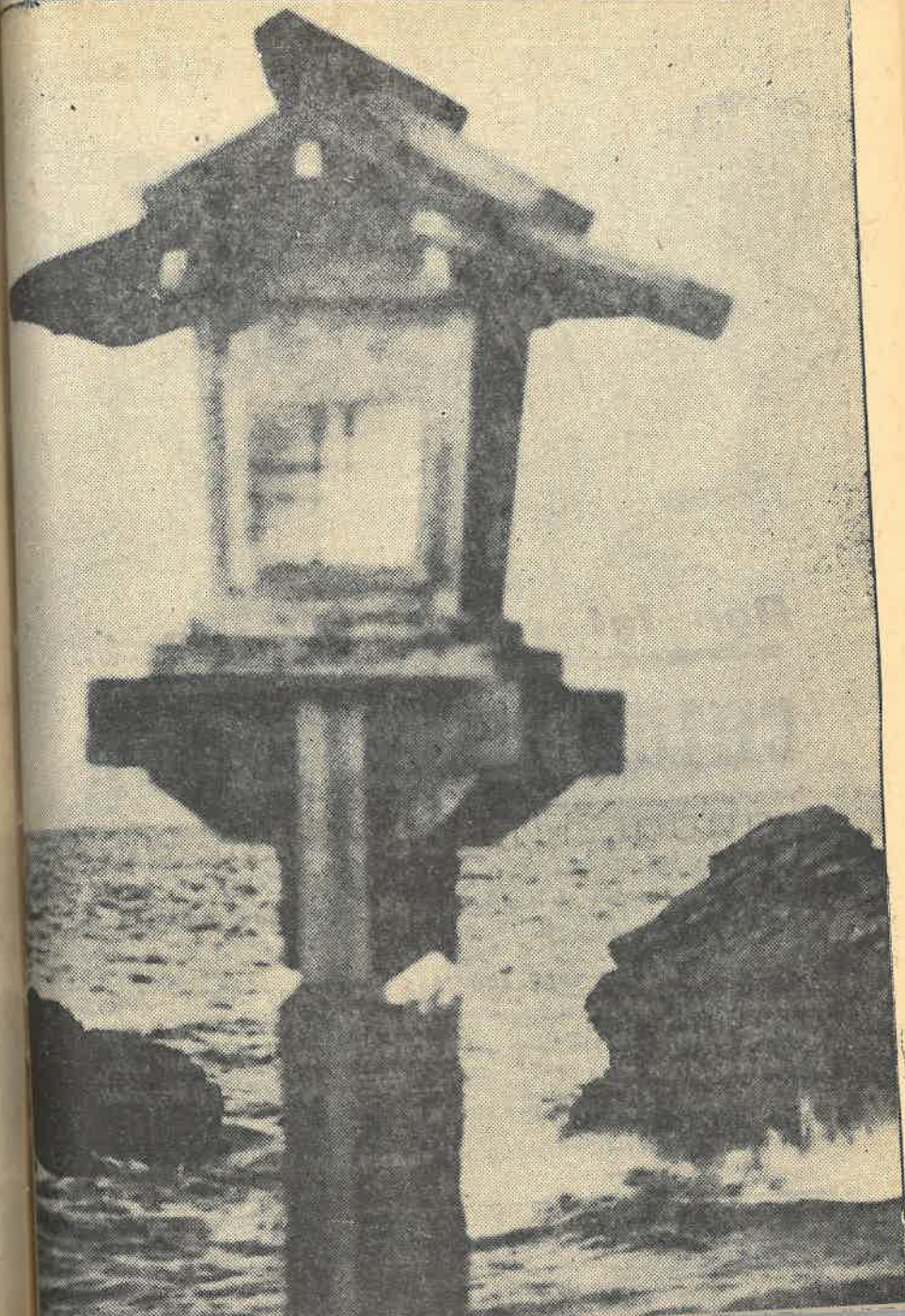
Thái-Dương Thần-Nữ **AMATERAZU**

là nguồn gốc và Sức - mạnh
của Dân-tộc Nhật-Bôn

Theo truyền thuyết Nhật-Bôn thì 7 thế kỷ trước J.C. Izanagi và Izanami, là Cha và Mẹ của Thái-dương Thần nữ Amaterazu, hiện trên hai hòn đảo Isé để lập ra nước Nhật-Bôn. Cho nên Quốc-kỳ của Nhật lấy Mặt Trời làm biểu hiệu để ghi lại sự tích ấy, và cũng là tiêu biểu cho nguồn gốc Lịch-sử và Sức-mạnh trường cửu của nòi giống Thái-dương Thần-nữ.

Đây là cột đèn thờ, có ngọn lửa thiêng cháy thường xuyên, dựng trước hai hòn đảo Isé thiêng liêng đó, sát bờ biển. Hằng năm dân chúng Nhật đến đây hành hương đông vô số.

Đây là bi quyết của sự Hùng Cường bất khuất của Dân - tộc Nhật, con cháu của Thái-dương Thần-nữ. Amaterazu.





Đọc lại truyện Tam-Quốc

CHIA BA THIÊN-HẠ

□□□□□□□□□□□□ NGUYỄN-TỬ-QUANG

Bạn đã đọc « tam quốc chí », say sưa « Tam quốc chí ».

Bạn lấy làm thích thú, theo dõi những hành động của các nhân vật trong truyện : Lưu Bị, Tào Tháo, Tôn Quyền, Khổng Minh, Phụng Sồ, Chu Du v.v... Và, Bạn say mê những trận xích xích ao binh, Huê dung đao, Thất cầm Mạnh Hoạch, Lục xuất Kỳ sơn v.v...

Các nhân vật, ai cũng có những đặc biệt. Mỗi người

TAM QUỐC

một vẻ. Những trận đánh, trận nào cũng biến ảo, linh động khác thường.

Bạn đã nằm lòng tất cả.

Cầm quyền truyện lên thì không muốn để xuống. Mà khi để xuống rồi, thế nào, bạn cũng để tri óc nghĩ suy, cũng có vài lời phê phán, cũng... ôn cố tri tân. Ai cũng muốn nhìn vết xe đổ ngày xưa tìm con đường mới.

Đây là những hành động của nhân vật.

Đây là những chiến lược, chiến thuật về chính trị quân sự của các tướng chỉ huy.

Và, đây là lập trường, là thế cờ của ba nước : Đông Ngô, Bắc Ngụy, Tây Thục.

Bạn đã có vài ý kiến nhận xét, Bạn đã phê bình. Trước bạn, Thánh Thán tiên sinh, Mao Tôn Cương đã có lời bình sau mỗi hồi truyện. Và, đồng thời với bạn, cũng có nhiều người trích từng câu truyện một, rồi cuối truyện có đôi lời nhận xét, phê phán, lạm bàn... đóng góp theo sự suy ngẫm cùng bạn đọc.

Ở loạt bài thảo luận nhỏ bé này, chúng tôi cũng gần làm một việc đó. Nhưng không làm tỉ mỉ. Không làm từng truyện một. Có điều khác là lồng hợp những sự việc to lớn có liên hệ nhau trong một thế cờ của ba nước để phân tách.

Thiết nghĩ, đọc « Tam quốc chí điển nghĩa », chúng ta không phải chỉ tìm hiểu một vài sự kiện, một vài hành động của những nhân vật một cách đơn thuần, mà còn cần hiểu qua cái « thế », cái « lập trường » của ba nước đối lập đương ghình chống, toan hủy diệt đối phương để nắm

quyền bá chủ. Những sự kiện, những hành động, tư tưởng những nhân vật đều ràng buộc nhau, xoay quanh ba ý thức hệ của ba nước và đã được đặt vào một bối cảnh lịch sử. Cho nên ta không thể giải quyết bằng một lối phân chia manh mún vụn vặt những việc, mà phải giải quyết sự ràng buộc, liên hệ của một bối cảnh lịch sử đó bằng một lối tổng hợp phê phán.

Ngày nay, trên thế giới, nước nào cũng cố tạo một cái «thế» cho nó, cũng có cái «thế» của nó, cũng cố giữ và phát triển cái «thế» của nó..

Ngày nay, nó có những điểm đặc biệt của ngày nay. Bạn đã theo dõi. Nhưng đã theo dõi những việc nay, không lẽ chúng lại thờ ơ với việc xưa.

Không có gì làm mẫu mực nhất định trường cửu. Cũng như nhà danh sĩ Trung hoa, Lương Khải Siêu có nói : « Ta có tai, ta nghe ; ta có mắt, ta trông ; ta có tâm tư, ta suy nghĩ. Đối với cỏ nhân, có lúc ta thờ như thấy, có lúc ta kính như bạn, có lúc ta kình địch như hấn thù, Ta theo công lý, nhất quyết không làm tội tớ cỏ nhân». Như vậy, về phương diện tư tưởng, xưa và nay vẫn còn nhiều liên hệ để cho...ta nghe, ta trông, ta suy nghĩ...mặc dầu ta không làm nó lệ cỏ nhân.

« Nghe truyện xưa chơi, bàn tán chơi,
xưa nay sao mãi máu xương phơi.
Đời người cứ «thế» và vận «thế»,
Mượn «Thế chia ba...» góp mấy lời»

I.— từ Hán Cao-Tổ..

Lưu Bang dựng nghiệp nhà Hán(206 trước - 196 sau D.L.)

Xuất thân địa vị đình trưởng (1), khéo lợi dụng cuộc quật khởi dân chúng chống Tần oán sớ, và sau khi diệt Tần phá sớ, Lưu Bang lên ngôi thiên tử. Người áo vải ấy về cố hương ở đất Bái, bày tiệc rượu, say sưa với bà con hàng xóm, nâng cốc rượu nồng, ứng khẩu ca:

«Đại phong khởi hề vân
phi dương,
Uy gia hải nội hề suy cố
hương.
An đắc mãnh sĩ hề thủ tứ
phương».

Tạm dịch ;

«Gió lớn thổi chừ mây bay
ngang,
Uy khắp nước chừ về cố
hương.
Sao được mãnh tướng chừ
giữa bốn phương»

Lời hào hứng ấy đã diễn tả được cái đặc chí và nỗi lo lắng muốn giữ mãi ngôi báu của một kẻ gặp vận thành công đạt nghiệp.

Nhưng rồi việc đến phải đến. Đó là định luật hưng vong «Trãi qua một cuộc bể dâu»!

Nhà Hậu Hán, từ đời Hòa đế (89-105) về sau tuy chế độ trung ương tập quyền vững vàng, đại quyền trong nước hoàn toàn trong tay nhà vua, nhưng phần nhiều nhà vua còn nhỏ tuổi nên bị bọn người ngoại thích và hoạn quan chuyên chế.

Bọn ngoại thích vốn là những người họ ngoại của nhà vua, ý

(1) Đình là nhà trạm cho người đi đường nghỉ. Đời Hán cứ 10 dặm thì đặt một đình để một đình trưởng không coi Phòng giữ trạm cướp.

mình có chút «máu mủ» hoàng tộc rồi lợi dụng thời cơ để thỏa lòng tham vọng mà dòm ngó chính quyền. Còn bọn quan cũng vậy. Họ sinh ra hoặc thiếu cơ sinh dục (bán nam, bán nữ), hoặc bị tai nạn mà cụt mắt, hoặc đã có con cháu nhiều rồi, tìm chút miếng đỉnh chung, tự nguyện chịu «cung hình» (thiến) để được vào Cung cấm hầu vờ vua, gần gũi các cung tần, được làm quan thái giám. Ấu cũng là một dịp để thỏa tính tò mò trong một cảnh thần tiên diễm ảo đầy «hoa biết nói, ngọc hữu hương».

Bọn sau này nguy hiểm nhất. Vì ở gần vua suốt ngày đêm họ biết nói gì hơn là hay nịnh hót Sầm tấu, nhiều nhà vua rất tin dùng họ.

Khi vua Chương đế mất (76-87), Hòa đế mới lên 10 tuổi nên Thái hậu cầm quyền thị triều. Anh của Thái hậu là Đậu Hiến có công đánh giặc Hung-nô nên ý thế chuyên quyền. Vua cùng Hoạn quan Trịnh Chương lập mưu giết đi.

Vua Hoa đế chết, con là Thượng đế lên ngôi (106), tuổi mới hơn trăm ngày, năm sau lại chết. Thái hậu họ Đặng lập con của Thanh-Hà vương lên làm vua tức An đế (107-122).

Trong khoảng 15 năm, Thái hậu thị triều, bọn ngoại thích và hoạn quan luôn luôn âm mưu phế lập. Cuối cùng, bọn hoạn quan Thiên Siêu giết cha Thái hậu là Lương. Ký, mới chấm dứt cuộc ngoại thích chuyên quyền. Nhưng bấy giờ quyền chính lại lọt vào tay bọn hoạn quan.

Thế mới biết chỉ có bọn thân tộc và bọn thân cận nhà vua—kẻ cầm quyền— mới cướp lấy quyền lợi, tranh đoạt địa vị làm rối loạn nội bộ triều chính gây họa suy vong cho đất nước.

Chính trị bấy giờ thối nát. Hơn 3 vạn thái học sinh và các danh sĩ đương thời cùng nhau kết đảng đề nghị luận chính trị. Họ là những kẻ ưu thời mẫn thế, đứng trước hiểm họa đương đe dọa vận mạng của

bá tánh nên nghị luận tìm phương cứu chữa, Nhưng bọn hoạn quan lại cho hạng người này muốn lật đổ quyền hành của chúng nên kết án là «phá rối trị an», cần phải thẳng tay trừng trị. Thế là họ bị đui tất cả về nhà quê và cấm cố chung thân.

Vua Hoàn đế mất (146-167), Linh đế lên ngôi mới 12 tuổi. Thái hậu họ Đậu lại lâm triều tham dự quyền chính. Cha Thái hậu là Đậu Vũ làm đại tướng quân mưu giết bọn hoạn quan là Tào Tiết, Vương Phủ nhưng việc thất bại. Đậu bị kết án vào đàng ngục (1) cùng một số người bị liên can.

Vua Linh đế lớn lên càng sùng tín bọn hoạn quan, lại tham chứa của riêng, bán quan nặng thuế làm nhiều điều tình tệ. Do đó, chính trị càng đổ nát, gây mầm hỗn loạn.

Tình hình chính trị như thế, trạng thái kinh tế trong nước lại càng suy đồi.

Thương nghiệp thoái quá.

Kinh tế nông nghiệp hoàn toàn bị phá sản. Bọn quý tộc hà hiếp, cướp bóc nông dân để làm giàu; nhà cửa huy hoàng, ruộng đất mênh mông, tôi tớ từng bày, Họ ăn không ngồi rồi, bắt thẳng dân ra nai lưng cung phụng, tạo nên cảnh bi thảm buồn cười: một người cày, trăm người ăn; một người dệt, trăm người mặc. Số người đói rét đầy đầy. Nông dân bị bán cùng hóa phải lưu lạc tứ phương tùy phương cách kiếm ăn để sống.

Về phương diện tài chính, số lượng tiền tệ giảm bớt. Vàng cơ hồ biến mất. Đời sống con người hầu như trở lại trạng thái kinh tế tự nhiên.

Từ triều Ân đế lại có cuộc nổi loạn của các rợ Khương

(1).— Ngục tù để giam những người có đảng phái chống lại chính quyền đương thời. Cũng như ngục Bastille của Pháp triều trước Cách mạng 1789.

đánh chiếm các miền Cam túc, Sơn-tây, Tư-xuyên, Hà-bắc. Cuộc nổi loạn này kéo dài đến 14 năm làm cho triều đình phải tốn hại quân phí đến 240 ức. Cuối đời Vĩnh-hòa, cuộc khởi loạn càng tàn khốc ác liệt hơn nữa. Trước sau mấy chục năm, triều đình phải tốn hao quân phí đến 7.000 vạn quan. Muốn có đủ tiền tất phải gia nặng thuế má. Nhân dân càng thêm bần cùng. Do đó phát sinh những cuộc trận cướp dấy dấy.

Bị bần cùng hóa, nông dân căm tức vùng dậy. Cuộc bạo

động nông dân khai diễn từ năm đầu hiệu Vĩnh-sơ đời An-đế (107) Sang đời Thuận-đế năm thứ 17, cuộc bạo động liên tiếp tái diễn. Số người tham gia có hàng vạn, chẳng những bạo động ở các địa vực Hoàng-hà và Dương-tử giang mà còn lan rộng cả toàn quốc

Trạng thái xã hội suy đốn như thế tất tạo nên những mầm hỗn loạn, đẩy nhà Hán đến chỗ suy kiệt rồi dần đi đến mức diệt vong. Đó là nguyên nhân khai diễn «thế chia ba» của Trung Hoa vậy.

II—...đền Tân Võ-đê

TỪ lúc vua Linh-đế lên ngôi (168) Đến thời Tam quốc (từ năm 220 đến năm 264) suốt thời gian gần trăm năm, Trung Hoa lâm vào tình trạng cực kỳ hỗn loạn. Bốn trăm 25 năm dựng nghiệp, nhà Hán đến đây chấm dứt cuối cùng.

Thời Tam quốc (chia ba thiên hạ) được chép thành bộ truyện vĩ đại là «Tam quốc chí diễn nghĩa», tương truyền của tác giả La Quán-Trung. Truyện này có phần đi sát với chính sử.

Truyện chép đời Hán mạt, từ khoảng năm 168 đến năm 265

sau Dương-lich thiên hạ loạn chia ba rồi gần thành một mối thuộc về nhà Tấn.

Cuộc diện này được ghi trong sử cũng như trong bộ «Tam quốc chí diễn nghĩa», đại lược như sau:

Bấy giờ đời vua Linh-đế, vua nhu nhược, hoạn quan tung hoành, chính trị hủ bại. Do đó, dân tình ta thán. Anh em Trương Giác thừa cơ dùng lý thuyết tà mi, xách động dân chúng nổi loạn, tức giặc Huỳnh-Cân (bịt khăn vàng làm biểu hiệu), nhưng cuối cùng thất bại.

Trong khi dẹp giặc Huỳnh-Cân, một số quan trấn thủ các địa phương nhờ nắm binh quyền to, biến thành những tay quân phiệt cát cứ. Đáng kể hơn cả là Viên Thiệu, Viên Thuật, Lưu Biểu, Lưu Chương, Tôn Kiên, v.v.. Đồng Trác lúc bấy giờ may gặp điều kiện thuận lợi, chiếm được quyền chính lớn tại triều, trên lấn vua, dưới ép quan, gây ra mối bất

binh sâu sắc trong hàng quan lại và gieo nhiều nổi tang tóc cho nhân dân. Nhưng Trác bị quan Tư-đồ Vương-Doãn mưu hại. Lý-Thôi, Quánh-Tị kéo binh về báo thù cho Trác lại gây thêm cảnh máu đổ thịt rơi trong dân chúng.

Giữa tình thế đó. Tào Tháo xuất đầu lộ diện, và không bao lâu tạo được một cơ nghiệp khá vững chãi một thời gian. Sau khi đánh được Viên-Thuật, Viên-Thiệu, Lữ-Bố và Lưu-Biểu, Tào Tháo thừa thắng xua binh toan chiếm Giang-đông Tôn-Quyền cát cứ Giang-đông, cùng Lưu-Bị liên kết, nhờ có Khổng-Minh, Châu-Du và tướng tà hết lòng kháng cự, đã đánh bại được mấy mươi muôn binh Tào tại trận Xích-bích. Lưu-Bị thừa cơ mượn đất Kinh-Châu để dung thân, làm chặn đứng hầu gây dựng thế lực. Thế là thành hình cuộc diện «tam phân thiên-hạ»:

☐ Tào Tháo (Bắc-Ngụy) chiếm Trung-nguyên, đất đai rộng lớn phi-nhiều, lại dựa thế Thiên-Tử mà khiến chế-chư-hầu.

Lưu Bị chiếm Kinh châu, Tây Thục, nhân danh tôn thất nêu cao khẩu hiệu phạt Tào ngụy gian hùng.

Tôn Quyền (Đông Ngô), chiếm Giang đông, nhờ địa thế hiểm trở quyết giữ vững cơ nghiệp ông cha để chờ thời cơ thống nhất thiên hạ.

Tây thục liên Ngô cự Ngụy (tức Tào Tháo), trong dùng chính sách an Dân, ngoài bình Man, cơ đồ có mở rộng. Nhưng sau vì Quan Công không đi đúng chính sách lên Ngô nên bị tướng Ngô là Lữ Mông đánh bại nơi Mạch thành, Quan Công chết, Kinh châu cũng mất. Thục bị tổn thất nặng nề.

Lưu Bị phần nóng lòng báo thù, phần hoảng hốt trước thất bại đau đớn, không nghe lời can của quần thần, hưng binh phạt

Ngô, bị tướng Ngô là Lục Tốn đốt tiêu 700 dặm dinh trại. Lưu Bị chạy về Bạch Đế thành, buồn rầu sinh bệnh mà chết.

Không Minh vâng lời thác cô phò con của Lưu Bị là Lưu Thiện, khởi binh bình Man, thất cầm Mạnh Hoạch : và sáu lần đem binh ra Kỳ sơn (lục xuất Kỳ sơn) phạt Ngụy nhưng gặp phải chiến lược cầm cự lâu dài của tướng Ngụy là Tư Mã Ý nên không thành công lớn.

Không Minh chết, Khương Duy thay thế. Tuy lòng trung có thừa nhưng tài sức chưa đủ nên không xoay chuyển nổi tình thế. Chúa Lưu Thiện lại quá ngu muội hay nghi kỵ làm cho triều chính ngày càng mục nát.

Tư Mã Chiêu thừa cơ sai tướng Đặng Ngại, Chung Hội lên độ binh ngả Âm binh, dứt được

Tây Thục. Và, sau đó, Tư Mã Viêm đoạt luôn ngôi Ngụy (264 sau D.L.) lên ngôi hoàng đế, tức là Võ đế nhà Tấn.

Bắc Ngụy bị tiêu diệt rồi, đồng thời tình hình bên Ngô ngày càng suy sụp, Chúa Ngô là Tôn Hạo tàn ác thái quá, Dân chúng phản uất. Đông Ngô đương ngoi

ngóp thở thì tư Mã Viêm kịp thời sai tướng Đỗ Dự, Dương Hộ đem binh đánh chiếm Ngô, bắt Tôn Hạo về rưng nguyên.

Thế là ba nước lại gồm về một mối. Giang sơn thống nhất dưới uy quyền nhà Tấn.



BẠN CÓ BIẾT

● Trung bình mỗi người phụ nữ ăn hết 15 con voi.

Một người phụ nữ sống đến 70 tuổi, đã tiêu thụ hết :

— 10.000 ki bánh mì,

— 2.000 ki bơ,

— 4.000 ki đường.

và một số lớn khoai tây (pommes de terre) chất cao đến 4 th, tính chung số khoai này nặng đến 50.000 ki.

Tổng cộng số thức ăn trên, mỗi người phụ nữ đã nhai và nuốt vào bụng hết một số đồ ăn cần nặng bằng 15 con voi.

Phụ nữ ăn cũng thật là hình khủng !..

Dang midol trị các chứng đau nhức và cam cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1330/B.V.T/900C

KHÔNG-LỰC HOA-KỲ

ngày nay

(Tiếp theo PT số 216)

● NGUYỄN-QUANG-HIỆN

Các nghênh căn cơ và vũ khí :

Không quân phòng thủ Hoa-Kỳ sử dụng các nghênh căn cơ Phần lực siêu thanh F-101B «Voodoo», F-102A *Delta Dagger* (đoàn đao tam giác) F-104A *starfighter* : sao chiến đấu và F-106A *Delta Dart* (Mũi tên tam giác).

Hai loại F-101B và F-106A chưa hề được đem ra ngoài quốc và chỉ được sử dụng để phòng thủ Bắc Mỹ.

F-101B *Voodoo* : Đây là một nghênh căn cơ mọi thời tiết, có tốc lực tối đa 2040 cs/1g và một tầm hoạt động quân sự hơn 1600 cây số. Vũ khí thông dụng của nó gồm 2

hỏa tiễn AIR-2A «Genie» có đầu nổ nguyên tử và ba phi đạn điện tử AIM-4 «falcon» hướng dẫn bằng ra đa hay hồng ngoại tuyến.

F-102A *Delta Dagger* : đoàn đao tam giác, cũng là một khu trục nghênh căn mọi thời tiết. Tất cả vũ khí của nó : 6 phi đạn tự động «Falcon», 24 hỏa tiễn 70 ly đều được chở bên trong thân phi cơ. hệ thống điện tử của phi cơ này rất tối tân biết tìm mục tiêu từ xa, hướng dẫn phi công xung trận và tự động phóng phi đạn khai hỏa đúng lúc. Nhào lộn rất giỏi, F-102 có tốc lực siêu thanh vận tốc tối đa của nó lên tới : 1370 cs/1g và cao độ hoạt động là : 16.500.th.

KHÔNG LỰC HOA KỲ

F-104A *starfighter* : sao chiến đấu ; khu trục nghênh căn cơ, bay mau hơn 2250 cs/1g và bay xa 1600 cs; nó được vũ trang với đại bác 20 ly và phi đạn điện tử AIM-9 «Sidewinder» một đạo F-104 đã là máy bay bay nhanh và cao nhất thế giới.

F-106A *Delta Dart* : mũi tên tam-giác. Nhanh nhất trong các loại khu trục cơ nghênh căn của ADC, F-106 có một hệ thống hướng dẫn điện tử và điều chỉnh tác xạ giúp nó bay được trong mọi loại thời tiết trong đêm tối; cũng như ban ngày dưới sự điều khiển của một trạm chỉ huy trên mặt đất. Nó có tốc lực hơn 2420 cs/1g và chở phi đạn điện tử *Falcon* cùng *Genie*.

Những phi đạn không-không kể trên là những vũ khí vô cùng lợi hại cho các khu trục cơ, Hỏa tiễn AIR-2 *Genie*: ông thần, dài 2.4 th ; cân nặng 363 kí bay mau 3180 cs/1g mang đầu nổ nguyên tử đi xa 10 cs. có khả năng tiêu diệt cả bầy oanh tạc cơ. Trong khi *Falcon* (con ó) AIM-4 là một phi

đạn không đổi không có rất nhiều kiểu bay, với tốc độ siêu thanh. Một vài loại dùng hướng dẫn ra đa trong khi những loại khác dùng tia hồng ngoại. Hai kiểu «Falcon» đặc biệt : AIM-26 và AIM-47 có đầu nổ nguyên tử như g đa số các loại khác đều dùng đầu nổ cổ điển. «Falcon» dài hơn 1,8 m bay mau hơn hai lần tiếng động và bắn xa 8 c.s.

Chót cùng là phi đạn AIM-8 «sidewinder» : rắn chuông, giản dị, rẻ tiền phi đạn này có đầu thông minh hướng dẫn bằng hồng ngoại biết tìm ống phun phản lực của máy bay địch mà đâm vào. Có tốc lực hơn 2650 cs/1g và dùng một đầu nổ cổ điển. «Sidewinder» nổi tiếng vì đã từng giúp các chiến đấu cơ Mỹ bắn hạ nhiều MiG của cộng sản trong các trận không chiến trên Bắc Việt.

Phi đạn Phòng không..

Không quân phòng thủ sử dụng phi đạn địa không «Bomarc» loại có tầm hoạt động xa mang đầu nổ nguyên tử. Hướng dẫn từ một đài ra đa điều khiển dưới

KHÔNG LỰC HOA KỲ

đất rồi sau đó biết tìm máy bay địch để đâm vào. Bomarc dài 14th và có tốc lực tối đa 4020 cs 1lg. Tốc lực trung bình của nó là 3180cs1lg và nó hạ được mọi loại phi cơ từ sát mặt biển tới 30.000 th. trong tầm hoạt động 700 cây số.

Để chống với vệ tinh thù địch hay bom quỹ đạo. Mỹ có một sư đoàn chuyên vào việc này đó là sư đoàn không quân thứ chín.

Hai loại vũ khí chuyên tiêu diệt vệ tinh hay bom quỹ đạo được Tổng Thống Johnson công bố vào năm 1965: *Thor* của Không quân và *Nike-zeus* của Lục quân hiện nay đã được đem ra sử dụng.

4) Hải quân và Thủy Quân Lục chiến

Hải quân Hoa kỳ cũng đóng góp vào Norad với các khu trục hạm

báo động ra đa, các máy bay tuần tiễu ra đa và các phi đội khu trục ngầm của hải quân đặt căn cứ tại Hoa Kỳ. Những máy bay hải quân dùng trong sứ mạng này gồm các chiến đấu cơ F4B «Phantom»; F8 «Crusader» và cả những chiếc F-6 «skyray» F-3 «Demon» của lực lượng trừ bị.

Trong tình trạng khẩn cấp No rad sẽ trưng dụng mọi loại khu trục cơ đặt căn cứ tại Hoa kỳ nhất là của không quân chiến thuật Tac (Tactical Air Command) và của thủy quân lục chiến.

Bộ Tư Lệnh Không vận (Military Airlift Command) viết tắt M.A.C... Vận chuyển nhanh, tập trung mau lẹ, tiếp tế kịp thời là những đòi hỏi quân sự cấp thiết nhất trong kỷ nguyên nguyên tử. Với tên cũ là *Sy* không vận quân sự (Military Air transport service) viết tắt MATS, bộ tư

 **Midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐDCC

KHÔNG LỰC HOA KỲ

lệnh này không những vận tải hàng hoá, quân nhu, quân cụ, binh lính mà còn thi hành những phi vụ cứu cấp, vẽ hoạ đồ, chụp hình cùng quan sát độ thấm khí tượng.

Trong thời chiến M.A.C có nhiệm vụ hỗ trợ cho tất cả các lực lượng chiến đấu của không quân chiến lược, chiến thuật cũng như hải quân và lục quân.

Bộ tư lệnh không vận có hơn 1.000 máy bay vận tải trong đó 400 chiếc thuộc loại vận tải chiến lược khổng lồ.

Trong số 112.000 nhân viên của M.A.C có 4.000 người là do hải quân biệt phái sang.

Cũng trong thời kỳ chiến tranh M.A.C có thể trưng dụng 65 phi đội chuyên chở thuộc lực lượng không quân trừ bị (hơn 1 000 phi cơ) và hàng ngàn máy

bay vận tải trong các công ty hàng không dân sự.

M.A.C có nhiều cơ quan chuyên môn để thi hành những sứ mạng đặc biệt:

Sở cứu cấp không quân (Aerospace Rescue and Recovery Service) viết tắt ARRS. chuyên cứu cấp ngoài khơi cũng như đất liền cho mọi chuyến bay dân sự cũng như quân sự bị nạn, rất đặc lực trong việc trợ giúp các vùng bị thiên tai.

Riêng tại Đông nam Á, không đoàn cứu cấp thứ 3 với 560 nhân viên và 45 phi cơ cùng trực thăng đã cứu được đến 450 phi công và nhân viên phi hành bị bắn rơi ở những vùng nhiều khi nằm sâu trong nội địa cộng sản Bắc Việt. **Sở thính-thị không lực** (Aerospace Audio-Visual Service) viết tắt AAVS có nhiệm vụ vẽ bản đồ,

 **Midol** trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐDCC

chụp không ảnh, chụp phim tài liệu cho quân lực. Chỉ trong một năm, AAVS đã phân phát hơn 100 triệu bản đồ địa-dư và chiến thuật cho các đơn vị quân đội Hoa-Kỳ.

Cơ quan khí tượng : (AIR Weather Service) viết tắt AWS. Thâu thập dữ kiện về khí tượng trên thế giới nhờ những đoàn máy bay khí tượng và hơn 300 đài khí tượng ở nhiều nơi trên địa cầu mới đây, những vệ tinh khí tượng cũng góp phần vào công cuộc này.

Các loại máy bay vận tải của M.A.C. Bộ Tư lệnh không vận M.A.C. sử dụng trên 10 kiểu vận tải cơ : C-2, C-47, C-54, C-118, C-124, C-130, C-133, C-135, C-140 và C-141. Trong tương lai nó sẽ có vận tải cơ khổng lồ C-5A chở được một lúc 600 binh sĩ hay 113 tấn hàng. Trong những loại kể trên, những phi-cơ vận tải quan trọng có giá trị chiến lược là: C-118, C-124, C-133, C-135 và C-141 hầu hết đều có bốn động cơ.

C-118 A *Liftmaster* : «vua

không vận» chuyên vận tải binh sĩ và hàng hóa là loại «quân sự hóa» của máy bay dân sự DC-6. C-118 chở được 76 chiến binh trang bị đầy đủ đi xa 8000 cs; vận tốc tối đa của nó là : 600 cs/1g; trong khi tốc lực du hành : 346 cs/1g.

C-124 *Globemaster* «chúa tể hoàn cầu», là một trong những vận tải cơ chiến lược đầu tiên chuyên chở các chiến cụ nặng 94% các xe cộ nhà binh có thể được chắt chứa trong chiếc máy bay há mồm này.

C-124 có khả năng vận chuyển 200 chiến binh hay 33 tấn hàng hoá đi xa 3700 cs, với vận tốc 376 cs/1g.

C-133 «*Cargomaster*»: vua vận-tải, đây là phi cơ vận-tải có bốn động cơ tua-bin chong chóng lớn nhất thế giới. Cân nặng 136 tấn, nó chở được mọi loại phi đạn liên lạc địa khổng lồ, trong phi cơ dài hơn 48 thước của nó.

Khả năng của C-133 : chở được tối đa 45 tấn hàng hay 200

binh sĩ, trên quãng đường dài : 3600 cs, chở được 40 tấn hàng với vận tốc trung bình : 360 cs/1g.

C-135 *Stratolifter* : vận tải cơ tiếp liệu phân lực đầu tiên trong không lực; tương đương với loại Boeing 707 dân sự. Có tốc lực du hành 965 cs/1g; nó chở 22 tấn hàng hóa hay 100 binh sĩ đi xa 7240 cây số.

Loại tiếp liệu KC-135 «*strato tanker*» chuyên tiếp tế cho các máy bay oanh tạc cũng như khu trục chở được 113.000 l nhiên liệu

C-141 A «*Starlifter*» : sao không vận; mới nhất trong không quân vận tải. Cân nặng 150 tấn, vận tải cơ chiến lược khổng lồ này chở được 31 tấn đi xa 6200cs với vận tốc trung bình 800 cs/1g. Hiện giờ nó đang được sử dụng đặc lực trong việc tiếp tế từ Mỹ tới V.N.

Trong tài-khoá 1966; riêng tại Đông Nam-Á, MAC đã chuyển

vận 800.000 người và 250.000 tấn hàng hoá quân sự.

Không lực Hoa-Kỳ tại Âu Châu : (United States Air Force Europe) viết tắt USAFE.

Trực thuộc Bộ tư lệnh liên quân Âu châu (European Command) đây là một lực lượng không quân hùng hậu có hơn 1.000 chiến đấu cơ và 80.000 nhân viên nằm sát nách biên thùy cộng sản Nga sẵn sàng tấn công khi có lệnh.

USAFE có sáu đại đơn vị :

Không lực thứ ba, không lực thứ 16, không lực thứ 17. Và ba sư đoàn không quân : phòng thủ, tiếp vận, chuyên chở,

Không lực Hoa-Kỳ tại Âu Châu sử dụng những máy bay chiến đấu như : khu-trục phóng pháo F-100 «Super Sabre»; F-105 Thunderchief và nơi đây F-4 «Phantom».

Để hoàn tất những phi vụ thám thính nó có các phi đội RB-66 «Destroyer» RF-100 «Super Sa-

KHÔNG-LỰC HOA-KỶ

bre» và RF-4«Phantom». Công cuộc phòng thủ không phận được trao cho sư đoàn khu trục 86 với 4 phi đoàn khu trục nghênh cản F-102 phối hợp với các tiểu đoàn hỏa tiễn địa không Hawk và Nike của lực quân.

Không lực Hoa Kỳ tại Âu Châu sau chót có một phi đoàn oanh tạc cơ không người lái CGM-13«Mace». Mace dùng lối hướng dẫn tự động, có thể bay xuyên qua hàng rào điện tử bên địch ở cao cũng như thấp. Cân nặng hơn 8 tấn, «Mace» chở được một trái bom nguyên tử chiến thuật, đi xa 1.930 cs. với vận tốc 1046 cs/1g

Hầu hết các khu trục phóng pháo của Hoa Kỳ tại Âu châu đều có khả năng võ trang với vũ khí nguyên tử.

Bộ Tư lịnh Không quân

Alaska (Alaska Air command) AAC. Không quân này có sứ mạng chính là phòng không, nó có hai phi đoàn hỗ trợ, nhiều phi đoàn máy bay báo động và một hay nhiều phi đoàn khu trục xử dụng máy bay loại F-102, F-106 và đôi khi F-4 «phantom».

Không Lực Hoa kỳ Nam Mỹ. (United States Air force Southern Command) USAF-SO. Có sứ mệnh phòng thủ kênh Panama đồng thời viện trợ cùng huấn luyện cho các không lực quốc gia Nam-Mỹ.

Không Lực Hoa kỳ tại Thái Bình Dương. (Pacific Air Force viết tắt PACAF.

Trực thuộc Bộ tư lịnh liên quân Thái Bình Dương (Pacific Command) PACAF có nhiều sứ mạng trong đó quan trọng nhất là:

KHÔNG LỰC HOA KỶ

● Cung cấp các lực lượng phóng pháo xung kích di động cho các bộ chỉ huy liên quân.

★ Phòng thủ chặn lược chống lại mọi cuộc tấn công từ mặt này vào miền tây Hoa Kỳ, đồng thời phòng thủ không phận các yếu điểm quân sự vùng Thái Bình Dương.

★ Hỗ trợ các lực lượng không quân đồng minh. Cố vấn cho các không lực Đại Hàn, Nhật Bản, Trung hoa dân quốc, Phi Luật Tân, Việt Nam, Thái Lan.

● Yểm trợ cho không quân chiến lược, báo động các cuộc tấn công gây hấn.

★ Thực hiện các công tác thám thính, vận chuyển và Tái thương Do chiến cuộc Việt Nam, Không Lực Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương đã lớn mạnh và được tăng cường rất nhiều. Nhân lực của nó trong năm 1965 đã tăng cường thêm từ 67.000 đến 130.000 người trong khi số phi cơ tăng cường hơn 1000 chiếc đa số là các khu trục phóng pháo phản lực.

PACAF có năm đơn vị chánh:

● Không Lực thứ năm tại Nhật Bản và Cao Ly gồm bốn sư đoàn không quân.

★ Không Lực thứ 13 tại Đài Loan và Phi Luật Tân.

● Không lực thứ bảy tại Việt Nam và Thái Lan; lực lượng chánh tham dự chiến cuộc tại đây.

Lúc trước là đệ nhị sư đoàn không quân (2 nd Air Division), lực lượng này ngày nay đã lớn đến 1350 phi cơ và cỡ 30.000 người.

Những căn cứ chính cho các khu trục phóng pháo của đệ thất không lực tại V.N. Đà Nẵng, Pleiku; Phú cát, Tuy hòa, Nha Trang Cam ranh, Phan Rang, Biên Hòa, Tân Sơn nhất, Bình Thủy.

Trong năm 1966, Đệ Thất Không Lực đã thực hiện 13.000 phi vụ oanh tạc Bắc Việt.

● Sư đoàn vận tải chiến đấu 315.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1560/645/8002

* Sư đoàn khu trục 326 phòng thủ không phận tiêu bang Hawaii. PACAF sử dụng nhiều loại phi cơ quan trọng nhất là :

B.57 Camberr F.100 Super Sabre. A.1E Skyraider dùng cho các phi vụ không trợ tiếp cận yểm trợ cho bộ binh tại V.N. F.105 Thunderchief và F.4 Phantom cho các sứ mạng oanh tạc Bắc Việt.

Một số khu trục cơ F-102 thi hành các sứ mạng phòng thủ.

Các lực lượng Hỗ trợ.
(Supporting Commando)

II. Không quân Chiến thuật
(Tactical Air Command) viết tắt TAC bên cạnh không quân Chiến Lược và Không quân phòng thủ.

Không quân chiến thuật ra đời từ 1946 và đã phát triển mạnh mẽ nhất trong thời kỳ 1950 — 1953.

Chiến tranh 39-45 đã chứng tỏ những khả năng đáng kể của không quân Chiến thuật bảo vệ chiến binh trên mặt đất cùng

quét sạch các hàng rào phòng thủ bộ binh bên địch.

Mặt khác nhiều khi thám thính không ảnh và không vận đã đóng vai trò quyết định trong diễn tiến của chiến sự.

Không quân Chiến thuật bao gồm nhiều phi đoàn khu trục — phóng pháo, oanh tạc cơ hạng nhẹ, thám thính và vận tải cơ xung kích.

Nhờ các đơn vị không quân vô cùng di động, TAC có khả năng chiến đấu trong mọi loại chiến tranh toàn diện cũng như giới hạn với vũ khí nguyên tử cũng như vũ khí cổ điển.

TAC có thể hoạt động riêng rẽ hay phối hợp với các lực lượng Không Hải Lục Đổng Minh. Các phi đội vô cùng linh động của nó sẵn sàng di chuyển tới những nơi bị «khủng hoảng» trên thế giới.

TAC có cả thảy 70.000 nhân viên hoạt động trong 3 Không Lực số phi đoàn khu trục lên tới 57 (hơn 140 Ophân lực cơ tr) ong

khí số phi đoàn vận tải chiến đấu là 24.

Oanh tạc và yểm trợ chiến thuật.

Oanh tạc và yểm trợ là nhiệm vụ của các đơn vị không quân nhỏ sẵn sàng được gửi ra hải ngoại. Một trong những khả năng quan trọng của không quân chiến thuật.

Sứ mạng số một của không quân Chiến thuật là chiếm quyền bá chủ không trung trên một vùng để cho các lực lượng bộ binh khỏi bị cản trở bởi không lực địch và để cho sức mạnh của không lực bạn có thể đè nặng áp lực lên đối phương (counter-Air.)

Các khu trục phóng pháo chiến thuật ngày nay là những phương tiện rất uyển chuyển mang theo được nhiều loại hỏa lực khác nhau: phi đạn không không, phi đạn không đối địa, đại bác 20 ly bom thường, bom nguyên tử. Tốc lực của chúng tùy theo sứ mạng thay đổi từ 330cs/lg đến hai lần tiếng động (2230cs/lg). nhiệm vụ thứ hai của không quân chiến

thuật là **Không Cấm** (Air Interdiction) phá hủy các đường tiếp tế và liên lạc giao thông sau khi không lực địch đã bị tiêu diệt hay bị tiêu mòn. Các cố gắng của không quân sẽ tập trung vào việc phá hủy cơ xưởng, trạm tiếp vận, hệ thống truyền tin và đường giao thông.

● **Không trợ tiếp cận.**
(Close-Air Support)

Nhiệm vụ thứ ba của không quân chiến thuật. Đây là danh từ mới chỉ vào việc dùng không quân để yểm trợ cho bộ binh bằng cách phóng hỏa lực từ phi cơ chống với các mục tiêu thù nghịch. Hoạt động này cũng chỉ có thể hoàn thành sau khi đã chiếm được quyền bá chủ không trung.

* **Thám thính chiến thuật**

(Tactical reconnaissance) thực hiện các công tác thám thính bằng hình ảnh, hay bằng dụng cụ điện tử cho các bộ Chỉ huy.

* **Không vận** (tactical Air-lift) nhiệm vụ thứ 5 của TAC.

KHÔNG LỰC HOA KỲ

Chuyên quân đồ bộ, tiếp tế chiến cụ và tải thương.

Không quân Chiến thuật tổ chức nhiều lực lượng xung kích hỗn hợp (Composite Air Strike Force) CASF gồm nhiều đơn vị khu trục phóng pháo, thám thính, vận tải và tiếp liệu cơ sở sàng cung cấp phương tiện hỗ trợ cần thiết cho các lực lượng Hoa Kỳ là luôn luôn đặt trong tình trạng báo động như không quân Chiến Lực S.A.C.

Chiến đấu cơ của không quân chiến thuật.

Không quân chiến thuật sử dụng rất nhiều loại phi cơ, nhưng những kiểu khu trục chính hiện thời gồm có các loại F-100, F-101, F-104, F-105, F-4C, và mới nhất F-111.

F-100 Super Sabre :

Siêu lưỡi kiếm ; máy bay quân

sự siêu thanh đầu tiên trên thế giới ; chở được hơn 3 tấn vũ khí và có tốc lực hơn 1300cs/lg F-100 đã hoạt động trong Không lực từ hơn 12 năm nay. Hiện nó trang bị cho rất nhiều phi đoàn phóng pháo yểm trợ tại Nam Việt Nam.

F-101 A và F-101 C Voodoo :

Vũ trang với bốn đại bác 20 ly phi đạn Falcon và một trái bom nguyên tử. Phục vụ đặc lực trên chiến trường Việt Nam trong kiểu thám thính RF-101.

F-104 C Starfighter :

Ngôi sao chiến đấu. Ngoài nhiệm vụ làm khu trục bá chủ không trung hệ thống cho các đoàn oanh tạc cơ chiến thuật F-104 còn dùng được vào việc yểm trợ khi chở 1 tấn bom.

KHÔNG LỰC HOA KỲ

F-105 Thunderchief :

Thiên lôi thần tượng ; khu trục cơ mọi thời tiết trang bị với rất nhiều máy điện tử tối tân. Hệ thống điều chỉnh tác xạ cho phép nó thả bom chính xác từ cao độ 0 đến 15.000 th. Có tốc lực tối đa hơn 2250 cs/lg và một sức bay xa hơn 3200 cây số, F-105 chở được trên 5 tấn bom hay một trái bom nguyên tử. Ngoài ra, nó còn được vũ trang với đại bác 20 ly, phi đạn không không và hỏa tiễn.

F-105 hiện nay là loại phóng pháo cơ chính của Hoa Kỳ dùng oanh tạc Bắc Việt.

F-4 Phantom II.

Có hai máy phản lực, đây là một máy bay khu trục có tốc lực hơn hai lần rưỡi tiếng động : (2600cs/lg).

Dùng làm khu trục nghênh cản hay bá chủ không phận Phantom (Con ma) chở 4 phi đạn « Sparrow » hướng dẫn ra đa và 4 phi đạn « Sidewinder » ;

Trong khi dùng làm oanh tạc

cơ nó chở được hơn 5 tấn bom và có một hệ thống điện tử xử lý trong việc thả bom nguyên tử ở thấp. Loại thám thính của (Pa) « Phantom » : RF-4C, hiện cũng được sử dụng rất nhiều tại Việt Nam.

RB-66 « Destroyer » :

Người phá hoại.

Loại máy bay oanh tạc chiến thuật nguyên tử hạng nhẹ, bay mau từ 1000 đến 1100 cs/lg ngày nay dùng trong việc thám thính và phá rối ra đa.

Tất cả những chiến đấu cơ kể trên của không quân chiến thuật đều có khả năng nguyên tử và lấy nhiên liệu trong khi bay tăng tầm hoạt động của chúng lên đến vô hạn.

Phi cơ vận binh của không quân chiến thuật.

C-123 Provider :

Người cung cấp ; vận tải cơ xung kích hai máy có thể hoạt động từ những sân bay ngắn nơi tiền tuyến để vận chuyển binh sĩ quân cụ hay thương binh.

 **Midol** Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/647/ĐDCC

KHÔNG LỰC HOA KỲ

Bay mau 386 es/lg và bay xa 4830 cs; phi cơ cá voi này chở được 60 binh sĩ hay 11 tấn hàng và hiện hoạt động đặc lực ở Việt Nam.

C-130 Hercules :

(Đại Lực Sĩ) vận tải cơ xung kích bốn máy tua bin chong chóng để chở bộ chiến binh hay chiến cụ sát tiền tuyến C-130 bay rất mau và xa.

Rất đa năng C-130 cất và hạ cánh được trên băng tuyết, thi hành các phi vụ thám thính khí tượng, vẽ họa đồ, thả dù và cứu cấp.

Bay nhanh 600 cs/lg nó chở được 97 binh sĩ hay 64 tấn dù đi xa 3200 km.

II/ Không quân Huấn Luyện.

(Air Training Command)

ATC. cơ hàng ngàn Huấn Luyện Cơ, không quân này chuyên huấn luyện phi công, chuyên viên ra đa, điện tử, định hướng viên và cơ khí viên.

III/ Bộ tư lệnh kỹ thuật không quân

(Systems Command)

Chuyên lo về việc phát triển và nghiên cứu kỹ thuật phối hợp với các kỹ nghệ tư để cung cấp vũ khí, phi cơ, phi đạn, nhiên liệu mới cho các cơ quan chiến đấu. Không những nó thí nghiệm những máy bay phi đạn tối tân nhất mà còn trông nom về các chương trình thử bom khinh khí cùng nguyên tử. Hàng năm Bộ Tư lệnh này ký những kế ước lên đến hàng tỷ mỹ kim với các hãng chế tạo phi cơ và hỏa tiễn.

IV/ Bộ Tư Lệnh Lục Địa.

(Continental Air Command).

KHÔNG LỰC HOA KỲ

gồm nhiều đơn vị trừ bị của không quân cũng như các lực lượng không quân — vệ binh quốc gia tại các tiểu bang. Bộ Tư lệnh này ngoài ra còn có nhiệm vụ động viên các cơ quan dân sự vào thời chiến.

VI/ Bộ tư lệnh tiếp vận.

(Logistics Command) Trông nom mọi hệ thống tiếp tế cho không lực trên khắp thế giới. Mua bán và dự trữ các bộ phận phi cơ phi đạn.

VII/ Đại Học không quân.

(Air University) Trung tâm huấn luyện và khảo cứu chiến thuật không quân.

VIII/ Trường võ bị không quân.

(Air Academy) Huấn luyện các sĩ quan không quân chuyên nghiệp tương tự như trường West Point của lục quân và Anapolis của hải quân.

VIII/ Nha truyền tin không lực.

(Air Force Communications Ser-

vice) hướng dẫn và liên lạc giữa các căn cứ.

Sau chốt không lực Hoa Kỳ còn một số tổ chức hành chánh : là bộ tư lệnh thủ đô (Headquarter Command)

Nha an ninh không lực (Security Service) USAFSS. Sở nghiên cứu hàng không (office of Aerospace Research) Sở Họa đồ và sở tài chánh.

Chiến đấu mọi loại chiến tranh: chiến tranh nóng và giới hạn như ở Việt Nam cũng như chiến tranh lạnh khi cơ tình hình căng thẳng. Không quân Hoa Kỳ đã tỏ ra là một công cụ đặc lực cho thế giới Tự do. Trong tương lai, nó sẽ lại còn lớn mạnh hơn nhiều để sẵn sàng đối đầu với mọi thách đố xảy ra trên trái đất đổi thay này.

□



Điêng Midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BXY/SPDC

HỌ nhà CUA

★ TIN-KHANH

Theo nhà Khoa học, con Cua rặc rỏi lắm, gồm đủ loại, phân ra gần 6000 giống khác nhau. v. nhưng với ta thì đơn giản hơn. Loại gì ở nước mặn hay ngọt, 10 càng, bò ngang, võ cứng, lột ra đỏ; ta gọi hết là họ nhà Cua. Kể cả dã tràng, còng, ghẹ, rạm (cua đồng) và cua bể, cua đá v.v.

Con cua thì ai cũng biết, vì hình dáng đặc biệt. Minh đây gai nhọn, đôi càng cứng mạnh rủi rệp phải ai, thì trời gậm không nhả ngoài trừ lấy dao chặt tiện nó đi, nhưng chỉ qua một vài kỳ trăng, càng lại mọc như cũ.

Đôi mắt cua nhỏ bé nhưng lồi ra oai phong lắm liệt, bộ đi

ngang ngang như ghẹ bắt chấp chương ngại vật và không biết sợ kẻ thù, vì thật ra chẳng có con vật nào động đến cua.

Một con vật được nói đến nhiều.

«Dị trứng tất hữu kỳ tài» dù không biết là tài gì — Cua được nhân loại chú ý khá nhiều.

Người Ấn Độ cho nó là con vật bạo tàn nên đặt tên là Crnati có nghĩa là «giết» xé thành trăm mảnh.

Người La Tinh đặt tên là Cancer, một danh xưng mà ngày nay ai nghe nói cũng ghê sợ vì là tên của chứng Ung thư, một chứng bệnh ăn lang rộng ra

HỌ NHÀ CUA

trong thịt giống như hình thức của thần kinh hệ con cua.

Nghề Chiêm tinh dùng con cua trong cung Bắc giải (cancer) thuộc hạng tuổi sinh vào ngày 22 tháng 6 đến 22 tháng 7.

Về Y Khoa Đông phương, khi chứng ban ăn lang ra nhiều ngách tua tủa như hình cua ở sau lưng, thì người ta gọi là «ban cua» v.v.

Cua đẻ trứng rất nhiều, mỗi con đẻ mỗi lần hàng triệu trứng gọi là gạch, một món ăn ngon nhất trong con cua. Trứng đẻ ra nở thành con vật li ti hăng bà sa số bám vào rong và là một món ăn ngon cho hầu các loại thủy tộc khác. Số còn lại lần lần trở thành cua sau khi phải qua nhiều lần thay vỏ.

Lúc mới sinh, cua là giống ở nước mặn dù bộ máy hô hấp như loại thở khí trời và đời sống nó nửa dưới nước, nửa trên cạn.

Loại cua thường đứng phần nhiều ở các con sông, nước nửa lạt nửa mặn. Còn loại ghẹ theo

Khoa học, gọi là nhện biển, do mình nhỏ, chân, càng dài và nhỏ lại ở các ven biển.

Theo một thống kê trước đây, mỗi năm tại lãnh thổ Pháp và các thuộc địa, bắt đó 3 triệu tấn cca. Năm 1962 riêng tại Hải Cảng Havre của Pháp, đã nhập cảng đến 100 tấn cua,

Càng chặt đi, mọc lại.

Loại cua ăn ngon nhất du nhập từ Trung quốc sang Âu Châu từ năm 1912 trong các hầm tàu thủy Đức qua lại giữa Á và Âu. Mãi đến 1930, số cua này đã thành một nguồn lợi lớn tại Pháp và 5 năm sau tại Anh. Do sinh sản quá nhiều, loại cua này làm hư hỏng các bờ sông, vì hang chúng thường đào ngang mặt nước sâu vào trong đất liền, và cũng vì thế, món ăn của các loại cá khác bị hủy phá hay cướp bóc đi gần hết, người ta lại kết tội cho loại cua này đã gậm đứt các giây thép ngầm, phá hoại các trụ cầu đê, đập v.v. nhưng may mà chúng sớm được minh oan vì thật tình, làm gì chúng

đủ sức làm những việc tay trời ấy?

Tại Tây ban nha, có 1 loại cua, 1 càng nhỏ, 1 càng rất lớn vừa dùng làm khí giới phòng thân, vừa để đào hang.

Mỗi lần nó rút vào hang khi nghỉ ngơi, sinh đẻ v.v... nó rút mình vào trong và để càng lớn bịt miệng hang, đôi mõ kèm mở rộng sẵn sàng chiến đấu chống mọi kẻ xâm lăng.

Thịt cua này rất dở, ngược lại thịt càng rất ngon. Người Tây ban nha rất thích ăn, nên bắt được cua, họ chặt càng lớn rồi thả lại xuống sông. Càng mọc lại, to lớn như cũ nhưng rũi bị chặt lần thứ nhì, thì dường như sinh khí nó sút kém càng mọc lại sẽ nhỏ bé yếu ớt hơn trước.

Điểm đặt biệt ở con cua là càng hay chân có gậy đi nó cũng không thấy gì đau đớn. Mỗi chân hay càng có một cái khớp ở sát thân nó, để rũi bị tai nạn hay khi cần phải bỏ đi để thay

thế bằng chân mới, thì gãy ngay tại khớp này, không chảy máu.

Càng hay chân gãy thì tự nhiên mọc lại. Có con cua quá già, chỉ còn 1 càng hay vài cái chân cũng đủ sức sinh sống như thường không có gì trở ngại ngoại trừ nó không còn thể đi nhanh hơn trước thôi.

Con vật khù khờ nhưng lại đầy mảnh khỏe

Con cua cũng như bất kỳ con vật nào khác có đủ mảnh khỏe để bảo tồn nòi giống. Tại các vùng nhiệt đới, nhiều cua nên có rất nhiều giống khác nhau. Màu sắc rất sặc sỡ phù hợp với màu sắc nơi chúng ở. Tại các vùng có san hô vỏ cua lại tùy theo màu của san hô. Có loại vỏ đỏ chói, có loại xanh nhạt hay vàng có điểm da cam, lại có thứ vỏ màu đen mà đôi càng lại đỏ tiết.

Chúng cũng biết nguy trang bằng cách quấn rong biển trên mai khi phải đi kiếm ăn ở xa

hang. Một loại khác nữa khi nằm nghỉ, lại nằm ở độ sâu hai ba mươi thước và đổi màu da thành vàng sẫm. năm lần lột với sụn.

Loại cua Dromie thường đeo 1 cánh bông biển (éponge) trên lưng để nguy trang. Lâu ngày bông biển phát triển thêm và lần lần bao kín mất mình cua. Nhờ đó mà cua tránh được những cơn mắt nhòm ngó khác.

Một loại nữa, cua *Melia tessellata* ở Ấn độ đơng, lúc cần giáp chiến với con vật khác thường hai càng ngậm hai cánh sụn hồ để làm khí giới.

Kê cho hết đặc tính của cua không sách vở nào cho đủ. Một vài loại đặc biệt đã gây kinh ngạc không ít cho nhà văn, nhà thơ hay nhà tự nhiên học.

Như con Uca chẳng hạn. Tục danh là «Cua đờn vĩ cầm» ở các vùng sinh lầy hay ruộng muối, thường phát ra những tiếng nheo nheo như tiếng vĩ cầm vào những lúc gió chiều về huì huì mát lạnh.

Con cua Kona lại có một điệu vũ rất ngoạn mục ở đáy sông. Đến nay người ta chưa biết tác dụng điệu vũ này là gì, có phải như các điệu vũ của các loại chim trước khi giao hợp không?

Con cua mình có lông - rất nhiều ở Viên đông - lại bị các nhà khoa học kết tội là truyền bá một chứng bệnh khá nguy hiểm — bệnh chai phổi nếu ăn thịt cua này nấu chưa chín.

Lại còn một loại cua chỉ riêng có ở Đảo Christmas gọi là cua ăn dứa, Loại này đào hang đã hay mà leo trèo cũng rất giỏi; to lớn, nặng đến 3 ký, đôi càng mạnh có thể cắn đứt tiện ngón tay. Chúng trèo lên cây dứa, cắn cho dứa rớt xuống rồi dùng càng lột vỏ dứa đoạn đứt mũi nhọn của các ngoe vào lỗ nứt miệng phá vỡ gáo dứa và ăn.

Từ con cua li ti đến cua khổng lồ.—

Nhỏ nhất trong họ nhà cua có con *Pinnothera*, chỉ riêng

ở Âu châu mới có. Minh nó cũng đủ bộ phận như một con cua nhưng lại ở trong vỏ một loại sò, nó sống nhờ trong mình con sò và ngược lại « trả nghĩa áo cơm », cho sò bằng cách tiêu diệt những chất độc trong mình sò. Trong các cuộc thí nghiệm, người ta đã nhận ra con sò nào có cua Pinnothere trong vỏ thì sống lâu hơn các con không có nó, vì trong mình sò có nhiều vi khuẩn tiết nhiều chất độc làm cho sò chết hàng loạt. Có khi đầy cả bãi biển.

Lớn nhất, có loại cua không lồ ở Nhật. Minh nó to lớn, đôi càng mở ra, rộng đến 2 thước rưỡi, màu đỏ tươi, nhưng lại không làm hại đến ai. Chân càng nó thanh và dài lúc đi, chống đứng lên tương tự như một cái nhà không vách có cột chống và sống một mình một cối ở tận ba trăm thước dưới đáy bể.

Một con vật có ích đủ mặt —

Đời sống dưới lòng Đại dương

vẫn còn bao phủ trong màn bí mật. óc tưởng tượng của loài người đã đi quá xa: nà o con rắn biển, con bạch tuột khổng lồ, con cua to bằng xe thiết giáp, con cá đao đâm thủng cả một chiếc tàu thủy v.v... nhưng dù giàu tưởng tượng cho mấy và khoa học có tiến bộ đến đâu, vẫn chưa thâm nhập nổi thế giới kỳ lạ kia để đánh giá cho đúng mức, đúng ehề,

Như con cua chẳng hạn, bị thiên hạ kết cho đủ thứ tội nhưng thật ra đều sai cả vì chưa hiểu sâu xa về nó, và nếu có chẳng, thì cũng chưa bằng một số thú vật khác.

Người nó xem không mỹ quan ít có cảm tình, nhưng lại là con vật rất có ích. Ở ven biển, ven sông, chỉ mình nó thanh toán hết các đồ vật nhơ bẩn, xác chết các loại thú vật. Nó đảm nhận công tác vệ sinh chung và đồng thời cũng là một món ăn ngon và bổ cho con người.



Tiếng nói của thế hệ

I

Thương người bạn gái

• MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

Vào khoảng ba giờ sáng rạng ngày 23 - 2 - 1969, tôi còn đang say ngủ bỗng nghe nhiều loạt súng nổ chát chúa bên tai, cách chúng tôi không đầy ba trăm thước. Tôi biết có biến vội ngồi nhồm dậy bỗng một tiếng nổ long trời phát ra, làm chao động cả một vùng. Đó là tiếng nổ của một quả mìn to. Tôi nhủ thầm: « Không rõ có ai bị nạn chẳng? » Lúc đó còn trong giờ giờ nghỉ ngơi, không một bóng người

ngoài đường phố, chỉ nghe tiếng động cơ xe quân cảnh chạy về phía xảy ra tiếng nổ.

Tôi thao thức không tài nào ngủ được, trông mau đến sáng đề hỏi thăm tin tức.

Tôi vô cùng kinh ngạc khi được biết tin ngôi nhà xinh đẹp của cô bạn đồng nghiệp tôi: 53, đường Trần - quốc - Tuấn vừa bị VC đột nhập thị xã đặt mìn phá hủy, sụp đổ tan tành, có

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

bạn và bà mẹ đã được đưa vào bệnh viện cứu cấp.

Tôi vội gọi xe vào bệnh viện Nguyễn-Đình-Chiều thăm bạn. Cô nurse-Tá cho tôi biết vắng tất: «Cô K.L. đã bị cưa mất một chân mắt.»

Tôi hồi-hộp đầy cửa kính bước vào phòng mổ Người bạn gái đáng thương đang nằm mê



man, chân mặt cụt tới đầu gối. Nước mắt chúng tôi trào ra. Thầy Y-tá săn sóc cho cô khẽ bảo: «Tôi tưởng cô K.L. đã tắt thở rồi chứ! Tension chỉ còn có ba, chân mặt gãy nát bấy, chỉ cắt lớp da bầy nhầy, và đợi cho

cô khỏe trở lại mới cưa ống xương. Cô K.L. còn yếu quá, cưa chưa được. Ở đây chỉ còn một bình máu nên vừa tiếp máu cho cô rồi, nếu không có máu đó thì nguy.»

— Bạn tôi vẫn nằm mê, đôi mắt đại đi, mờ mịt, hơi thở chưa điều hòa. Vì bị gạch vôi đè nặng lên người nên khắp cả mình mẩy đều sưng và bầm tím. Máu dính bết trên quần áo, tóc mai rủ xuống hai bên gò má xanh xao và rỉ máu bầm. Thấy bạn chưa tỉnh, chúng tôi quay sang giường bên cạnh vẫn an thân mẫu. Bà bị hơi mìn nên đau ở ngực và nhờ bà chui kịp xuống gầm giường nên không bị thương tích nhiều.

Cầm tay tôi, bà cảm động nói: «Sau tiếng nổ, tôi và K.L. bị chôn vùi trong đồng vôi gạch, lúc đó nhờ cháu trai ở phía nhà sau chạy lên bới xóc gạch, cây, ngói, mang tôi ra liền, nếu đề trẻ có lẽ đã chết ngạt. Nếu bà quã mìn, đặt phía sau nhà bếp tôi mà nó luôn một lượt với trái mìn ở nhà trên

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

thì cả gia đình tôi không một ai sống sót. Thật là may nhờ phác giác kịp thời đó cháu à!»

Chúng, tôi an ủi bà, «giờ đây tai nạn đã qua xin Bác bớt ưu sầu, chú thím cháu và các chị em đồng nghiệp sẽ góp sức nhau để lo cho bác và K.L. chúng cháu như chim một đàn rũi có một con bị nạn thì cả đàn đều ủ rũ.»

Chờ gần một giờ đồng hồ chưa thấy bạn tôi tỉnh lại, tôi xin phép thân mẫu bạn trở về viếng người mà sụp đổ

Từ cổng rào vào đến nhà sau của bạn, lối đi đã bị nghẽn vì vôi gạch chất chồng. Căn nhà xinh đẹp mà mới đây, hôm chiều mồng ba Tết tôi vừa đến thăm và chúc Tết bạn nay chỉ còn trở lại một cảnh tượng hải hùng

Chúng tôi phải bỏ dép trèo lên gạch, phải kho khăn lấm mới vào được nhà sau.

Một thân nhân của K.L. ông lão lối năm mươi tuổi, đã tắt thở, được đặt nằm tại nhà bếp.

Cạnh đó, trên bộ ván, đứa con gái duy nhất của K.L. đã bị tử thương, được đặt nằm ngay ngắn dưới lớp mền. Cháu bé vừa được mười hai tháng, vừa ăn thỏ



nôi xong, biết nói bộp bộp, hôm chiều mồng ba Tết, chúng tôi đến núng nịu, cháu bé tươi cười vui đùa với chúng tôi. Thế mà cách ba hôm sau, cháu đã vĩnh viễn rời xa lòng mẹ, tuổi thơ nào có tội tình gì mà đã thác oan!

Thấy cảnh tang tóc đau lòng chúng tôi buồn rú rượi, và quay trở lại bệnh viện.

TIẾNG NÓI CỦA THỂ HỀ

Bạn tôi vừa hồi tỉnh, nhưng còn mệt nhiều. Tôi cầm tay bạn, nước mắt tuôn trào, không thốt được nên lời. Bạn tôi thều thào: «Cháu bé Ba, con gái em đã chết trên tay em. Khi em ngã quy ngay cửa phòng ngủ của em, cháu khóc thét lên rồi sau đó im bặt. Nó đã chết rồi!»

Bạn tôi nói bấy nhiêu rồi mê mệt không nói gì thêm được nữa. Có Bác sĩ đến thăm, tiêm thêm thuốc và thầy y tá đo tension thấy đã khá, lên được 8,5.

Hôm sau, bạn được rời khỏi phòng mổ. Biết mình đã trở thành phế nhân, bạn tôi vẫn can đảm nhận chịu số phận, không than thở một lời nào.

Bà con con thuộc vào thăm không ngọt.

Ai cũng xót xa cho hoàn cảnh bi đát của một thiếu phụ trẻ, hiền hậu, dễ mến, có tâm lòng tốt, thường hay giúp đỡ mọi người kl. hữu sự, không ngại mệt nhọc, tốn kém, và không làm mich lòng bạn bè bao giờ.

Đúng một tuần lễ sau, vào lúc 9 giờ sáng ngày 1-3-1969 bạn đã được đưa ra ống chôn. Đến chiều chúng tôi vào thăm, bạn vẫn còn yếu lắm.



Trong khi tôi viết những dòng chữ này, có lẽ bên trời Âu tại Ba-Lê, cậu ruột của bạn tôi, nhà Bác Học nổi tiếng thế giới: ông Nguyễn Đạt Xương, đang ngậm ngùi khi biết được cô cháu gái của ông đang quần quật trên giường bệnh và đã trở thành một phế nhân giữa tuổi đời xuân trẻ.

*Hôm qua còn xuân sắc,
Nay trở thành phế nhân.
Tâm từ rồi sẽ héo dần,
Trong cơn binh lửa muôn
phần xót xa!*

Một chữ buồn
MẠCH-QUÊ-HƯƠNG



II

Nhật ký chiến-sĩ

● NGỌC - TUYÊN ●

Cái ngày tôi bước chân lên chiếc xe màu áo lính ở Quang Trung mới buồn làm sao ấy!

Đoàn xe dài lê thê, ngoằn ngoèo theo các lối đi quân trường như một chuỗi hạt màu xám.

Đấy đó những cậu lính mới nhập khóa trông vụng về, lúng túng như những búp bê nhựa có gắn pin. Họ nhìn chúng tôi vừa thông cảm vừa lo ngại. Vài chàng xứng xính trong những

bộ treillis cônggoại kiêu trông thật buồn cười. Tôi chợt so sánh với những chú lém mang trộm đôi hia của những người không lờ trong trang truyện cổ.

Tiếng động cơ xinh xịch. Những vẫy tay chào rồi rít, vội vàng, những lời nhắn nhủ hoặc man mác buồn hoặc khôi hài, lộ bịch qua hết khu nội ô quân trường và có lẽ còn nườm nượp đến cổng phi cảng Tân sơn nhất.

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

Cùng một chuyến xe với tôi có 24 người bạn, Bọn hẳn là một đoàn hề sân khấu. Bọn hẳn mùa may, huyết sáo mồm, la hét vang vang. Những điệp khúc chát chúa. Xe cứ lăn bánh, chồm tới, lắc lư như những chiếc ngựa bưng hăng bất trị.

Tôi có ngờ đâu rằng mình phải qua giai-đoạn quân-sự thứ hai này. Tôi không đốt giai-đoạn được. Mấy khóa trước, những thằng bạn của tôi được gởi đi

Vũng Tàu hoặc ở lại Saigon học ngành một cách phê-phỡn, đế-vương, sau khi qua giai-đoạn I. Tôi buồn buồn tự nhủ: «Ờ, Phải rồi, mình đã bị ngôi sao bộ-binh chiếu mạng ngay từ lúc có sự hiện-hữu của mình trên cái thế-giang chín mọng chiến-tranh này. Bây giờ phải đi thu-huấn Nha-trang là vừa».

Thế là, dù muốn dù không tôi phải đi làm đầu một lần nữa



TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

ở một gia-đình nổi tiếng là nghiêm-khắc. Hai tiếng Đồng Đế đã áp-đào tinh-thần tôi ngay từ phút đầu. Những cái gì khủng khiếp, ớn lạnh sẽ đến với tôi đây.

Phố đỏ lộng-lẫy, xa hoa, lừ lừ dẫn và vượt khỏi tầm tay tôi. Không biết tôi đã kết-ước và yêu những con đường chạy dài hun hút rợp ánh hoa đèn của Sai gon và những công-viên thành-phố đã thờ vào tôi những chùm ký-ức hiền-hòa hay nham nhữ nào chưa mà mỗi xê-rích không-gian lúc này tôi nghe nhiều hân-khuàng, nhưc bước.

Chiếc xe găm-gữ, rời xích dề. Cánh cửa sau mở toang hoát nhả lũ chúng tôi xuống từng người một. Khu Tân-sơn nhất lờn-ngồn những thùng, xe, máy bay và người. Mặt trời đỏ xuống từng đám nắng cao-thế. Mặt nhựa bốc hơi nồng. 11 giờ 30. Những chiếc bụng bắt đầu kèn cừu. Tôi lục bao quân-trang tìm nửa ổ mì uguội độn thịt mỡ mua lúc sáng rồi chậm-rãi nhai từng miếng nhỏ để ru ngủ

chiếc bao tử đang há-hốc chờ đợi.

Trước mặt tôi mấy chàng Gi cao ngót tầm tay với, trương chiếc bụng có «vòng cao độ» hần-hoi qua lại không ngớt. Họ nhìn chúng tôi, mỉm cười hip mắt như những du-khách xem một tượng đá cổ kỳ-lạ. Vài thằng bạn đã ngủ vất vẹo trên bao quân trang từ lâu.

Chiếc C 119 trông kỳ-cục nhưng cái bụng nóng-nọc không lỗ đử sức nuốt chửng cả 63 người chúng tôi. Đồi chong-chông ướm, thử vài vòng la-lướt rồi vù-vù quay tít, reo vui lới lủ chúng tôi rời cái miền chỉ hai mùa mưa nắng độc-đảo nhưng tròn năm âm-vang nhạc twist để về một nơi có đủ sắc-thải quê-hương, có đủ bốn mùa yêu - dấu của một tỉnh miền Trung Nha-trang.

Con chim sắt mỗi cánh đập xuống phi-trường. Bàng phi-đạo nghiêng-ngang lao vút về phía xa ra về thách-thức niềm âu lo còn lảng vảng trong tôi.

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ

Núi vây bốn bề. Những tháp núi vôi vôi, vùng lên nhen nhúm vào lòng tôi cái dưng măng vô biên. Biển và trời Nha trang xanh ngát, bao la: niềm tự tin dần dần đến với tôi.

Chiếc xe kẽ hàng chữ THSQ phía sau lượn vòng riêu qua từng con đường phố, Nha-Trang cũng như những thành phố khác của quê hương đã mấy tuổi đời chiến tranh nhưng vẫn còn vương vất ít nhiều thơ mộng. Nghĩa là chưa sôi bỏng của men rượu và men tình. Chiến tranh chưa gởi những bản thông điệp máu lửa vào lòng phố nhưng Nha thành đã diễm xuyết quá nhiều màu da và màu áo lạ. Dấu chân kỷ niệm ngoại kiều đã để lại hằng ngày đến mức tối đa trên các bãi bê này.

Với tôi, phố Nha trang còn là hình ảnh của một thiếu phụ tím tím hiền đang trở mình và chuyển dịch êm ái xóa dịu tâm hồn trót tru phiến của tôi. Gió lật phát mơn trớn mái tóc cụt ngắn vừa mới thiệt hiện ở trại

tiếp liền 30 hôm qua, tôi miên man nghĩ đến hơi thở nhẹ nhàng của người chị cúi xuống dặn bảo đưa em trong những ngày thơ dại. Cầu Hà ra rồi cầu xóm Bồng lùi dần sau xe đưa tôi vào những khám phá khả hi hữu. Từng thân cầu gãy vát vèo qua sông là biểu hiệu những gì của một quê hương bị gậm mòn bởi chiến chinh: một mảnh đất ê o ọp, ồm o mà còn bị cắt xén, một trang sử thoi thóp từ ngàn xưa mà vẫn còn bị mưu toan bóp nghẹt, một con người Việt Nam nhỏ bé nhẵn nhụi mà còn hứng chịu nhiều lăm le nhuộm đỏ bôi đen.

Dưới sông, từng đàn cá chum đầu vào nhau bèn chân cầu làm vũng nước sẫm màu. Chiếc ghe chài chui tọt qua bên kia cầu và ngoài mình tôi như phút đầu khởi-hành của một chiếc hỏa tiễn có gắn phi-thuyền không gian.

Công trường Hạ sĩ quan hiện ra với nét duyên-dáng mỹ thuật của nó. Xe dừng lại. Chúng tôi

TIẾNG NÓI CỦA THẾ HỆ



nhảy xuống, vác bao quân-trang xếp hàng đôi tiến vào. Tôi đảo mắt nhìn bao-quát. Doanh trại hàng ngang dãy dọc với những ô cửa chớp sơn xanh những lối đi phẳng phiu sạch sẽ những mô hình diêm san hồ trắng trắng tất cả nói lên cái tài sáng tạo chí kiên nhẫn và nếp sống cộng đồng tập thể vững cường của thế hệ trẻ.

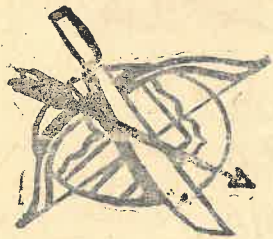
Như một bầy chim lạ ngo

ngác, chúng tôi được đàn anh bày vẽ cách tập hợp, xưng hô chào hỏi, trình diện, nói tóm lại tất cả những lễ nghi mà mỗi một năng đầu quân trưởng phải thuộc nằm lòng.

Khẩu hiệu trình diện đầu tiên với tôi là: «Trưởng Hạ sĩ quan lò luyện thép tân tiến nhất Việt nam». Tôi tự hỏi mình sẽ là thép để được uốn nắn hay là một khóa sinh để được tập rèn

TIẾNG NÓI CỦA THỂ HỆ

đây : Những bàn tay họ pháp trong này đã vo tròn bóp méo như thế nào với những anh linh trong ngành, và bao nhiêu lần mỗi tên linh nhập lò để thành một quân nhân thành thạo. Điều mà tôi chắc là kỹ luật ở đây nghiêm chỉnh gấp bội Quang Trung. Cái ý kiến thứ hai có lẽ đúng hơn : Tôi sẽ là một khóa



sinh được tập luyện đủ căn bản quân sự và những kiến thức chiến thuật khả dĩ áp dụng được trong mai hậu. Nghe bảo ở đây : cây Dã chiến đã đem

hoa kết trái từ ngày xưa ngày xưa và càng ngày càng được bổ túc tinh vi.

Tôi ớn lạnh cái lối phạt áy của các ông Kẹ trung tâm Đông Đố lăm. Ất là sẽ có những món rô-ti bỏ tái lệ miệng, lợm giọng :

Nhưng là gì mặc kệ, tôi chẳng có lo :

Biết khép mình vào kỹ luật, tộn trọng nề nếp sinh hoạt quân trường và cố gắng chu toàn mọi công việc của một khóa sinh là chẳng sợ bị phạt. Và lại mình đâu phải là vua lê phê : Ngoài cuộc sống dặc sự, mình đã biết chỉ huy thì bây giờ vào quân ngũ mình sẽ chịu được chỉ huy. Đó là lẽ thường.



LỚP NHẠC FLAMENCO

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật

— Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghi tên : 2051 Cơ Giang -- Phú Nhuận

ngõ tối



Ngõ tối sâu có quanh
Đôi chim lạc giữa trời
Phổ buồn hoang giá lạnh
Bơ vơ một bóng người

Ngõ tối ngày Xuân cũ
Người đi chỉ một mình
Một tàn thân có lẽ
Mộng tàn lên tóc xanh

Ngõ tối còn đâu nữa
Còn ai đã lạc loài
Còn ai về đôi lứa
Mà nghe kể chuyện người

Ngõ tối hoang vu quá
Còn đâu bụi phố phường
Đáy trời Xuân hoang giá
Chiều... một nắng hai sương

Thiếu-Ưu NGÂN-LINH
(Kien-Tam)

Một mùa XUÂN

ĐOÀN - VĂN

□□□□□□ ○ LAN

Thuở nhỏ mỗi lần Tết đến, tôi thường mặc áo mới theo mẹ về quê. Khi đi ngang qua một trại lính tôi thấy một người lính vừa đàn vừa hát giữa những người lòng đờm thắm buồn, mắt hướng nhìn về tận nơi đâu.

Tôi hỏi mẹ :

— Mẹ nói Tết không nên buồn sao mấy người kia lại buồn ?

— Vì ... tại họ buồn.

— Sao họ buồn vậy mẹ ?

— Có lẽ vì họ không được về quê ăn Tết như mẹ, con mình.

— Sao lại không được ?

— Vì hoàn cảnh của họ ;



MỘT MÙA XUÂN

Hơn 10 năm qua, không một lần tôi nhớ đến hình ảnh đó. Mùa xuân năm nay, nằm trên giường bệnh, tôi nghe đâu đây tiếng hát của người lính xa nhà.

Tôi nghe cả tiếng nước nở của người khách bay của tôi ?

Những người khách chúc Tết đã về. Mẹ tôi bước vào nhìn thấy cuốn Vật Lý đang mở, người có vẻ không bằng lòng.



— Con không để trí óc nghĩ ngợi sao ?

Tôi không trả lời. Tôi nhìn thẳng vào mắt mẹ :

— Nếu con chết mẹ chôn con ở quê mình nha.

— Con đừng nói đại. Mẹ tin là không bao giờ con chết cả.

Con nghe lời mẹ đi ! đừng lo nghĩ nhiều, con đi ra ngoài để thấy rằng đời sống đẹp lắm.

Nghe lời mẹ tôi đi ra ngoài vòng vây tư tôi tạo ra. Cây mai vàng trước nhà nở hoa. Những cành hoa lão đảo khi lia cành làm tôi buồn vu vơ. Đường này vắng người quá, tôi đứng tựa cửa ngõ. Người chị họ cùng tuổi vừa đi biển Tân Thành về. Áo quần đất tiền trang sức lộng lẫy làm tôi không nhìn ra chị Oanh. Tôi mỉm cười khi Oanh nhìn thẳng vào người tôi. Chị tôi bỏ đi. Tôi muốn cười thật to như lúc vừa bớt bệnh, vào lớp học thấy mình được lãnh 1 « cặp mắt kiếng » ở cột Ash-cân. Tôi ngỡ ngàng tìm vị trưởng lớp hỏi. Thì ra vị biết tôi đau nặng nên ông thầy «biếu-quà». Tôi cười kể lại cho các bạn nghe. Chính tôi không ngờ tôi lại như thế Diệu bảo rằng tôi bị ngã một cái khá đau trong khi từ trên đỉnh núi tuột xuống. Có đúng vậy không? Bây giờ tôi không cười để ngăn đau buồn

MỘT MÙA XUÂN

được nữa. Tôi cúi mặt đi vào nhà và tôi tìm thấy trên áo quần tôi cặp mắt của người chị họ.

Ngọc đến với tôi trong ánh sáng hấp hối. Nhìn thấy những cuốn sách nằm cạnh tôi Ngọc đùa:

— Siêng học quá ta.

— Siêng gì, năm không buồn quá, mấy ngày chơi, kỳ này mấy khối làm công việc nhà phụ tao. Ai cho mấy hay tao bịch?

— Điều cho tao hay, tao thích giết đồ, nấu cơm phụ mấy.

— Điều nói gì về tao?

— Nó nói mấy bịch mà không chịu tịnh dượng, làm việc tối ngày, zong thì mấy học.

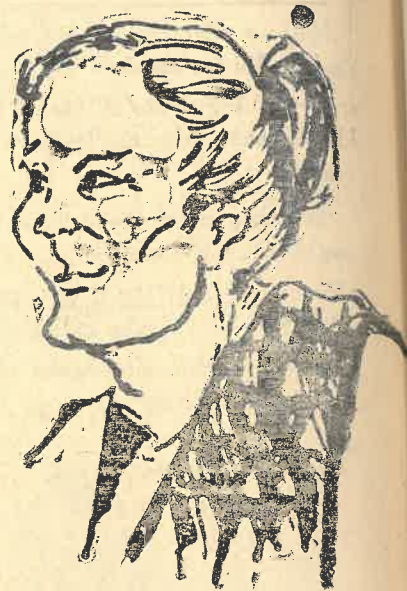
— Vậy thôi à, để con quý, nói đóc.

— Tao thương mấy ghê..

— Thôi cho con xin hai chữ bình yên.

Ngọc đưa cho tôi cuốn Phổ Thông xuân Kỷ Dậu.

— Tao biết mấy bịch buồn lắm mà thích đọc sách nên mua cho mấy.



— Mấy cắt đi tao mua rồi đọc rồi.

Đột nhiên Ngọc hỏi tôi:

Mấy còn viết thư?

— Còn, mặc dầu ít được thư trả lời. Mấy biết mà, tao buồn lắm chỉ còn có viết thư thôi.

— Câu chuyện đũa đũa rồi?

— Nói khê một chút, người ấy nói yêu tao.

MỘT MÙA XUÂN

— Rồi sao nữa?

— Chẳng ra sao cả, lâu rồi tao không nhận được thư mà tao vẫn mong.

— Đừng mong, mấy nhớ đến cái ngày mấy đọc những tờ tuần báo tao đưa, mấy thì luôn luôn ghét tuần báo.

— Tao nhớ rồi, tình cảm con người như thế đó. Mấy đừng lo, bao giờ tao cũng bị sự ràng buộc của gia đình. Người ấy và tao luôn luôn có sự ngăn cách, không ai vượt qua nổi.

Rồi tôi và Ngọc nói lạc qua chuyện ở gia đình tôi, ở học đường. Thấy tôi buồn Ngọc bảo:

— Tao không nói với mấy gì hơn là lập lại một câu nói của chị Sương đã viết cho mấy. Dù hoàn cảnh có cay đắng đến đâu vẫn phải sống và phải vui để sống với hoàn cảnh đó.

Ngày trước tôi hay cho Ngọc xem thư nên bây giờ Ngọc đem những lời lẽ đó khuyên lại tôi. Tôi mỉm cười băng qua. Sống làm gì, những người bạn cùng tuổi với tôi đang



tận hưởng một mùa xuân, sống với tất cả nhựa sống. Họ đang mơ ước một tương lai rực rỡ. Còn tôi, tôi giam tôi vào khắc khổ, tôi sống giữa 4 bức tường vô hình cách biệt với tất cả. Mặc cảm cô đơn vây lấy tôi cho đến một ngày Tuyền bảo tôi :

—Chị phải bỏ mặc cảm, chị nên nhìn thẳng vào cuộc sống.

Tôi nói với Tuyền rất nhiều. Tuyền tỏ vẻ thông cảm cho tôi. Khi tôi sắp ra về, Tuyền nói :

—Sao chị nhìn đời dưới cặp mắt bi quan như vậy? Chị còn trẻ, chị nên yêu đời một chút. Tuyền mong sẽ còn gặp chị.

—Tôi cũng mong vậy, nhưng có lẽ mình ít gặp nhau.

—Chị làm như chị sắp lấy chồng rồi theo chồng đi xa.

—Không bao giờ có chuyện đó đâu, Tuyền đừng lo.

—Sao vậy chị?

—Biết đâu tôi sẽ chết khi chưa tròn mộng ước.

Rồi tôi bỏ đi. Câu nói của Tuyền

làm tôi nhớ đến bức thư của người : «Tôi biết một ngày nào đó em sẽ có chồng, nhưng hình diễm lệ của em vẫn còn sống mãi trong lòng tôi ». Những giòng chữ ấy đến với tôi vì tôi hay viết thư cho người, nhưng tôi không nghĩ đến tình yêu. Tôi viết thư chỉ để với bớt nỗi buồn. Người ta nói yêu



tôi vì thương hại và khi gặp mặt tôi rồi tình yêu đó sẽ không còn nữa. Dầu chỉ là một thứ tình phát nguồn từ sự thương hại đến trong giây phút ngắn ngủi.

Bệnh mắt ngủ vẫn không tha cho tôi. Tôi nghe tiếng chác lưỡi của những con thằn lằn, tiếng tích

tắc của đồng hồ. Có cả tiếng nói của tâm tư báo cho tôi biết cơ thể này đây đang chết dần. Cho đến một ngày tôi sẽ không nghe, không biết và không suy nghĩ, tôi đang chờ đợi, chờ đợi một cách bình thản. Mẹ tôi thường sợ tôi tự tử nên không cho em tôi mua thuốc an thần nữa. Có bao giờ tôi nghĩ đến việc chấm dứt cuộc sống đâu? Dù tôi sống không định hướng, không hy vọng, không tuyệt vọng, còn sống còn đi học và tự hỏi tương ai sẽ về đâu? Những công việc nhà làm tôi chưa xét thương cho những đứa em tôi khi tôi chết đi.

Từ hôm học triết về đạo đức học, tôi thấy dễ ngủ quên có lẽ vì tôi không thích học triết, nhất là khi nghe ông thầy dạy triết tuyên bố rằng «Tôi là người Công Giáo đừng hỏi tôi những vấn đề Phật Giáo». Tại sao dạy triết mà thầy không trả lời những câu hỏi về triết.

Cũng như ông thầy dạy toán thì rồi giải không ra. Tôi tự hỏi lòng tin tưởng của tôi đối với những ông thầy có còn không?

Suốt mấy ngày tết tôi mong gặp cha tôi để cho người hay rằng bệnh tôi đã tái phát và bước vào thời kỳ trầm trọng. Mỗi lần cha tôi về nhà với một số khách, em tôi trốn mắt. Tôi phải đem đồ ăn, rượu và nước, thay cho những đứa em tôi. Không bao giờ cha tôi để ý xem tôi bất bệnh không. Rồi cha tôi lại đi với những người khách ấy, đến khuya người mới về và say như.

Tôi ngồi yên nghe tiếng chân cha tôi trên những bậc thang. Bóng tối bao trùm lấy tôi. Tôi nhớ đến những cành mai vàng đang rơi ngoài sân. Tiếng hát của người lính xa nhà vang lên. Rồi đây quê tôi sẽ có một năm mồ của một người con gái trẻ tuổi bạc mệnh. Mùi hương nhè nhẹ của cây mai trắng bay vào báo cho tôi biết rằng tôi đang sống giữa mùa xuân. Một mùa xuân đen tối của cuộc đời.

★



TRUNG - NỮ - VƯƠNG

● DIỆU-HUYỀN

Giòng máu Long nữ

Ngày 1 tháng 8. năm Việt lịch 2893, kỷ nguyên Lạc Long (tức là năm 14 sau J.C., thế kỷ 1 Tây lịch), tại đất Mê Linh, tỉnh Sơn Tây, có hai chị em sinh đôi.

Người ra chào đời trước được đặt tên là Trưng Trắc; người kế tiếp ra sau, nhỏ hơn, tên là Trưng Nhị.

Thân phụ là cự Lạc tướng họ Trưng, có làm quan dưới thời Triệu Đà. Thân mẫu là bà Man Thiện, nữ danh Trần thị Doan, là một cháu ngoại của dòng dõi Hùng Vương XVIII.

Bà góa chồng sớm, nhưng ở vậy nuôi hai con gái, giáo dục hai con trong tinh thần yêu nước, yêu nhà.

Năm Việt lịch 2913, kỷ nguyên Lạc long, Trưng Trắc 20 tuổi được mẹ gả cho Đặng thi Sách một thanh niên thế phiệt, cũng là dòng dõi Lạc tướng, và đang làm Lệnh doãn huyện Chu Diên. Chức Lệnh doãn lúc bấy giờ tức là Tri huyện.

Chu Diên là một trong 16 huyện rộng lớn của xứ Giao Chỉ, mà người Tàu đô hộ đặt tên là Giao Chỉ quận. Đầu thế kỷ thứ 1, Tây lịch, từ năm 111 trước

TRUNG NỮ VƯƠNG

J.C., đến năm 39. sau J.C., tức là suốt thời kỳ 150 năm, từ năm Việt lịch 2768 đến 2918 kỷ nguyên Lạc Long, lãnh thổ Việt Nam mới gồm có hai xứ: Giao Chỉ Quận và Cửu Chân quận (hiện nay là Bắc Việt và Bắc Trung Việt đến tỉnh Nghệ An) đã bị lệ thuộc nhà Hán. Đó là lần thứ nhất trong Lịch sử Dân tộc Việt Nam, dòng dõi Long Nữ, Lạc Long, Hùng Vương, bị người Tàu đô hộ.

Cùng năm hôn nhân của Trưng Trắc và Đặng thi Sách (2913 Việt lịch, 34 Tây lịch), vua Hán Quang Vũ cử viên tân Thái thú qua cai trị Giao Chỉ, tên là Tô Định.

Tô Định là một tham quan ô lại, bất cố liêm sỉ, lại chính sách vô cùng tàn ác, gây oán hận trong khắp nhân dân Giao Chỉ. Bấy giờ lại có nạn lụt lớn khiến dân chúng đã thốt ra câu ca dao than thở:

Trời mưa nước ngập sông
Đoài.

Cổ lên đê lùa, cá trôi lênh bênh.

Nhân dân đã bị đói rét vì nạn lụt lại còn bị Tô Định chuyên chế, bóc lột gắt gao áp bức vô nhân đạo. Mùa màng mất hết, dân không đủ lúa ăn, mà thuế địa tô thì nặng, dân phải đi xâu lục dịch đêm ngày, bị đánh đập tàn nhẫn. Tiếng kêu rêu oán than nổi dậy khắp nơi. Trước cảnh đau khổ quá bi đát của đồng bào, viên Lệnh Doãn Đặng thi Sách làm tờ khuyến cáo tâm huyết bằng chữ Hán, gửi lên Thái thú Tô Định, như sau:

«.. Loát nhĩ Nam phương, ưc vạn sinh linh giai Triều đình xích tử. Thừa lư, tuyên hóa, tất dĩ ái dân vi tiên. Tử kim vi chánh, trung ngôn gia mưu giả kiến tội, bôn tâu thừa thuận giả kiến thưởng. Cơ thiếp đắc dĩ thiện quyền,

«Tuy ái dân chi thuyết vô thời vô chi, nhi tồn hạ chi tâm dữ nhậ dĩ liệt! Tuấn dân cao dĩ phong kỳ tài, kiệt dân lực dĩ cung kỳ dục! Tự thị phú cường lãm hữu thái a chi thế, bất tri khuynh bại, thí như triều lộ chi nguy.

«Nhu. bất. tế. chi. dĩ. khoan,
tắc. nguy. vong. lập. chí. hĩ!»
dịch nghĩa :

(Phương Nam đánh là nhỏ,
nhưng ức vạn sinh linh đều là
con đỏ của triều đình. Kẻ được
thừa mệnh Vua đi tuyên dương
đức hóa, tất nhiên phải lấy việc
yêu dân là trước cả,

Ngày nay Ngài làm hành chánh
lại bắt tội người nói thẳng, kẻ
muru hay, cho bọn tỳ thiếp
được lộng xen vào chính sự,
bọn nịnh thần được giữ quyền
hành.

Tuy ngoài miệng luôn hô hô
thương dân, trong bụng thì chăm
chăm bóc lột. Rán mỡ dân để
thêm giàu có, rúc sức dân để
thỏa thích lòng tham. Cậy rằng
giàu mạnh, tưởng như gươm
Thái A sắc bén, sao chẳng biết
rằng nguy biến có thể đến, như
sương sớm rã tan.

Nếu không gấp sửa đổi khoan
hồng thì sẽ gặp ngay bại diệt...)

Tô Định xem xong thư, nổi
giận đùng đùng, không những
không biết binh lửa, sang suổ

nghe lời trung chánh, thay đổi
sách lược, lại còn quyết sát hại
người chỉ khi can cường. Hấn
kéo quân vào huyện Chu Diên,
bắt Đặng thi sách đem ra pháp
trường Xứ tử.

Bà Man Thiện, mẹ hai bà
Trung, cũng chết trong khi
chống cự lại quân Tô Định.

Diệt địch

Trưng Trắc và Trưng Nhị
cùng gia tướng Đô Dương chạy
về Mê Linh, quyết trả nợ Nước,
báo thù chồng, đền ơn Mẹ.

Năm sau Việt lịch 2919, kỷ
nguyên Lạc Long, (Tây lịch 40)
Trưng Trắc và em triệu tập được
50.000 quân, gồm cả quân nhân
phụ nữ.

Ngày 6 tháng Giêng, bà vừa
được 21 tuổi, cùng với các tướng
sĩ Nam Nữ, làm lễ tế cờ thật là
cảm động, và truyền lệnh khởi
nghĩa, diệt địch Bắc xâm, phục
hồi xã tắc.

Ngày 7, Bà thao diễn binh sĩ
trên bãi Trường Sa, bên sông

Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên, rồi
Bà đích thân chỉ huy tiến quân
vào đánh Tô Định tại thành
Liên Châu.

Trước làn sóng công hãm ào
ạt bất ngờ của một vị Nữ tướng
lâm liệt oai phong, Tô Định tuy
quân số đông hơn, tàn bạo,
nhưng không có tinh thần,
kháng cự không nổi. Trưng Trắc
đánh đuổi Tô Định, quyết lấy
đầu kẻ thù của Dân, của Nước,
nhưng Tô Định trốn thoát về
quận Nam Hải, tỉnh Quảng Đông.
Thừa thế thắng lợi, Trưng Trắc
kéo quân đánh khắp quận Giao
Chỉ, nơi nào có tàn quân Tàu
chiếm đóng. Bà lấy được 56
thành trì, và hoàn toàn khôi phục
lại độc lập và chủ quyền của
Đất Nước, trong thời gian mấy
tháng.

Bà lên ngôi trị nước, lấy niên
hiệu TRUNG NỮ VƯƠNG
nguyên niên, đổi quốc hiệu là
Triệu Quốc, lấy Mê Linh làm
kinh đô.

Trong đám tướng sĩ của Bà,
có hai vị Nữ tướng tài ba nhất :

Đông Cung tướng quân và Thị
Nội tướng quân.

✱ Đông-Cung Tướng Quân tên
thật là Hoàng Thiệu Hoa, quê
huyện Gia Hưng, tỉnh Thanh Hóa
quận Cửu Chân. Bà đi khắp nơi
tuyên truyền những hành vi tàn
ác của quân Tàu, và chính nghĩa
của Bà Trưng. Dân chúng, cả
nam lẫn nữ, tinh nguyện theo
Bà rất đông, thành lập một đạo
quân phục quốc, theo về phục
vụ Bà Trưng, và tham được
nhiều chiến công.

Khi Bà Trưng lên ngôi, ban
thưởng cho tất cả binh sĩ, thì Bà
được phong chức Đông Cung
tướng quân. Bà còn trẻ, và chưa
có chồng.

✱ Thị Nội Tướng Quân, tên thật
là Phùng thị Chính, vợ ông Đinh
Lượng, người tỉnh Sơn Tây, làng
Trang Phú Nghĩa. Bà rất đa mưu
đa trí, được Bà Trưng rất tín
dụng. Bà có thai nhưng cũng
cương quyết xin ra chiến trận
mặc dầu Bà Trưng ngăn cản.
Trong lúc hai Bà Trưng
cưỡi voi xung phong

bà Thị Nội tướng quân cũng cỡi ngựa theo sau, đốc thúc binh sĩ. Tại vậy mà giữa lúc lâm trận, bà bị động thai, nhưng Bà còn mửa gươm chém được vài tên tỳ tướng của Tô Định rồi bị sảy thai. Bà vẫn cố phá được vòng vây của quân Tàu, và phi ngựa thoát ra được.

Sau này, được tin Trưng Nữ Vương tử trận. Bà Thị Nội tướng quân cũng cầm gươm tự sát luôn.

Triều đại Trưng Vương mở màn cho lịch sử Việt Nam độc lập.

Quyển « Hoàng Việt Giáp tí niên biểu, quyển thượng » viết bằng Hán tự của cụ Ngô Bã Trác in tại Huế, năm Khải Định thứ 10, chép về Trưng kỷ như sau :

« Canh Tý (40), Trưng Nữ Vương nguyên niên

• Tân sửu (41) Trưng nữ Vương nhị niên

« Nhâm dần (42) Trưng nữ Vương tam niên

« Quý Mão (43) Đệ tam thứ Nội thuộc.

Quyển « Synchronisme Chinois » của vị Linh mục Tàu Mathieu Tchangs.J. viết bằng Pháp văn và in tại Thượng Hải năm 1905 chép về Trưng kỷ như sau :

39 (Kỷ Hợi) Reine Trưng Vương, Trưng Trắc, I,

40 (Canh Tý) Reine Trưng Vương, Trưng Trắc, II,

41 (Tân Sửu) Reine Trưng Vương, Trưng Trắc, III

42 (Nhâm Dần) Soumission aux Hàn (Hán thuộc)

Quyển « Concordance — Calendrier » của G.Cordier và Lê đức Hoạt), in tại Hà Nội năm 1935 chép :

Phụ Canh Tý (40) Trưng Vương,

Chi Trưng Chắc cập kỷ

Quý Mão (43) muội Trưng Nhị et sa soeur Trưng Nhị.

Trưng nữ Vương đánh đuổi Tàu khôi phục giang sơn Việt-Nam, gây dựng độc lập và tự chủ

cho đất nước Lạc Long, đem thái bình an lạc cho nhân dân dòng dõi Long Nữ thần.

Trưng Nữ Vương không chịu lệ thuộc nhà Hán, nên không nghĩ đến việc sai sứ qua Tàu cầu phong nghi lễ của một nước chư hầu.

Tra cứu kỹ lại Lịch sử dân tộc Việt Nam, thì thấy rõ rằng từ khi con trai của Long Nữ Thần Mẫu là Lạc Long lên ngôi lập quốc, thành họ Hồng Bàng khai quốc từ năm 2879 trước Tây lịch, thì Kỷ nguyên Lạc Long truyền nối liên tục đến đời Vua Hùng Vương Mười Tám rồi bị họ Thục (Thục An dương Vương) đến họ Triệu (Triệu Đà) là người Tàu ở Quảng Tây, Quảng Đông, qua chiếm ngôi vua. Lần thứ nhất, dân ta đã gián tiếp làm nô lệ cho người Tàu đến 146 năm. Đến Triệu ai Vương và mẹ là Cù Thị đem nước nam Việt mà dâng hẳn cho nhà Hán.

Nhà Hán trực tiếp đô hộ nước ta trong thời kỳ thứ hai này

kéo dài từ năm 2768 đến 2018 Kỷ nguyên Lạc Long (từ lịch trước JC đến 39 sau JC). Năm 2019 Việt lịch (năm 40 Tây lịch), lần đầu tiên Trưng nữ Vương mới là người Việt Nam chính tông, dòng dõi Hùng Vương, đánh đuổi quân Tàu ra khỏi biên thùynổi lại truyền thống độc lập và tự chủ của dân tộc Việt, là nối giềng Rồng Vàng của Long Nữ Thần Mẫu, mẹ Lạc Long Quân.

Rất tiếc Trưng nữ Vương khôi phục lại giang sơn mới được 3 năm, thì nhà Hán lại xua quân qua xâm chiếm. Quân thù được chỉ huy do Mã Viện (tên thật là Mã văn Uyên), 70 tuổi, làm Phục Ba tướng quân, cùng Phục lạc hầu Lưu Long, Lưu Thuyền tướng quân, và Đoàn Chi. Đạo quân xâm lăng tràn xuống miền Trung châu theo sông Thái Bình và sông Thương kéo lên đánh kinh thành Mê Linh, năm 2920 Việt lịch (41 tây lịch).

Trưng Vương cỡi voi ra ngoài thành ứng chiến. Quân Mã Viện thua to, chạy về đóng quân

TRUNG NỮ VƯƠNG

trên bờ hồ Lãng Bạc. Hồ này, người Tàu còn đặt tên là Dâm-đâm-hồ ở phía Tây thành Đại-la cũ, đến đời nhà Lê đổi tên là Tây Hồ vì ở phía tây thành Thăng Long. Hiện nay dân chúng Hà-nội vẫn thường gọi là Hồ Tây, hoặc hồ Lãng-bạc theo tên cũ.

Năm Quý-Mão, 2922 Việt-lich, (43 Tây-tịch) vua Đông-Hán cho thêm 500.000 viện binh qua giúp, lên theo miền duyên hải vào phía Nam, kéo ra hợp với quân Mã-Viện tại hồ Lãng-bạc. Trận đánh nơi đây vô cùng ác liệt. Dưới sự chỉ huy của Trưng Nữ-vương, Nam tướng Đô Dương và Nữ tướng Đông Cung đã phá tan nhiều vòng vây của quân Mã Viện. Nhưng vì quân số của ta ít hơn quân địch, và chính sự tai hại của đoàn quân Nam Nữ

ô hợp mà quân ta bị bại trận phải rút lui về Mê-Linh.

Truyền thuyết thuật lại rằng chính trong trận này quân Tàu đã thua liêng xiềng, Mã-Viện thấy trận thế đã xoay chiều bất lợi cho y, bèn lập mưa ra lệnh quân sĩ của y cởi bỏ hết cả áo quần để nhào tới phản công đoàn quân phụ nữ. Lĩnh đàn bà con gái của Nữ Tướng Đông Cung mắc cỡ bỏ chạy tán loạn, Đông Cung Tướng quân không ngăn cản nổi làn sóng triệt thoái hỗn loạn của nữ binh, đành phải tâu với Trưng-Vương lui về Mê-Linh giữ thành.

Mã-Viện sai Lưu-Long đuổi theo, nhưng giữa đường bị quân Trưng Vương phục kích, quân Tàu chết hại rất nhiều đành phải rút lui đến

TRUNG NỮ VƯƠNG

Khê (Vĩnh Yên). Trưng Vương đem quân đến công hãm thành này, nhưng bị quân Tàu đông hơn quân ta gấp bội, tràn ra đánh dữ, Trận đánh cực kỳ ác liệt. Quân ta phải thua, bị địch đuổi theo ráo riết và bị tan vỡ gần hết.

Trưng Vương và Trưng Nhị đem số tàn quân thừa thớt chạy đến Hát Giang, thuộc làng Hát Môn, chỗ sông Đáy nhập vào Hồng Hà. Đề-khởi bị Mã Viện bắt sống, hai chị em Trưng Vương cùng nhảy xuống sông trầm mình, ngày 6 tháng 2 năm 2922 kỷ nguyên Lạc Long (Quý Mão), năm 43 tây lịch.

Tướng Đô Dương còn kháng chiến chạy vào huyện Cư phong quận Cửu Chân (Thanh Hoá), nhưng sau bị quân Tàu đến đánh xin ra đầu hàng.

Đồng trụ chiết

Mã Viện thắng trận xong rồi, theo lệnh Hán Quang Vũ, sát nhập đất Giao Chỉ vào lĩnh thổ nhà Hán. Dân tộc Việt Nam lại bị người Tàu đô hộ lần thứ ba.

Theo chính sử của Tàu thì Mã Viện rút quân về theo đường Mông Cáy, qua sông Na Lương, và đóng binh ở Đông Hưng, thuộc tỉnh Quảng Đông.

Trước khi qua sông, y truyền lệnh lấy một cây sủng đồng, dài độ một thước rưỡi, và chạm vào đầu sủng 6 chữ :

Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt.

Y sai đào lỗ chôn cây sủng đồng đó trên đỉnh núi. Nhưng vài tháng sau, viên Thái thú đi quan sát thì không thấy cây sủng đồng đâu nữa. Sau khi hỏi vài người Tàu ở gần đấy, Viên Thái thú làm tờ phúc trình gửi về Đông Hưng cho Mã Viện, nói rằng : «Người Giao Chỉ đã lên nhổ trụ đồng bán cho thợ đúc chuông. Thủ phạm chắc là bọn lính dư đảng của Trưng Nữ.»

Trái lại, sử Việt đề tránh tiếng nhổ lên, chép rằng người Giao Chỉ qua lại nơi đó, ai cũng bỏ vào góc trụ đồng một vài hòn đá, lâu ngày thành núi đá cao, lấp mắt

 **trị các chứng đau nhức
và cảm cúm**
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐPDC

trụ đồng. Nhưng ông Turion, Quan Ba hàng hải đường trường của Pháp (Capitaine aux longs cours), chỉ huy chiếc tàu Pháp Espadon có nhiệm vụ thường xuyên đi tuần-bờ biển vịnh Hạ Long, Bắc Việt, hồi năm 1900, có đến Mông Cáy, có qua Đông Hưng xem đền thờ Mã Viện, và có tra cứu sử Việt và sử Tàu, có phê bình rằng: «Chỗ cắm trụ đồng là nơi núi cao, vắng vẻ, có ai đến đó làm gì mà lượm đá liệng vào cho đến nổi lấp mất trụ đồng? Đã vậy, lúc bấy giờ người An Nam đang oán thù Mã Viện dữ lắm, thì ai đại gì lại lượm đá liệng vào đền cây trụ đồng càng đứng vững lâu ngày, với ý nghĩa hăm dọa và điểm nhục nước An Nam?» (Theo Hải Long du ký của Trần hữu Tư, thông ngôn hữu thể, interprète assermenté, của Turion).

Trong sử Tàu còn chép rằng; Mã Viện, đọc tờ phúc trình của viên thái thú Giao Chỉ, nổi giận liền sai thợ cắt một ngôi đền trên đỉnh hòn núi con ở biên giới, đối diện với núi Hồ Sơn bên Mông Cáy, để trả thù

dân Giao Chỉ (trong đền, y sai một thợ tạc một pho tượng lớn, chân mặt đập lên trên lưng pho tượng nhỏ chừng bằng đũa con nít mới để được vài tháng. Tượng đưa con nít nằm sấp, ngực đầu lên và le lười ra. Tượng lớn, tay cầm cây đoản đao giơ lên, một tay nắm tóc đầu tượng nhỏ Trước đền, có tấm hoành phi thêu bốn chữ: «Oai trấn Nam bang». Bất cứ người Tàu hay người Việt Nam, ai cũng hiểu rằng tượng lớn là Mã Viện, và tượng nhỏ là người Giao Chỉ. Năm 1900, người Pháp có yêu cầu chính Phủ Trung Hoa bỏ tấm hoành phi kia, vì họ cho rằng bốn chữ «Oai trấn nam bang» có nghĩa tượng trung là người Tàu còn uy quyền trấn giữ nước An Nam. Nhưng viên thống đốc Quảng Đông chỉ đổi chữ Bang thành chữ Biên, thành ra «oai trấn Nam biên», và giảng nghĩa rằng «Người Tàu chỉ trấn giữ biên giới phía Nam của họ mà thôi». Hiện giờ, đền thờ Mã Viện, hai pho tượng kia, và cả tấm hoành phi «oai trấn nam biên» vẫn còn ở Đông Hưng.

● — Nữ anh hùng độc nhất trong lịch sử nhân loại

Đứng về phương diện lịch sử Việt nam, có một nhà viết sử nhận xét quá sai lầm về Triều đại Trung Vương. Đó là Ngô thời Sĩ, trong quyển «Đại Việt Sử Ký tiền biên», bản như sau đây:

«Xét từ đời Hồng Lạc về sau quốc thống mất đã lâu, đến năm Bà Trưng tự lập, sử cũ vội cho là chính thống nhưng xét ra họ Trưng dựng nước, trước sau có ba năm vội nổi lên lại mãi ngay, như thế chưa có thể gọi là một nước được. Như thế theo lời chép sử liệt quốc, phải chưa niên hiệu hai Bà vào bên phải, trên niên hiệu nhà Hán».

Có lẽ do theo tài liệu trên đây mà trong bản «Tableau Chronologique des Dynasties Annamites» của L. Cadière đăng trong quyển V, trang 77-145, Bulletin des EFEO chỉ chép đời Hồng Bang từ năm 2879 đến 258 (trước J.C.) đời Thục từ 257 đến 208, đời Triệu

từ 207 đến 111, rồi kể đời chép đến thời Bắc thuộc từ 111 trước J.C. đến 543 sau J.C. tức là gồm cả đời Trung Vương trong thời đô hộ của Tàu.

Như trên, là hai lối chép sử hoàn toàn sai lầm.

Lịch sử chân chính Việt Nam phải công nhận Triều đại Trưng nữ Vương là chính thống Trong đền thờ Hai Bà Trưng ở làng Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây, lập từ thời Mã Viện rút quân về Tàu, đã có Lức hoành phi đề 4 chữ lớn, «Lạc Hùng Chính Thống».

Qua Tự Đức có phê trong quyển «Khâm Định Việt sử» về chương Trưng Nữ Vương như sau:

«Hai bà là bọn quần thoa mà có chí khí anh hùng, làm việc nghĩa khí kinh động cả đến Hán triều. Tuy thế cô, thời trai, nhưng cũng đã làm cho hưng khởi lòng người để làm gương sáng trong sử sách!»

«Kia những bọn tu mi nam tử

TRUNG NỮ VƯƠNG

khép áo làm tôi tớ cho người, chẳng cũng mặt dày xấu hổ mà chết được ư ! ...»

Trên phương diện lịch sử quốc tế khắp thế giới không có một nước nào có được một vị anh hùng Nữ Kiệt như Trung Nữ Vương.

Người Pháp thường hãnh diện với nữ thánh Jeanne d' Arc (1412 1431) mà họ khéo tuyên truyền, đề cao, sùng bái, đề cho cả Thế giới đều biết tên và khám phục.

Nhưng, đọc lại lịch sử Jeanne d' Arc và Trưng Trắc, so sánh sự nghiệp, chiến công, và vị trí của hai nữ kiệt này trong bối cảnh lịch sử đương thời của hai nước, thì sự cách biệt thật là xa lắm xa lợ. Jeanne d' Arc không tạo được những nét oai phong, hùng dũng, những chiến công oanh liệt phi thường như Trưng Trắc. Dù chỉ thành công trong 3 năm nhưng bà Trưng cũng đã bảo thủ được cho chồng, trả được nợ Nước, đền ơn Mẹ.

Hơn hết tất cả, Trưng Nữ Vương đã xây dựng một triều đại chính thống cho Dân tộc Việt Nam ở thế kỷ I, đã một lần đuổi quân xâm lăngra khỏi bờ cõi, và nhiều lần đánh tan rã quân thù của một đế quốc hùng cường bậc nhất ở Á Đông. Một tấm thân bồ liễu đơn cô thế cô, với một đoàn quân ô hợp, bà dám rút gươm ra tử chiến đánh tới bờ một quân đội ghê gớm của một Trung Quốc khổng lồ.

Một bậc «nữ nhi» như Trưng Trắc và Trưng Nhị, là một gương liệt nữ chói lọi không riêng gì trong lịch sử Nhân Dân Việt Nam mà chung khắp cả Loài Người.

Uy thế hiên hách của Trưng Nữ-Vương, độc nhất vô nhị trong lịch sử nhân loại, đáng được ghi vào trang đầu quyển « Những Người Đạn Bà Lưng Danh Trong Thế Giới ».

Diễn Huyền



RASPOUTINE

Một tên phủ-thủy dã mē hoặc Hoàng-hậu và Nga Hoàng Nicolas II và làm lũng đoạn Triều đại Nga, trước cuộc Cách-mạng Vô-sê-vích.

Mãi đến nay màn bí mật còn bao quanh anh chàng Grigory Raspoutine một người kỳ lạ mà báo chí sách vở hơn 50 năm nay vẫn chưa đánh giá cho đúng. Một hung thần với nhiều phép lạ; một bần nông thất học nhưng lại là một tên phù thủy đầy đủ thủ-đoạn, mê hoặc Nữ hoàng Nga, lũng đoạn Triều đại Nga hoàng .. Lại có kẻ đứng về một mặt khác lại cho rằng chính Raspoutine đã thúc đẩy cuộc cách mạng Bôn-sê-vích sớm thành công.

Dù đúng hay không, với tư cách ấy Raspoutine có thù nhiều hơn bạn và anh ta đã phải chết - một cái chết khác thường mà không biết bao tài liệu đã nói đến,

**những dòng tiểu - sử
nghèo nàn ..**

Ngày Raspoutine bị ám sát, tuổi ông vừa độ 46. Xuất thân trong một gia đình nông-dân nghèo khó đất Tây bá lợi Á, một nơi hoạt động tự do của đủ thứ giáo phái thuộc chính thống phá hoại mọi lễ nghi của Giáo-hội .. Raspoutine có chân trong phái KHLYSTES của giới thanh niên, Họ chủ trương thờ

chúa bằng cách hội họp nhau một nơi riêng rẽ, tránh con mắt nhà chức trách và cùng nhau diễn nững trò vui vô cùng bần thiêu dâm ô. Do đây Raspoutine bị hai năm tù và từ đó được mang tên là «con quỷ dâm dục».

**Từ con quỷ đến một
hung-thần kiêm phù thủy.**

Tại sao và do ai tiền cứ anh chàng dốt nát, đầy tội lỗi này vào dưới trướng Nga-Hoàng? không ai được rõ. Chỉ biết thời ấy, Đông cung Thái tử Alexis, con Vua Nicolas II bị bệnh hoại-huyết (Hémo-philie), một chứng nan y chạy khắp nước không ai chữa trị được. Trong lúc này, Raspoutine được đồn đãi là người có phép thần thông, có thể chữa được nhiều chứng bệnh nguy-hiểm. Nhiều nhân vật tên tuổi đã giới thiệu ông với Nữ-Hoàng nhưng đặc biệt nhất là đàn bà có lẽ là những người đã bị ông mê hoặc ngoài ra không một người đàn ông nào.

Thêm vào đó dư luận còn nói vào cho ông, rằng phi Raspoutine không ai chữa nổi bệnh ấy. Thế

là ông ta được vời vào cung và từ đây, bắt đầu một cuộc đời vô cùng sôi động. ảnh hưởng đến cả vận mạng quốc gia : Ông lũng đoạn triều chính đến mức nhân dân không còn tin tưởng nơi nhà vua, phá hoại Giáo hội, khuyến đảo cả chính phủ và tất cả những hành động ấy đã mở đường cho cuộc cách mạng Bôn sê vích vào năm 1917.

Phép lạ thứ hai. —

Nữ hoàng Alexandra, vợ vua Nicolas II tính tình cay cú, hẹp hòi, không được dân chúng mến thương nếu không nói là thù ghét. Đã thế bà lại còn thích chuyện bùa phép thần bí. Năm 1901 theo chồng viếng Pháp, bà có rước về một tên phù-thủy tên Philippe Nizier, chuyên nghề chiêu hồn. Tên này phụng mạng chiêu hồn Tiên để về giúp nhà vua trị vì nhưng không sao đủ bùa phép giúp cho bà sinh một hoàng tử nối nghiệp để được. Qua năm sau, Nizier bị trục xuất. Khi Raspoutine được giới thiệu vào cung, bà Alexandra rất mừng và hết lòng mê phục cho đó là người của Trời

bàn, đủ phép thần thông để giúp nhà vua trị vì trăm họ. Raspoutine là một nông dân mộc mạc lại hiểu kỳ. Trong lúc xung hô, dù với cả nhà vua, ông cũng « mầy tao mi tớ » không biết kính nể là gì Tuy thế Nữ hoàng lại thích, vì cho chỉ những người như ông mới biết nói sự thật.

Raspoutine nắm được yếu điểm này nên đóng kịch rất khéo và tất nhiên là thành công. Ngoài việc chữa bệnh cho Thái-tử, ông bắt đầu đặt tay vào mọi việc trong nước, nhưng với một thái độ chậm rãi đàng hoàng.

Trước tiên, đề chứng tỏ là người của Chúa ban xuống, và vì Chúa phụng sự, ông bắt đầu đặt tay vào việc nội trị Giáo-hội. Nhân oán ghét vị Giám-mục tại Tobolsk nơi sinh quán ông, ông liền cắt chức và thay thế vào một người bạn, Giám-mục Varnava, một tên quỷ không ra quỷ, người không ra người, ai ai cũng thù ghét. Được nước, ông lại thay thế luôn Giám-chủ Antonius của Giáo-hội Nga, là người không thể nào chấp nhận ông được và đặt vào ngôi

này một người bạn tỉnh tỉnh đạo đức bề rạc không kém gì ông.

Sau Giáo-hội, đến Chính-phủ. Hằng ngày những người quen biết đến ông xin việc này, ơn nọ, ông viết những mảnh giấy nhỏ, chữ nguệch ngoạc, trật tiếng, sai cả văn phạm, ra lệnh cho thượng thư này, giới chức cao cấp nọ buộc phải thi hành hay giúp đỡ. Tuy không có việc gì quan trọng lắm nhưng nếu có vị nào không tuân lệnh là kể như được đuổi về vườn gắp.

Raspoutine lại xưng ra một thuyết mới: Để cứu rỗi linh hồn, phải biết ăn năn, nhưng muốn ăn năn, phải phạm tội lỗi. Thuyết mới được giới nữ lưu giàu sang quý phái hưởng ứng rầm rộ. Raspoutine đưa họ đi tắm và tất nhiên trong lúc chung chạ với ông, ông

đã chỉ đường cho họ phạm tội để rồi có ăn năn..

Số đệ tử của ông mỗi ngày mỗi đông, tin ông như thần như thánh. Nhà vua thì kính phục ông về phương diện thần bí, còn nữ giới thượng lưu kia thì theo ông về mặt...tôn giáo.

Thỉnh thoảng đổ bể nhiều chuyện tây trời, nhưng Nữ hoàng tuyệt nhiên không tin. Và khi người ta trình ra những tấm hình chụp ông ta ngồi chung cùng các bà kia Nữ hoàng lại cho là hình ghép.

Một dư luận loan truyền Nữ hoàng không khéo cũng là đệ tử của ông nên mới có tình trạng làm ngờ này, càng làm cho uy tín nhà vua ngày càng giảm sút.

Lung lạc Nữ hoàng là chuyện dễ, nhưng «nắm» cho bước vua Nicolas là chuyện khó nhất là khi uy-

tín nhà vua vươn lên như sóng gió sau khi Nga tuyên chiến với Đức trong thế chiến thứ nhất.

Raspoutine đã có phương pháp. Ông ta tiến cử một lương-y danh tiếng người nông cổ rất tinh thông về y-khoa Tây-tạng, lo bồi bổ cho nhà vua bằng các linh dược gồm những thuốc về trắng dương và ma túy. Mục đích của ông là làm sao cho nhà vua suy lụy lần hồi cả thể xác lẫn linh hồn.

Việc này thành công một phần nào, Raspoutine mới xâm nhập vào việc nội trị. Ông ta không chỉ ra lệnh cho triều thần mà còn muốn phong hay cất chức thượng thư nào tùy hứng. Những tay được phong chức hầu hết là người có xu hướng thân Đức, còn phần ông thì liên lạc mật với các tên gián điệp Đức tại Thụy điển. Do đó và có sự trợ giúp ngầm của Nữ hoàng vốn là người Đức, quân đội Đức nắm được hết tình hình của Nga.

Tại sao Raspoutine chiếm được ưu-thế tuyệt đối này? Người ta đều cho là một phép lạ, vì thực tế không thể giải thích được.

Phép lạ thứ ba.-

Ý muốn triệt hạ Raspoutine đã loan rộng trong mọi giới trong nước. Năm 1914; Ông bị một nữ nông dân đâm một nhát dao làm ông suýt chết, nhưng đây chỉ là một mối tư thù cá nhân.

Một phong trào ngấm ngấm do các đại thần và tôn thất cầm đầu truyền đi khắp nước, dự định truất phế nữ hoàng, đày đi một tu viện heo lánh và trục xuất RASPOUTINE về Tây-bá lợi-Á, đồng thời lật đổ vua NICOLAS. Tấn phong Thái tử ALEXIS lên ngôi. Khổ nỗi nói thì rất hay nhưng làm thì chẳng ai dám mó tay đến. Chuyện chưa đến đâu, thì ông Thượng thư bộ Nội-vụ đã bị lạc hời dân tịch; một số tai mắt khác bị bắt đầu mất tích.

Mỗi oán thù cao độ, tính hình cực kỳ căng thẳng. Hội đồng quốc-gia, quốc-hội, các bộ v.v. đều đồng tâm bắt tay vào việc, và câu chuyện giết RASPOUTINE được khởi đầu vào tháng 11 năm 1916.

Người cầm đầu là Hoàng tử FÉLIX YOUSSEPOV, cháu rể nhà vua, tiếp đến, Quận công DIMI

Đôngmidol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BHT/ĐPDC

TRI, em thúc bá nhà vua; một nghị - sĩ, viên Bác - sĩ Trưởng Hội Hồng-thập-tự và một số nhân vật nữa. Kế hoạch duy nhất là đầu độc RASPOUTINE và liệng xác xuống giòng sông Néva.

Đến đây là phép lạ thứ ba của RASPOUTINE. Ông ta đã uống mấy ly rượu và ăn ba chiếc bánh có lăm CYA - NUYA KA - LI (CYANURE DE POTAS SIUM) là một chất hóa học giết người trong giây lát, nhưng đối với ông không tác động gì cả.

Suốt một thời gian lâu, người ta tưởng ông nhờ phép tác gì khác lạ mà thoát chết về độc dược. Mãi về sau, người ta mới tìm ra sự thật. Ba phép lạ của RASPOUTINE đều là giả dối: do ông tạo ra một phần, mặt khác do Nữ Hoàng ALEXANDRA vì bị ông mê hoặc mà che chở đã đưa ra một huyền thoại «động trời» đến nỗi nước Nga đã thua.

Đức, chế độ Nga - Hoàng bị lật đổ dưới bàn tay bọn Bôn-sê-vích.

(Xin xem số tiếp : Vụ thanh-toán RASPOUTINE)

Tin mừng

Chúng tôi vừa hay tin :

Nhạc-sĩ NGUYỄN-ĐỨC được Chuẩn-Tướng Bùi-Đình-Đạm gán Đệ nhị đẳng Tâm-lý-Chiến tại Nha Động-viên Bộ Quốc-phòng.

Xin chia vui cùng bạn Nguyễn-Đức.

P.T.

Cô gái chăn CỪU

của: TRƯƠNG-TU-BÌNH

dịch : VÕ-DANH-THỊ
(Nữ-sĩ Trung Hoa)

Núi Kim-Cang với muôn nghìn phong cảnh tuyệt vời, đã có một sức quyến rũ mãnh liệt, khiến tôi không nài thiên sơn vạn hải đến đất Triều-Tiên du ngoạn. Sau khi đến đây, tôi ngụ trong một xóm nhỏ bé ở chân núi Kim-Cang, xây mặt ra bề Nhật-bản. Đó là thôn Tiên-Thương, toàn thôn chỉ độ hơn 15 nóc nhà lá, nửa cũ, nửa mới, tất cả đều dựa lưng vào núi, xây mặt ra bề, nhà nào cũng có một khuôn vườn rau cải, chung quanh tường hoa bao bọc. Dọc theo bờ bề là một giải dài tòng bá sum sê, cảnh vật mười

phần u nhã, chỉ gần sát xóm mới có năm mười mầu ruộng lúa và dâu tằm. Về phía đông nam, giữa rừng tòng bá, con sông Xích-bích, nơi tập trung của những nguồn nước núi Kim-Cang, ngày đêm rền rĩ trôi qua, dễ dãi bị những ngọn sóng thần hung hăng găm thét cuốn lôi ra bề Nhật-Bản.

Lúc mới đến, người trong xóm nghi tôi là gian tế không ai dám chứa chấp. Sau có bà cụ họ Hứa, nhà ở tận phía Nam đầu xóm, cảm cảnh tôi là khách viễn phương, bằng lòng cho tôi ở trọ. Bà cụ tuổi độ lục tuần,

người hiền lành, ăn chay niệm phật. Nhà bà lão cũng như trăm nghìn nhà người Triều-tiên khác, trước cửa có dán câu đối cổ viết trên giấy trắng, thì ra người Triều-tiên trọng màu trắng, đến câu đối ngày Tết cũng dùng màu ấy, như những nhà có tang ở Trung-quốc vậy. Bước vào phía trong, là một ngôi nhà ba gian, xếp đặt có ngăn nắp. Bà cụ đưa tôi vào một căn phòng bên hữu; trong ấy có sẵn một chiếc giường gỗ và một bàn viết phủ đầy bụi bặm. tỏ ra rằng đã lâu không người đặt chân vào đây.

Tôi ở nhà bà cụ phút chốc mà đã hơn tuần nhật, trong khoảng thời gian ấy, không ngày nào là tôi không đi dạo núi, sáng đi tối về, bất chấp trời tốt hay xấu vết chân tôi đã le khắp đó đây, và không có một ngọn núi cao hay một hang thẳm nào mà chân tôi không đặt đến. Tất cả những cảnh bao la hùng vĩ, tất cả những ngọn núi trùng trùng điệp điệp, hình như đã in sâu vào não tôi, Mỗi khi chớp mắt, những cảnh ấy lại hiện ra trước

mặt, như những phim ảnh trên màn bạc, tiếc rằng tôi không phải là văn nhân hay họa sĩ, không thể viết thành sách hay vẽ thành tranh hầu tặng bạn đọc.

Ngày nọ, một mình ngồi trên đỉnh Cửu-tiên, bên cạnh giếng nước Cam-lục, nhìn về hướng tây, giả núi Kim-cang đang dần dần chìm đắm trong bóng chiều tà, màu sắc trang nghiêm, lộng lẫy, với những đám mây muôn hồng nghìn tía, khi lên khi xuống khiến linh hồn tôi không khỏi say mê đắm đuối, muốn thoát ly thân thể trần tục này hầu bay bổng đến một thế giới thanh bình cực lạc.

Bỗng nhiên, những tiếng ca trầm bổng theo ngọn gió chiều từ phương xa đưa lại làm cho tôi tỉnh giấc mơ và lắng tai nghe. Rõ ràng là giọng hát của một cô con gái. Trời ơi sao mà giọng hát ấy, khi cao khi thấp bi ai thống thiết đến thế? Tôi tập trung tinh thần, chăm chú nghe :

« Thái dương — rước ta lên
núi

Thái dương — đưa ta xuống
núi

Thái dương xuống núi, còn
trở lên

Chàng chặn cừ đi — không
ngày lại !

Cừ kêu ôi ! Tiếng kêu khắc
khoải

Cừ trông chàng, chàng có
biết chăng ?... »

Tiếng ca vụt im bặt, tiếp theo là tiếng kêu áo nào của bầy cừ hòa lẫn với tiếng chuông rung nhỏ nhẹ, hầu gần như không nhận ra được :

« . . . Chuông đeo trên cổ
cừ

Mỗi mỗi đều do chàng
buộc... »

Người buộc chuông đi, không
sao về được

Giày sắp đứt rồi, chuông bẽ,
cừ kêu :

Tiếng cừ kêu,
Giọng kêu thảm thiết !

Cừ trông chàng,
Chàng có biết chăng ? !... »

Tiếng ca mỗi lúc một xa, làm

rung động cả khí trời âm diệu lúc chiều tà. Lời ca rền rĩ bi ai khiến người nghe phải rơi lụy.

« . . . Nào phải ta không có
kéo

Hót lông cho cừ.

Nhưng kéo chàng « Anh » vẫn
còn in dấu

Dấu kéo mắt rồi, hồn ta cũng
mất theo sau

Nào phải ta không có
tơ,

Đề nổi giây chuông lại ?

Mà ta chờ ngày giây chuông
đứt... vỡ

Ta cùng chàng — chin suốt
bên nhau!... »

Nghe đến đây, tâm hồn tôi như tê dại, không còn đủ năng lực để ngăn cấm những giọt lệ tràn trề trong khóe mắt. Vội vàng đứng lên gần gốc tùng già cổ, phóng xa tầm mắt nhìn xuống, nơi con đường dốc dẫn về phía Cao-thành, một bầy cừ độ 15 con, vây quanh một cô gái Triều-tiên đương từ từ đi tới. Cô ta đầu đội khăn lông màu nước biển, vận áo cụt trắng, thân

CÔ GÁI CHẶN CỪ

dưới che một chiếc cùn màu xám tro, vừa đi vừa hát. Tiếng hát càng xa càng nhỏ dần, hầu như không nghe được nữa.

« ... Cừu ơi! Cừu ơi!

*Cừu chớ bí sầu, cho lòng thêm
nào nuột
Còn ta đây, hồ lang hồ dề
đến*

*Mà hồ lang dù có đến
Ta với cừu sẽ cùng chung
phận bạc
Ta với cừu để chúng mang
đi*

*Cừu ơi!
Xin chớ thăm sầu!
Cừu ơi!*

*Xin chớ thăm sầu làm
chi!*

Tiếng ca của giới chẵn cừu đã im bật, mặt trời đã ngã về Tây, hình ảnh cô gái chẵn cừu đã khuất hẳn sau rặng núi phía trước; tâm hồn tôi bàng hoàng đã đuối, nước mắt tròn trề, cảm động. Tôi tựa lưng vào gốc tùng già không biết đã bao lâu, cho đến lúc cả cảnh vật đều chìm vào bóng tối. Trên trời

các vì sao lấp lánh, và xa xa, về phía đông, chỉ thấy trăng vươn mình lên từ bề ca, như nửa vầng gương sáng soi khắp đó đây.

— « Thưa ông khách, đây là cô Lang trong gia tộc chúng tôi đây ».

Bà cụ và tôi cùng ngồi hững gío ở trước thềm nhà và bà cụ đã cho tôi biết lai lịch cô gái tôi đã gặp khi chiều.

— « Đây là tiểu thư một vọng tộc, tại sao phải tự mình đi chẵn cừu? »

Câu hỏi này hình như cảm xúc đến bà cụ rất nhiều, bà chỉ ngơ ngác mặt nhìn trời, hồi lâu không đáp lại. Dưới ánh trăng sáng tỏ, tôi nhìn trộm, thấy trong hai khóe mắt bà cụ đã tròn trề ứa lệ.

Tôi hối hận vì đã đề cập đến một vấn đề làm đau lòng người đối thoại. Tôi ngồi im không dám hỏi nữa, nhưng trong lòng không khỏi phân vân trăm mối. Hồi lâu, bà từ từ lau khô những giọt

CÔ GÁI CHẶN CỪ

lệ lăn dài trên đôi gò má rần reo, nhìn về phía tôi và khẽ bảo :

— « Câu chuyện thương tâm tôi đã quyết ý không khi nào nhắc đến, nhưng ông khách phương xa đã có lòng hạ cố, tôi không thể chối từ đề phụ tấm thịnh tình của ông được ».

Bà cụ ngừng một lát và tiếp :

— « Tiểu thư Trương-tứ-Lang, nguyên không phải người bản xứ. Từ-tước Trương-hoảng-Mưu, thân sinh ra cô, là bực danh thần trong triều đình nhà Lý. Mười năm trước đây, vì bọn gian thần kết bè lập đảng, lung lạc chánh quyền. Ngài đã nhiều lần dâng sớ lên nhà vua hạch tội bọn lộng hành, nhưng không được hôn quân đề ý đến uất ức vì thời cuộc đảo điên, ngài đã treo ấn từ quan, cùng gia quyến về đây an hưởng tuổi già.

Chánh thất của từ-tước, Kim phu nhân, qua đời đến nay đã

16 năm, chỉ sanh được một gái Kế thất. Lý phu nhân không con Lức Kim phu nhân làm chung, cô Lang chỉ có năm tuổi, được từ-tước thương yêu chiều chuộng và giao phó cho tôi nuôi dưỡng. Cả cánh họ nhà tôi trong bao đời nay đều làm tôi nhà từ-tước, và chính chồng tôi cũng đã là thư-ký riêng của ngài. Trước kia, tôi có một cháu bé trai... »

Đến đây bà cụ cảm động nghẹn ngào, với một giọng run run, bà kể tiếp :

— « Con tôi là Hứa-tử-Anh. Tên ấy là do từ-tước đặt cho đấy. Ngài thương cháu như con đẻ, cô Lang cùng cháu xưng hô với nhau là anh em, và triều mến nhau không khác gì ruột thịt.

Lý phu nhân là con nhà vọng tộc, bà đã từng du học Nhật-bản, tốt nghiệp xong, bà đã đi du lịch khắp các đô thị lớn Âu-Mỹ. Khi về nước, nhằm lúc từ-tước vừa mất tang Kim phu nhân, nên nhờ mai mối đến hỏi

về làm kẻ-thất. Trong lúc từ-tước còn làm quan tại triều thì Lý phu nhân là một ngôi sao sáng trong trường giao tế. Ông khách nghĩ xem, một người lãnh lợi như thế, học vấn như thế, có thể tự kèm hãm mình trong thôn xóm hẻo lánh này để sống một cuộc đời thanh đạm không? Và việc phải đến đã đến.

Sau khi di cư về đây, từ-tước từ bỏ tất cả cuộc đời xa hoa phù phiếm, không màng đến thế sự thăng trầm nữa. Từ-tước ngụ trong chùa Tịnh-An, còn vợ chồng tôi, thì vì chùa chật hẹp, nên cất nhà tại đây nương náu. Cháu anh thì ở lại hầu hạ từ-tước. Ngài mua một bầy cừ độ 30 con giao cho cháu chặn nuôi chăm sóc. Ngày tốt trời, cháu cho cừ ăn ở núi trước hay núi sau, có nhiều khi cô Lang cũng cùng đi với cháu. Nhiều hôm hai cháu lạc đường đến tối vẫn chưa về, khiến chúng tôi rất nên lo sợ, tỏa ra đi tìm trên đỉnh núi, thì thấy hai cháu tựa lưng vào nhau ngủ một giấc ngủ ngon lành khoai trá. Những

cảnh êm đềm thân mật như thế không khi nào tôi có thể quên được. Những ngày xấu trời không thả cừ, thì Từ-tước dạy hai cháu học tập thi thư, kinh sử. Ngài rất mến cháu Anh và quyết tâm sau này sẽ cho sang du học ở quý quốc, nào ngờ trời chẳng chiều người. năm ấy cháu đã... »

Thuật đến đây bà cụ ôm mặt khóc ngắt không nói nên lời và chính tôi cũng cảm thấy một triệu chứng không may đã xảy ra khiến lòng tôi tê buốt tuy khí trời không lạnh. Lúc ấy vầng trăng trong sáng bị mây mù che khuất, làm cho cảnh âm đạm lại càng thêm âm đạm. Tôi không dám hỏi dồn, chỉ đợi bà lão khóc xong, bà lại tiếp tục :

— « Chính trong năm ấy cháu Anh đã bi cha .. cha dè... cháu sát hại ».

Bà ta lại vật mình than khóc. Lòng tôi tê điện, quá cảm động muốn tìm lời an ủi, nhưng không thể tìm ra được.

Tôi đứng lên rút một tách

nước mời bà cụ, bà dờ lấy chén trà, uống một hớp và khẽ kể tiếp :

— « Câu chuyện còn dài đề tôi vào lấy bức thư cháu Anh đề lại trước khi chết, cho ông xem... »

Đêm đã về khuya, khí trời đã trở nên lạnh lẽo, chúng tôi vào nhà khách, bà cụ lấy ra một phong bì nhàu nát, màu giấy đã bạc, tôi tiếp lấy và đọc dưới ánh sáng ngọn đèn dầu tây leo lét :

Má yêu dấu,

Hôm nay thả cừ về, nhất được phong thư bút tự của ba con bỏ rơi ở ngõ vào. Vì thư đã mở nên con cũng trộm xem trong ấy nói những gì. Má ơi ! Không xem chẳng nói chi, nhưng đã xem rồi khiến con xiết bao kinh khủng.

Thưa má, con đã quyết tâm cứu lấy từ-tước, tâu thư và ba con nữa. Con không

nỡ nhìn thấy ba con phạm phải tội đại bất nghĩa. Con tưởng ba con còn ở trong chùa, nhưng tìm đâu cũng chẳng thấy. Con nghĩ việc này không nên tiết lộ ra ngoài vì chẳng phải chỉ can hệ đến mình ba con đâu. Đêm nay con sẽ tuần hành quanh chùa và tốt hơn hết con sẽ thuyết phục ba con trở về đường chánh.

Nhưng thưa má, vạn nhất con có điều nào, má cũng chớ nên ưu phiền, con nghĩ chết sớm còn hơn sống mà làm tên dân vong quốc.

Thì giờ đã gấp, con không thể viết thêm được nữa. Xem xong mật thư, xin má đốt đi chớ để. Trong học có hai quyển nhật ký, con để lại cho cô Lang làm kỷ-niệm.

Con xin lạy má.

HỮA-TỬ-ANH kính

Phong thư thứ nhì như sau :

Anh Thạch-Hồ. ●

Đã mười hôm rồi không gặp anh. Đêm nay anh phải đến chùa, có tôi làm nói ứng Hy vọng chúng ta sẽ lùa hết cá bọ vào lưới. Đây là phần thi của lão tặc, việc xong anh sẽ đem đến ty Hiến-binh Nhật-bản đầu thú. Ấy là là bữa chuộc tội của anh đấy, anh chờ đề lễ mất cơ hội.

Ngày 11 tháng 6 âm lịch
Lý-thị

Kèm theo là bài thi của Trương hoẵng-Mưu :

Óan mặt trời (1)

Nặng gì ghé gớm thế ?
Đốt lúa đầu non ta !
Đất nẻ lúa queo chết !
Thái dương độc lắm mà !
Nếu ta là Hậu-nghê (2)
Bắn mí rớt biển xa !
Nếu ta là Lỗ-dương (3)
Vịch mí xuống núi là !
Không tài Hậu-nghê Lỗ-
dương

Lệ sầu ứa huyết giải sương
non đời !

Ngày dài mau lối đi
thôi.

Hận dài dằng dặt bao giờ cho
khuây!

TRƯƠNG-HOẶNG-MUÛ đề

Đợi tôi đọc xong các thơ từ, với một giọng đầy đau thương, bà cụ tiếp :

— « Đầu đuôi câu chuyện có lẽ ông khách đã hiểu dạng phần nào rồi. Cháu anh nhà tôi đã chết vào đêm 11 tháng 6 ấy. Hôm đó lúc ban trưa, chú tiều chùa Tịnh-An đến giao cho Hứa thanh-Hồ một phong bì, xem xong hẳn hấp tấp đi ra, cho đến khuya mới trở về và lại hấp tấp đi nữa. Một lát sau, có người đấm cửa, tôi ra mở, người ấy bảo : « Khổ lắm rồi, bà cụ ơi, cháu Anh nhà bà đã bị người ta giết chết ! » Tôi nghe câu ấy như sét đánh ngang tai, ba chân bốn cẳng chạy đến chùa vào thẳng phòng cháu Anh và thấy trên bàn có sẵn một phong thơ gửi cho tôi. Tôi bỏ thơ vào túi

chạy ra vườn nơi chỗ có tiếng người huyền não. Trời ơi, một cảnh tượng bi đát bày ra trước mắt, cháu Anh nằm đìa những nơi đất, mặt mày đẫm đìa những máu. Tôi rờ vào ngực, tim đã ngừng đập từ lâu. Tôi kêu trời lên một tiếng, lảng ra bất tỉnh nhân sự.

Khi tôi tỉnh dậy, thì trời đã sáng. Như vừa trải qua một cơn ác mộng, tôi định thần nhìn kỹ bốn bên, thấy mình đang nằm trong phòng cô Lang, cô ta ngồi cạnh tôi, cặp mắt sưng vù lên vì khóc. Cô Lang khóc, tôi khóc và không ai an ủi được ai lời nào cả. Tôi muốn đứng lên nhưng toàn thân tôi đau như, té chi tê liệt, không thể gắng gượng nổi. Vừa lúc ấy ông bà Tử-tước bước vào phòng. Tử-tước bảo : « Tử-Anh không thể không tân liệm, nhưng vì sao giờ này mà Thạch-Hồ chưa đến? » Nhớ đến phong thơ chưa xem còn nguyên trong bọc, tôi móc ra dâng lên Tử-tước. Ngài bóc thơ ra xem, thì ác hại thay một thơ của Lý-thị gửi cho

Thạch-Hồ cũng tuột ra và rơi xuống đất.

Biết sự bí mật đã bại lộ, phu nhân vội vã bước ra khỏi phòng như người chạy trốn. Trên đời có nhiều việc ngẫu nhiên kỳ lạ, bức thư mà cháu Anh muốn giữ kín, thì chính tôi lại nhờ Tử-tước đọc hộ. Đứng trước những bằng chứng phản bội của con ác phụ và sự hy sinh cao cả của tên tố trung thành, Tử-tước phẫn giận, phẫn thương, chỉ biết dậm đất kêu trời, khóc than kêu là : « Tử-Anh, Tử-Anh ! Con đã hy sinh tính mạng để cứu cha con ta. Ta đã tưởng nuôi con khôn lớn, xây dựng con nên người hữu dụng hầu sau này giúp ích quốc gia, nào ngờ... » Vừa lúc ấy gia nhân vào báo tin Lý thị đã tự tử trong phòng cháu Anh rồi.

Tim đèn đã tàn, cảnh vật trong nhà nửa mờ nửa tỏ, trông rất thảm đạm. Bà cụ đứng lên kêu tỏ ngọn đèn và kể một câu chuyện :

— « Từ đấy từ-trước cắt tóc quỉ y thọ giới không mừng đến thế sự nữa. Tôi ở lại chùa dưỡng bệnh trong 7 hôm và sau khi bình phục, cố van xin lưu lại hầu hạ sớm hôm, nhưng ngài cự tuyệt. Phần cô Lang thì cô ta tiểu quản bầy cừu của cháu Anh để lại, ngày hai buổi, thà ăn trên núi. Đó là nguyên do vì sao cô phải đi chặn cừu như ông khách đã hỏi. Cô thường thuật chuyện cho tôi nghe rằng từ ngày cháu Anh qua đời đến nay, hình như bầy cừu cũng bị buồn lây, cứ chết dần chết mòn rất nhiều. Mỗi khi cừu chết là cô ta đau lòng xót dạ, cô chôn cất chúng trong những ngôi mộ nhỏ chung quanh mộ cháu Anh, cô bảo như thế có thể làm cho cháu đỡ cô đơn nơi chín suối. Còn Thạch-Hồ, người chồng tán tậm lương tâm của tôi, thì biệt vô âm tín, có lẽ hẳn đã phát điên

hay tự tử vì hối hận rồi chăng? »

Nghe xong câu chuyện thương tâm, khiến đêm ấy tôi không tài nào ngủ được. Mỗi khi nhắm mắt thì cảnh vật ấy lại như hiện ra trước mặt. Tôi chợt thấy như tôi đã đến chùa Tịnh-An. Ngôi mộ của Hứa-tử-Anh sừng sừng ở đấy, trước mộ có tấm bia đề « *Từ-bi viện Đông-nam Hứa tử Anh chi mộ* », chung quanh vô số là má cừu, cô Trương-tú Lang thì quỳ trước mộ, khóc than kẻ lẽ. Bỗng nhiên toàn cảnh biến thành vũ trường, đôi nam nữ thanh niên đương khêu vũ ở trung-ương, bầy cừu thì đi bằng hai chân cũng quay quần nhảy múa, phút chốc lại hiện lên một bầy thú dữ, nào beo, nào cạp, nào sư-tử, gầm thét vang rền. Tôi chưa hết ngạc nhiên, thì kính khủng thay, một tên lùn

tướng mạo, hung tợn, từ xa đi đến, tay cầm búa đồng sáng quắc. Hắn nhắm vào đầu tôi búa xuống. Tôi hét lên một tiếng, dặt mình tỉnh giấc, thì ra là một cơn ác mộng.

Tôi không ngủ được nữa, trông trời mau sáng, hầu từ giả

bà cụ đề đi nơi khác. Tâm can tôi dù là sắt đá, cũng không thể ở nán lại một giây phút nào để chúng kiến hoặc nghe thấy những chuyện bí hiểm đã xảy ra trên mảnh đất Cao-Ly vô duyên bạc phước này.

(1) Trong Hán-văn, mặt trời là « nhật » đồng âm và đồng nghĩa với « Nhật-bản » (nước Nhật) tác giả cố ý dùng cách chơi chữ để nguyên rủa sự hung bạo của nước ấy trong chánh sách cai trị Cao-Ly, dưới thời Nhật thuộc.

(2) Theo truyền thần thoại Trung-quốc, đời thái cổ, quả đất chúng ta đã bị đến 10 mặt trời thiêu đốt. Hậu Nghệ chồng của Hằng Nga, vì không kham nổi nóng bức, đã dùng cung thần bắn rơi hết 9 mặt nhất, chỉ để lại một thôi.

(3) Cũng theo thần thoại Trung-quốc, dũng sĩ Lỗ-dương đương cơn mê trận thì trời sắp tối. Anh chàng dùng trường thương vạch mặt trời lên lại phương Đông để có thể tiếp tục chiến đấu.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐPDC

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐPDC

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ HỒ-XUÂN-HƯƠNG ★
 ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
 Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

*IX— Bãn chất khêu gọi và hấp dẫn
 thiên nhiên của thân thể người phụ nữ,
 trong thơ Hồ Xuân Hương*

(Tiếp heo P.T. số 218)

Một tà đây đủ nét đẹp của
 một cô gái ngủ trưa vô tình
 nằm phơi bày đôi gò bồng đảo
 dưới gió nồm; Hồ Xuân Hương
 gòn in đậm như nét khêu gọi
 và hấp dẫn tự nhiên đó trong ba

bài thơ khác : *Đánh đu, Tát nước, Dệt cử.*

Tôi đã nói nhiều về bài *Đánh đu*, đây xin phân tích nghệ thuật tả chân kỳ tài của cô nữ sĩ họ Hồ trong hai bài sau :

HỒ XUÂN HƯƠNG

TÁT NƯỚC

Đang cơn nắng cực chửa mưa tề
 Rủ chị em ra tát nước khe.
 Lẻo-dẻo chiếc gàu ba góc chum,
 Lênh-dênh một ruộng bốn bờ be.
 Xi-xôm đáy nước mình nghiêng ngửa,
 Nhấp-nhôm bên bờ dít vắt ve.
 Mãi việc làm ăn quên cả mệt
 Giàng hang một lúc đã đầy phe.

Tôi ngại rằng các bạn trẻ ở thành thị ngày nay, hoặc ở thôn quê miền Nam, chưa bao giờ thấy một cặp nông dân và thôn nữ tát nước vô ruộng. Các nơi đồng áng khô khan ở Trung và Bắc Việt, tát nước là một công tác rất thông thường trong mùa nắng oi ả.

Họ chọn một nơi nào thuận tiện trên bờ suối, và hai người đứng hai bên sông nước, cách xa nhau quãng 6 thước, cầm mỗi người hai đầu giây gàu. Bốn dây bện thật chắc, mỗi dây dài độ hai thước rưỡi, cột vào hai bên vành miệng và vành dít một cái gàu

lớn, gọi là gàu sòng. Gàu có thả mức dây độ 20 lít nước. Bằng một cử chỉ nhịp nhàng và đều đặn, hai người thả gàu xuống sông nước suối, mức nước tát lên ruộng, hoặc tát ngay vào ruộng. Công tác này phải cần đến hai người khỏe mạnh, nếu là gàu đôi phải bốn người. Thường lệ, phải một đàn ông, một đàn bà, hay một trai, một gái, hoặc hai cặp, để vừa tát nước vừa hổ cho vui và đỡ mệt.

Thường tát nước ban ngày, hoặc ban đêm trời sáng trăng, có đông người ngồi chơi trên bờ suối, và thay phiên nhau tát cho

đến khuya. Đây là một công việc rất thích thú ở đồng quê, nhất là trong những đêm sáng trăng.

Một cô gái rất «chì» như Hồ-xuân-Hương, lại là «một cây» thơ trào lộng xanh dờn, chắc chắn không thể nào vắng mặt ở những sáng nước đầy thơ mộng này được.

Cô ứng khẩu hai câu đầu, khiến người ta đã cười rồ lên :

Đang cơn nắng cực chữa
mưa tè,
Rủ chị em ra tát nước khe.

Cô nói đúng quá, rất đúng với bối cảnh của tát nước, nào ai bắt bẻ vào đâu được? *Đang cơn nắng cực...* Vâng, trời nắng... cực quá, cực vì ruộng khô, lúa héo, cực vì phải nhổ cỏ, phải giữ chuột đồng ra cắn lúa, cực vì phải lo tát nước đêm ngày cho lúa tốt tươi *đang cơn nắng cực chữa mưa tè*. Mưa tè, là nước mưa chảy tè tè, chảy tờ tờ, nghĩa là mưa xối-xả, mưa chảy tràn lan ra đất, ra cỏ. Cô bắt đầu hai chữ «mưa tè» thật cũng là bất ngờ.

Chỉ có cô, là nữ thi sĩ Hồ-xuân-Hương, mới ứng khẩu ra được hai chữ *mưa tè*, chữ thật kỳ lạ, nhưng nói ra ai cũng hiểu liền, nó trào lộng, bóm-hình, oái-oăm, ranh mãnh làm sao! Trời chưa mưa nhưng cô đã gọi ra tiếng mưa tè tè, ngụ ý rằng đang cơn nắng... cực, người ta khao khát được nghe tiếng mưa chảy tè-tè ròn-ròn... ấy! Tài tình của Hồ-xuân-Hương là trong dụng-ý thâm trầm kín đáo ở mỗi câu, mỗi chữ. Cho nên tìm hiểu Hồ-xuân-Hương thật là cả một vấn đề. Nếu là câu luận, câu kết, thì có thể cho rằng cô dùng chữ gượng ép theo vần. Nhưng đây là câu phá, mới mở miệng vào đề, cô đã quăng ra một tiếng *mưa tè* hải hước, khiến cho kẻ thức giả nằm được liền cái hậu ý (arrière-pensée) của cô; hậu ý vô cùng thích thú.

Nhưng chớ quên rằng luôn luôn cô chơi bằng «trí», cho nên cái thâm ý của cô trong câu «*đang cơn nắng cực chữa mưa tè*» chỉ có một công dụng trí hóa, tạo nhã mà thôi.

Rủ chị em ra tát nước khe.

Độc câu phá rồi xuống câu thừa trên đây, người ta tưởng là lời nói của một người đàn ông. Nhưng cô Hồ-xuân-Hương gạt hẳn ảnh tượng thực-tế ấy ra ngoài, Như chúng ta đã biết, cô thường chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh nghệ-thuật của tả chân, pha vào khá nhiều hương-vị của hoạt kê, bay trào-lộng.

Tôi xin nhấn mạnh vào dụng-tâm và cá tính chắt thâm mỹ của nét bút Hồ-xuân-Hương, như trong hai câu thơ trên đây chẳng hạn.

Tát nước thường là một cặp đàn ông đàn bà, cũng nhiều khi hai người đàn ông hoặc hai người đàn bà. Trong bài này, Hồ-xuân-Hương riêng nói đến phụ-nữ vì dụng tâm của cô là phát họa vài nét khiếu gọi và hấp-dẫn tự nhiên của phụ nữ, mà cô gái tát nước ở đây là một kiểu-mẫu, không hơn không kém. Những câu thơ khác như câu phá :

Đang cơn nắng cực chữa
mưa tè

Hoặc 2 câu kết :

Mãi việc làm ăn quên cả mệt
Giàng hang một lúc đã đầy
phè.

Chỉ là bối cảnh, dùng đóng khung cho kiểu mẫu mà thôi. Dĩ-nhiên, kiểu mẫu nào phải được thích hợp với khung cảnh này : Thích thú tài tình của thơ Hồ-xuân-Hương chính là bối cảnh và nội dung đề tài ăn khớp sát sao với nhau.

Dụng ý của bài thơ đã tỏ rõ rồi, nữ sĩ ta nhập đề ngay :

Lẻo - đẻo chiếc gàu ba góc
chum,

Lênh đênh một ruộng bốn
hờ be.

Cô tả cái gàu sòng ba góc dùm lại, Chiếc gàu *lẻo đẻo* nghĩa là mảnh khảnh, còm còm, nhưng đây cô dùng với một mảnh lời văn-ngệ (astuce littéraire), để gọi một tự-kỹ âm-thị cũng như chiếc gàu ba góc lẻo đẻo kia là một lợi-khí của nhà nông. Đề tài chính trong cuộc tát nước là cái gàu.

Có nữ-sĩ mặt rỗ vô cùng duyên dáng của chúng ta luôn luôn nhắm vào đề tài chính trước tiên. Đó là nét đẹp tự nhiên, một ưu điểm và yếu điểm, vì không có chiếc gàu leo đèo ba góc dùm lại thì đó ai tát nước được? và tác vào đâu được? Có chiếc gàu đó thì tha hồ tát, tát cho đến chừng nào;

Lênh đênh một ruộng bốn bờ be

Tát cho ruộng nước lênh đênh tràn ngập bốn bờ. (Bờ be là bờ dề ruộng).

Xì xòm đầy nước mình nghiêng ngửa Nhấp nhồm bên bờ dít vát ve

Trong lúc tát nước, phải cúi mình xuống để mức nước, rồi ngửa mình để kéo gàu lên. Cúi chỉ đó phản ảnh dưới đáy nước với tiếng nước xì xòm xao động. Đồng thời hai móng dít cứ phải nhấp nhồm, vát ve, nhịp nhàng với thân mình.

Cặp luận này tả chân rất xác thực những cử động của người tát nước, không thể tả cảnh

nào khéo léo và linh động hơn nữa.

Linh động và khéo léo, vì Hồ Xuân-Hương đã khai thác được những nét đẹp kêu gọi và hấp dẫn rất là tự nhiên, rất là vô tình; có khi là vô ý thức, của người đàn bà nói chung, mà cô gái tát nước như chúng ta đã thấy, chỉ là một kiểu mẫu.

Mặc dầu si muốn hiểu sao thì hiểu bất cứ theo nghĩa đen, hay nghĩa bóng, dưới hình thức cụ thể, thô kịch, tục tiêu hay dưới khía cạnh hồn nhiên, diễm lệ, nên thơ, bản chất thiết thực và vĩnh cửu của người đàn bà vẫn là đẹp kêu gọi, đẹp hấp dẫn, đẹp thiên nhiên do tạo hóa phú cho.

Chẳng cứ gì một cô gái năm ngũ quên trong gió nồm, để «yếm đào trẻ xuống dưới mương lộng» hay một cô gái đánh du, một cô gái tát nước, đều lộ ra những nét đẹp quyến rũ muôn đời, muôn thuở. Bởi tại «trời sinh» ra thân thể của phụ nữ, cái «corps» này nở, «nghiêng ngửa» «nhấp nhồm» của phái đẹp để thu hút người đàn ông. Hồ Xuân

Hương luôn luôn nhắm vào bản chất và bản tính thiên phú ấy, mà ngày nay người ta gọi là «Sex», Freud gọi là *Libido*.

Mãi việc làm ăn quên cả mệt Giàng hang một lúc đã đầy phè

Hai động từ «làm ăn» này thật là khôi hài ác! Thì tát nước cũng là «việc làm ăn» chớ sao! Nhưng *mãi việc làm ăn quên cả mệt*, nghe càng trào lộng xiết bao! Thì ra «việc làm ăn» này cũng say mê đến thế ư? Chuyền hướng trí óc (tour nure d'esprit) của cô nữ sĩ ở sao mà tài tình độc đáo thế. Từ cái «leo đèo», «lênh đênh», cái «nghiêng ngửa», «nhấp nhồm» «vát ve» xoay ngay qua «việc làm ăn quên cả mệt» chỉ có óc tưởng tượng phong phú và nhạy cảm của Hồ Xuân Hương là phò

diễn ra dễ dàng và nhanh chóng như thế.

Quên cả mệt, là cảm giác nhẹ nhõm, sung sướng, cũng là một nét đẹp huyền diệu của công việc làm ăn vậy.

Giàng hang một lúc đã đầy phè

Đó chỉ là bối cảnh bên ngoài, để kết luận công việc làm ăn. Đừng tát nước, về thực tế phải giàng hang, chỉ mãi cuộc không bao lâu ruộng nước đã đầy phè. Tác dụng của chiếc gàu leo đèo ba góc của cô thôn nữ quả là màu nhiệm.

Chỉ trong chốc lát nước tát vào đã đầy ngập «bốn bờ be».

Chữ «phè» sau cùng có nghĩa là phè phỏn, ám chỉ tính chất thoải mái của sự tràn đầy ruộng nước...

(Còn nữa)

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BVT/ĐPDC

cái Điều

LÊ-MINH-KHUÊ
(phóng tác)

Tháng nắng, người ta kéo ủa ra đường chẳng khác gì đàn kiến ra khỏi tổ. Trên cầu treo, dưới sông, trên thuyền, trong phòng trà, đâu đâu cũng đặc nghệt những người. Đã thế, những người mới vẫn ùn ùn kéo tới như dòng thủy triều.

Tôi ngồi bên bờ nước, đưa chiếc mũ tắm chụp lấy đầu tóc, ánh mặt trời buổi chiều khiến tôi vàng cả đầu. Làn nước trong xanh như có sức lôi cuốn tôi kỳ lạ. Cạnh tôi, Duy Khiết không ngừng giậm chân, ngênh cao cổ nhìn khắp bốn phía, rồi chẳng nén được tức giận cất tiếng nói :

— Thật ông anh đáng chết,

hẹn mà không đúng giờ, không biết giữ chữ tín chút nào cả, để xem sau tôi còn giúp không cho biết.

Tôi đưa mắt nhìn Duy Khiết mới nàng cong đôn, bó tóc đuôi ngựa sau gáy nàng lúc lắc trông thật tức cười. Nghe giọng nói hậm hực của nàng khiến tôi càng cảm thấy muốn cười, chẳng trách trưa nay nàng chạy sầm sập vào nhà tôi, chẳng khác gì trận cuồng phong, chẳng nói chẳng rằng nàng bắt tôi phải đi ra sông tắm. Thì ra ông anh của nàng lại đang tính chuyện gì đây, muốn ám ở gì chắc. Có điều đã tới rồi thì thôi cứ tiếp tục không việc gì phải nóng

CÁI ĐIỀU

ruột cả. Vả lại, kỳ nghỉ hè này, đây là lần đầu tiên tôi đi bơi.

— Này, em bé cứ đợi ông anh của em bé nhé ! Chị cần đi bơi đây. Tôi nói rồi, liền đứng dậy đi xuống mé nước.

Duy Khiết cũng chanh chua không kém :

— Ê, đừng nóng chứ, việc gì gấp thế, anh tội đến rồi kia, tôi đã thấy ! Ê, Ê. Tiều giác cô (môt loài chim hay hót), khoan đi chứ !

Chết thực ! Ở chỗ đồng đúc này mà con bé cứ bỏ bỏ gọi cái hỗn danh của tôi ra. Chẳng là lúc nhỏ, tôi luôn liên thoảng cái mồm học nói nên ba tôi mới đùa gọi là Tiều giác cô, kết quả tên này thành một thói quen, cả nhà ai cũng gọi. Tên thực của tôi là Tú nhưng thì không ai nói tới. Đến lúc tôi trưởng thành mọi người mới sửa đổi. Tuy vậy, ngày nay ba tôi vẫn còn gọi tôi là Tiều giác cô, chẳng hiểu tại sao Duy Khiết lại nghe được nên giờ đây cứ

kêu loạn lên Tiều giác cô Tiều giác cô.

Tôi nói :

— Y tới thì mặc y, chứ có ăn chung gì tới tôi.

Nói xong tôi nhảy tùm xuống nước. Làn nước sông mát rượi khiến tôi sáng khoái, tôi hụp lặn bơi vào chỗ nước sâu hơn rồi tôi bắt đầu bơi ngửa, nằm thẳng cẳng trên mặt nước. Ánh nắng ấm áp dịu mát khiến tôi vô cùng khoan khoái, tôi nhắm mắt thưởng thức ánh mặt trời ấm, làm nước mát và rửa cái thế giới đẹp đẽ này.

«Bốp» một tiếng, một vật gì rơi mạnh ở bên tôi làm bắn nước tung tóe. Tôi nhón người lại dòm, thì ra là cái vỏ bưởi. Tôi hướng mắt nhìn lên bờ thì thấy Duy Khiết một tay đang vẩy tôi lia lịa, còn tay kia ném những vỏ bưởi. Tôi đùa nghịch hụp lặn tới gần bờ rồi ngoi lên đột ngột. Duy Khiết vẫn đứng bên bờ nước, có ý tìm tung tích của tôi, trong tay vẫn cầm những

CÁI ĐIỀU

vỏ bưởi không biết ném đâu, mở miệng chửi bừa :

— Con ma đầu đáng chết ấy con quỷ ấy, đồ quỷ địa ngục !

Tôi bò lên bờ, Duy Khiết giật nẩy mình, tôi bật cười vang lên Duy Khiết ngăn người hồi lâu rồi cũng cười theo. Tôi thấy hai chàng thanh niên đứng bên Duy Khiết, một người tên Đức, anh của nàng, còn người kia, tôi chưa được biết. Tôi thò cười, anh chàng Đức bước tới cúi đầu cung kính chào tôi chẳng khác nào cậu bọc trò khi chào thầy giáo. Tôi muốn phì cười nhưng cố nín được.

Đức chỉ thanh niên đứng bên giới thiệu :

— Đây là anh bạn học của tôi, tên Nguyễn trác Văn, chúng tôi vừa mới gặp nhau trên cầu.

Đức lại quay sang chàng thanh niên, giới thiệu tiếp :

— Và đây là cô Trần tú Nhung, bạn học của em tôi rồi đưa mắt nhìn Nguyễn trác Văn, hấn đáng người cao, vai rộng, mắt sáng,

vẻ mặt có chiều tư tự như một triết gia.

Tôi hơi giật mình bởi khuôn mặt ấy hình như tôi đã gặp ở đâu rồi, bất giác tôi lại đưa mắt nhìn giây lâu kịp khi hấn cũng đưa mắt sang tôi, tôi lần tránh trong lòng thầm mắng là «Đồ quỷ ở đâu ấy!». Tôi chạy lấy khăn tẩm quần chặt lấy người, vì đứng trước người lạ, quần áo, ướt sạch, dính sát lấy thân thì cũng kỳ lắm.

Tôi lên tiếng hỏi :

— Các anh cũng đi bơi đấy à ?

Anh chàng Đức ngập ngừng nuốt nước bọt nói :

— Tôi muốn...mời Trần cô nương đi phòng trà uống nước ngọt với anh em chúng tôi.

Tôi tức cười, trong bụng cũng hơi làm lạ, không hiểu tại sao con Duy Khiết láu lỉnh ấy lại có một ông anh rụt rè như con gái thế.

Tôi lắc đầu nói :

— Tôi không khát, tôi muốn bơi cơ !

CÁI ĐIỀU

Tôi quay sang Nguyễn trác Văn hỏi :

— Anh có bơi không ?

— Không Hấn cười cười, lắc đầu rồi nói tiếp : «Tôi không biết bơi».

Thật đáng xấu hổ quá ! Thân hình cao lớn, đồ sộ như thế kia chẳng lẽ tẻ như thế à. Tôi nhủ mày định nhảy xuống nước thì Duy Khiết vội níu lại, nói :

— Khoan chứ Tiều giác cô, ta đề nghị tất cả hãy chèo thuyền đi !

Tôi trừng mắt nhìn Duy Khiết con bé thật quái ác, cứ gọi mãi cái tên không đẹp ấy ra.

Nguyễn trác Văn đang nhìn làn nước trong một cách ngờ ngác như đứa trẻ gặp sự lạ, nghe Duy Khiết nói, đột nhiên quay đầu lại, nhìn tôi đăm đăm. Sau đó, hấn mới quay sang Duy Khiết bẽn lẽn cười nói :

— Tôi cũng chả biết chèo nữa.

— Chỉ cần thuyền không lật là được rồi. Duy Khiết nói tiếp

:«Tôi nghĩ nên thuê hai chiếc thuyền con, anh Đức và Tú Nhung đi một chiếc còn tôi và vị tiên sinh đây một chiếc, nếu quả tiên sinh không biết chèo thực thì để tôi chèo, bảo đảm là không để tiên sinh phải uống nước đâu».

Đức xen vào nói :

— Theo tôi thì thuê một chiếc lớn, có lẽ hay hơn.

Duy Khiết trừng mắt nhìn anh, lăm bằm : «Chẳng được tích sự gì cả !» tựa hồ như muốn nói : «Được, muốn thuyền lớn thì thuyền lớn, chứ có sao đâu ?».

Tôi đưa mắt nhìn Nguyễn trác Văn, không nén được, cất tiếng hỏi :

— Tại sao anh không học chèo thuyền hay học bơi cho vui ? đi bơi đi chúng tôi dạy !

Hấn cười, ngượng nghịu nói :

— Không, tôi thích đi đi thuyền lớn như anh Đức đề nghị !

Thật là chán quá ! gặp phải hai cái anh chàng thanh niên

CÁI ĐIỀU

chẳng có chút thanh niên tính nào này, thà chơi một mình còn sướng hơn ! Tôi bực bội trong lòng, nếu anh chàng cao lớn kia là anh tôi thế nào tôi cũng cho uống một bụng nước đến no!

Duy Khiết bơi chiếc thuyền lớn tới.

Tôi và Đức lần lượt nhảy lên thuyền. Nguyễn trác Văn cũng nhẹ nhàng nhảy theo thuyền chao đi, hấn dùng tay phải nắm lấy mái chèo lấy lại thăng bằng.

Bỗng tôi nhận ra một điều lạ lùng, tay trái của hấn trước sau không thấy động đậy, cứng đơ, thõng xuống bên người.

Tôi buột miệng hỏi :

— Tay trái của anh làm sao thế ?

Hấn nhìn tôi, vẻ mặt có vẻ đăm chiêu rồi mới lấy tay phải sẽ vỗ vào tay trái, nói :

— Nó là một phé vật.

Tôi vỡ lẽ, thì ra tay trái của y đã bị tàn phế rồi, chẳng trách hấn không bơi và không chèo

được. Bao nhiêu sự khinh bỉ của tôi trước đây tiêu tan hết tôi đâm ra thương hại, hỏi :

— Phải chăng cái đó là tật từ nhỏ.

Hấn đưa mắt nhìn tôi nói :

— Không, không đâu, chỉ vì một một cái điều.

— Cái điều ? Tôi hỏi, trong lòng hơi bối rối.

— Phải đấy chỉ vì một cái điều đầu hồ.

— À, tôi thử ra, nhìn dán vào mặt hấn, hèn nào tôi thấy mặt hấn quen quá. Thì ra thế giới này nhỏ thực.

Tôi khở sở nói ;

— Vậy ra anh là anh Phước !

Hấn cười đáp :

— Đúng thế.

Ngừng lại giây lát hấn mới tươi tỉnh nói tiếp :

— Cô không thay đổi mấy, Tiểu giác cô, chỉ trừ có một điểm là từ một cô bé nhỏ xíu, nay đã

CÁI ĐIỀU

trở thành một cô bé lớn hơn thôi.

Phải, chỉ có mỗi điểm đó, còn không có gì đổi khác. Vừa nhìn cô ở dưới nước lên, tôi đã có ý ngờ nhưng không dám nhận, lâu quá rồi còn gì, đúng không ? Nếu cô Khiết không gọi cô là Tiểu giác cô thì tôi cũng không dám tin ở đời mắt tôi nữa.

— Thế cánh tay anh vẫn không lành à ? Tôi hỏi một cách khở sở, không thể cười được nữa.

— Ôi, mọi chuyện cũng do má tôi cả, má tôi có biết gì đâu. Có ảnh hưởng gì lắm đối với tôi. Hấn dịu dàng nói, vẫn cười cười rồi nói tiếp : « Tinh tinh cô vẫn chẳng thay đổi chút nào cả, vẫn thẳng thắn và nóng nảy như xưa.

Tôi thơ thẩn dựa người vào

lan can thuyền. Anh em Duy Khiết nhìn tôi và Nguyễn trác Văn một cách lạ kỳ. Xưa nay, tôi giỏi về khoa ăn nói, thế mà giờ phút này chẳng nói được câu nào cả. Tôi lấy làm lạ, không hiểu tại sao Nguyễn trác Văn lại còn cười được, lại còn lòng dạ để nói về tinh tinh của tôi. Ánh mắt của tôi không rời cánh tay tàn phế của hấn, lòng cảm thấy đau nhói, thế là bao nhiêu chuyện vui vẻ, khoan khoái của một buổi chiều mùa hạ đã bay qua mất rồi.

*

Sáu tuổi, tôi nghĩ đối với ai cũng vậy thôi. Đó là cái tuổi cha tôi thường bảo, cô nhân tám tuổi có người làm quan, mười tuổi có người làm tướng, thế ra tôi cách cái tuổi làm quan làm tướng ấy cũng chẳng là bao. Thế mà, tôi chỉ biết leo cây phá tổ

Dùng **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BX.T/500C

chim, lồi xuống ruộng mò cua và chạy đi chơi rong với lũ trẻ hàng xóm, ở dưới chân núi hay trong cánh đồng hoang. Tôi có thể nói cho người khác biết ngách hang chuột ăn thông đến nơi nào. Tôi có thể cầm đầu con rắn để dọa người hàng xóm. Tôi có thể biết được chỗ tìm giống rong rêu. Tôi có thể phân biệt được loài trùng nào là độc và không độc. Nhưng, giả như có người hỏi tôi về con tính con toán, chẳng hạn, một mét bằng bao nhiêu cm thì sẽ không suy nghĩ gì mà trả lời ngay một mét bằng một ngàn cm.

Ngày đó, cha tôi dạy học ở một trường làng, cả gia đình tôi đều ở ký túc xá trong trường. Chung quanh đều là người quyền thuộc, đồng sự với ba tôi. Tất cả chúng tôi có đến năm chục đứa, đa số là con trai. Mặc dù mà tôi đã mang hết tâm sức tạo cho tôi thành đứa con gái nhà đàng hoàng, nhưng càng ngày tôi lại càng cứng đầu cứng cổ hơn, tôi thích chơi chung với

các bạn trai, suốt ngày bùn đất lấm bết lấm bết. mà tôi quá giận, có lúc đã dùng thước sắt đánh cho một trận bô lê bô càng; nhưng cuối cùng, tính nào vẫn tật nấy, những roi thước kia không có một hiệu quả gì đối với tôi cả. Chỉ có hai lần là mà tôi giận tôi nhất, lần đầu là tôi dùng bùn vấy lên chân mùng của nhà hàng xóm đang phơi ở trước sân và một lần là vì anh chàng Phước đây.

Phước là con trai của ông lão Nguyễn, lão Nguyễn là một người cai giã trong trường. Tuy xuất thân ở chỗ thấp kém nhưng Phước là thủ lĩnh của tất cả bọn con nít chúng tôi. Điều thứ nhất, tuổi hắn lớn nhất. Điều thứ hai hắn đã học qua bậc tiểu học ở trường làng. Điều thứ ba, hắn có tác phong hiệp sĩ, khí khái anh hùng và sau hết là hắn có bà mẹ hung dữ vô cùng, lại không biết phải trái là gì, nếu có đứa nào mà chọc ghẹo Phước thì bà ta chẳng phải do dự, sẽ dim thăng bé

xuống bùn đến nghẹt thở mới thôi. Cong mấy điếm trên Phước trở thành lãnh tụ của chúng tôi nhưng hắn thật sự không thích chơi với tôi vì tôi là con gái, lại quá nhỏ.

Một hôm, chúng tôi bầy, tám đứa thả điều với nhau ở trong trường. Tôi có một cái điều đầu hồ lớn và đẹp nhất. Tôi dương dương tự đắc khoe với bọn trẻ. Khốn nỗi có đều trong lúc bao nhiêu con điều đang bay cao vút trên trời trong tiếng hò reo thích chí của bọn trẻ, thì chiếc điều đầu hồ to lớn của tôi vẫn cứ lệt đệt ở dưới đất. Tôi mướt mồ hôi, cố kéo cho nó bay lên, nhưng đầu cho tôi chạy cách nào đi nữa con điều vẫn không chịu lên khỏi đầu tôi.

Lũ trẻ bắt đầu chế điều, tôi càng cố gắng càng loayhoay không cách gì làm chiếc điều bay bổng lên được. Lúc bấy giờ, Phước chạy lại. Từ trước hắn vẫn đứng coi chúng tôi thả điều vì hắn không được chơi.

— Để tôi giúp cho Tiểu giác cô. Hắn nói.

Tôi ngần ngừ giây lát, cuối cùng đưa cuộn chỉ cho hắn. Hắn khẽ nhấp nhấp đầu giấy, cũng chẳng cần phải chạy nữa, thế mà con điều bay vút lên cao. Tôi vỗ tay hoan hô. Phước thả dần cuộn chỉ, đi men theo vườn trường. Tôi chạy theo sau gọi lớn:

— Trả tôi, muốn thả lấy cơ!

Nhưng có lẽ lúc bấy giờ lòng hắn quá thích thú nên hắn càng chạy càng mau, không chịu trả lại tôi. Tôi tức giận, đuổi theo sau, mắng chửi luôn miệng. Lũ trẻ cười phá lên, giữa lúc ấy, dây điều vướng vào một cành cây lớn, cây đại thụ mọc ở bên trường. Tôi nhảy cẳng lên, mắng lớn.

— Mày làm hỏng cái điều của tao rồi, đền tao đi!

— Đừng cốong. Phước bình tĩnh nói tiếp: «Để tôi trèo lên trường lấy xuống cho cô.

Bức tường không cao lắm, chúng tôi vẫn thường trèo lên ngắm sao.

CÁI ĐIỀU

Chủ ý của Phước là lên tường rồi từ đó đu sang cây.

Giữa lúc hấn trèo, tôi cũng liện theo. Khốn nỗi, Phước chưa kịp sang cây thì dây điều đã đứt, con điều đầu to và đẹp của tôi bay vút lên trời theo chiều gió nhanh khôn tả.

Tôi ngàng cổ nhìn mãi đến khi bóng con điều không còn thấy nữa mới chột oà lên khóc, rồi dậm chân mắng lớn:

— Mày đền tao đi, mày phải đền tao cái điều đầu hồ. Trả tao trả tao.

Phước hoảng hốt, nói:

— Đề tôi làm lại một cái trả cô chứ có sao đâu,

— Tao không cần, tao không cần, trả cái điều đầu hồ của tao cơ!

Phước đáp:

— Bay mất rồi làm, sao lấy lại được nữa.

Lũ trẻ đứng dưới chân tường vỗ tay đôm đốp lấy làm thích thú lắm. Tôi giận quá, phát run lên, chẳng cần nghĩ ngợi gì, lấy tay đẩy mạnh Phước một cái. Hấn đang tuột xuống đất, bị cái đẩy của tôi, hấn mất thăng bằng, ngã nhào xuống. Trong phút chốc tôi cũng hoảng thật đấy, nhưng cũng nghĩ Phước chắc chẳng đến nỗi nào. Tôi tuột xuống, còn định khóc lóc và làm ồn một phen nữa, nhưng vẻ mặt của Phước làm tôi giật nảy mình, mặt mày hấn trắng bệch cổ bỏ dậy, tôi thấy hấn có vẻ đau đớn lắm, rồi chẳng nói chẳng rằng, hấn lao đảo về nhà. lát sau, mẹ hấn sầm sầm chạy lại, lũ trẻ như trông thấy yêu tinh, ùn ùn chạy trốn, sau

CÁI ĐIỀU

khi đã kêu lớn: «Tiêu giác có đây nó đấy!»

Mẹ Phước nắm chặt lấy tay tôi, gào khóc nói:

— Con khốn này, mày trả Phước lại cho tao, tao thì mạng với mày.

Cứ như thế, mẹ Phước chửi tôi có đến cả giờ đồng hồ, mãi tới lúc mẹ tôi chạy tới, trước hết bà kéo tôi ra khỏi người đàn bà hung dữ ấy, sau đó người tìm lời an ủi đối phương. Mãi tôi nhất định đòi coi thương thế Phước. Tôi thừa cơ lên về nhà. Ba tôi đương ngồi ở bàn viết sớ bài, thấy tôi, ông nói:

— Lại đánh nhau rồi phải không?

Tôi lẳng lặng không đáp, trong lòng tôi không nghĩ đến cái điều mà chỉ nghĩ đến Phước. Chẳng bao lâu, mẹ tôi hấp tấp chạy vào:

— Thăng bé ấy gãy tay rồi, tôi bảo với họ là tôi chịu tiền xe tiền đồ để đưa con họ lên tỉnh đi bệnh viện nhưng họ không thuận, cứ đòi giết gà để tế thần và mượn đạo sĩ về làm phép. Tôi không hà tiện nhưng chẳng với đạo sĩ, ông nghĩ thế nào?

Ba tôi buông bút đồ xuống, kéo kiếng ngang sống mũi, nói:

— Người ở quê chẳng biết gì cả, đề tôi đi nói với họ.

Ba má tôi mấy lần giao thiệp nhưng đều thất bại. Họ chỉ tin vào thần thánh và bùa phép không biết đến thuốc men. Cuối cùng, má tôi phải thưởng cho họ một số tiền lớn, mặc h làm. Sau đó, trở về nhà bà kiến đầy thưng lớn, trói chặt tôi vào cột, quát cho tôi một trận ro. Mây thấm thía. Tiếng khóc của tôi hòa với tiếng đạo sĩ đang hô bình hoán vũ tạo nên cảnh tượng kỳ quái, ngày thường, chưa bao giờ tôi thấy má tôi nổi giận đến thế, tôi bị những lăn roi liên tiếp phủ khắp người, khóc quá mất cả tiếng. Lúc bấy giờ, má tôi mới dừng tay. Ba tôi cười trối, bế tôi đặt lên giường than:

— Con nó còn nhỏ mà đánh quá tay!

— Ông không biết đấy, Phước thăng bé thông minh. Thế là bây giờ nó tàn phế rồi, thật tôi cũng ân hận lắm! Mà tôi nói rồi đến bên tôi, đắp tẩm chăn bông và khi xoa lên những vết roi trên người tôi. Tôi thấy mắt má tôi long lanh ngấn lệ nên trong lòng tôi thương tâm vô cùng. Suốt đêm hôm đó, tôi khóc thút thít, trong khi ở nhà

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BXT/ĐPDC

Phước không ngớt tiếng đọc kinh cầu chú.

Sáng hôm sau, mẹ Phước tới, khác với ngày thường, giờ đây bà ta rất dịu dàng nói với cha mẹ tôi:

— Phước nó nhất định đòi lại đây nói với ông bà rằng đừng có đánh đập Tiểu giáo cô, không phải cô nhà xô nó mà chính nó bị ngã đó.

Mã tôi đưa tôi mắt nhìn có ý trách tôi tại sao không sớm nói ra điều đó, trong khi ba tôi xoa đầu tôi, nói với mẹ Phước:

— Chúng tôi cũng đánh cháu rồi, thế là xong. Cháu Phước có sao không ạ?

Mẹ Phước ha hả cười nói:

— Cháu nó không còn đau nữa, ối nay giết nốt mẻ gà nữa là xong.

Có điều tay Phước không còn dùng được nữa. Lúc hấn buộc tay đếm tim tôi rủ đi chơi thì tôi lần tránh. Tôi không còn thích gặp hấn, vì cái hành động tàn ác của tôi lúc trước. Mà tôi bảo tôi đã trở thành một con bé khôn ngoan hiền lành. Sự thực thì đây là lần đầu tiên lương tâm tôi bị cắn rứt. Về phía Phước, hấn vẫn rủ tôi đi chơi mỗi lần như thế hấn đều cứ bảo tôi:

— Đẳng ấy chớ giận. Lúc đẳng ấy bị đánh, tôi không được biết.

Bởi là từ trước đến sau tôi vẫn không thêm để ý đến hấn nên hấn nghĩ rằng tôi còn hạn về việc mất cái điều đầu hồ nên ngày kia hấn bảo tôi:

— Khi nào tay tôi khỏi tôi sẽ làm một con điều thật lớn để đền cô. Cô thích cái dều đầu hồ chứ gì, phải thế không?

Hơn một tháng sau gia đình tôi dọn lên tỉnh rồi từ đó, nay ở chỗ này, mai chỗ khác. Đến ngày nay đã mười bốn năm qua chẳng dè tôi lại có ngay gặp lại Phước ở cái tỉnh nhỏ này.

★

— Nghĩ gì vậy? Nguyễn trác Văn hỏi tôi.

Tôi hỏi lại:

— Tại sao anh lại vào đây được nhỉ?

— Việc này hoàn toàn do ngẫu nhiên, tôi theo chú tôi tới đây buôn bán. À, tôi quên cho cô biết về sau tôi có lên tỉnh học hết bậc Trung học, tôi ở nhà chú tôi, chú tôi là một thương gia, còn cha mẹ tôi ở lạc bức màn sắt cả.

— Thế cánh tay của anh, anh không đi bác sĩ à?

— Lên tới tỉnh, đi khám thì đã chẳng còn hy vọng gì.

— Chà! Duy Khiết không nhàn nại được, đột nhiên nói xen vào:

— Các người nói chuyện gì với nhau đấy? Trước có quen à đừng quên đây còn hai người nữa lấy nhé!

— Mườ' mấy năm trước, ngày nào chúng tôi cũng chơi với nhau. Nguyễn trác Văn cười nói: « Chẳng dè hôm nay lại gặp. »

— Câu chuyện này phức tạp nhỉ! Duy Khiết nói rồi lại thêm một câu đầy ý vị. « Cuộc đời của người ta chỉ là một chuỗi tình cờ! »

— Sau khi cô đi rồi tôi có làm một cái điều đầu hồ, chỉ dùng có một tay, định đợi cô về, thế mà cô không trở lại.

Tôi muốn cười nhưng không sao cười được, hồi lâu tôi mới nói:

— Cái điều đầu hồ đáng chết ấy, nhắc đến làm gì tôi đã định từ rày về sau không bao giờ chơi điều

nữa. Thứ dồ ma qui ấy vì nó mà cái tay của anh..

Hấn cười, cắt đứt câu nói của tôi:

— Thôi, đừng nhắc đến tay tôi nữa, tôi không còn để ý đến nó nữa.

Duy Khiết chen vào nói:

— Tôi muốn được nghe, chắc câu chuyện và cánh tay có liên hệ nhiều?

Nói xong, Duy Khiết nheo mắt nhìn ông anh của mình. Người anh trịnh trọng bẩy giờ đây, đã trở thành một cái hồ lô không có nắp nữa. Anh chàng chỉ ngồi yên ở đây như phổ đá, hết nhìn Nguyễn trác Văn lại nhìn tôi. Tôi bèn kể lại chuyện cái điều.

Duy Khiết gật đầu đi lại phía mũi ném cái khăn tắm vào khoang, bốt nhiên quay sang bảo Nguyễn trác Văn:

— Tay ông mất nhưng ai dám bảo là ông không có Phước.

Nói xong, nàng nhảy ùm xuống nước, rồi ngóc đầu lên gọi.

— Đại ca anh không xuống bơi đi, còn ngàn người ra đó làm gì!

CÁI ĐIỀU

Đức ngạc nhiên, trừng mắt nhìn cô em. tôi thấy tự nhiên mặt mình nóng lên.

Một năm sau, cũng vào đúng tháng nắng.

Tôi đang ngồi trước nhà đọc sách thì có tiếng chân người vang lên. Tôi làm ra vẻ không biết. Thế nhưng, sau tôi đã có tiền nói:

— Tôi mang cho cô một món đồ. Cô thử đoán xem là cái gì. Tôi quay phắt đầu lại. Nguyễn trúc Văn đang bưng một món vật thật lớn.

— A ha ! Cái điều. Tôi kêu lớn tựa như ngày còn nhỏ và nói: «Cái điều đầu hồ. Anh mua ở đâu thế ? »

— Tôi làm lấy đó. chỉ bằng một tay. Thế mới tài ! Hấn cười vì đã nói một câu ý vị, tiếp: Cái điều mười

lăm năm trước đây bây giờ mới trở lại, cô thấy có thích không ?

Tôi cướp lấy cái điều vui vẻ nói:

— Thích chứ ! Tại sao không. Anh nợ tôi mà. Hấn hỏi :

—VẬY CÓN CÔ, CHẲNG LÊ CÔ KHÔNG NỢ GÌ TÔI SAO? Tôi đỏ mặt chìa tay ra nói:

— Cho anh chặt đi !

Hấn cười, cái cười ma giáo lắm ! cuối cùng hấn nói :

— Tôi thích che chở cho bàn tay ngài ngọc này và chủ nhân của nó .

Cắm chiếc điều tôi chạy ra ngoài xa. Lúc bấy giờ giờ thoi lỏng lẻo, thật là thời tiết thích hợp cho cơn điều lên cao,

□★

Đường midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/DPDC

MỌI NƠI

TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON COP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lăng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Hội tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. **Nhà thuốc Ông-Tiên** » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Giả phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9-5-63)

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin để :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDVITINH ngày 9-10-1961
Chủ-nhiệm : **NGUYỄN VỸ**

THU LÂM ẮN THƯ QUÁN
231, Phạm-Ngũ Lão — SAIGON
ĐT. : 25.861

GIÁ : 30 đồng
Công sở : gấp đôi



NEUROTONIC

★ BỒI BỔ ÓC

★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ